NGUYỄN·HIẾN·LÊ

nghề viết văn





NGUYỄN-HIẾN-LÊ

Thay lời tựa

BỨC THƯ GỞI MỘT BẠN TRẺ YÊU VĂN

Em X,

Em còn nhớ không ? Cách đây hai năm, một buổi chiều hè, em lại thăm tôi. Nghe tiếng gõ cửa nhè-nhẹ, tôi hô : « vô đi », rồi viết tiếp cho hết một câu trong bài tựa một cuốn sách. Khi đặt bút, quay lại thì em đã đứng ở sau lưng tôi mà tôi không biết.

Nhớ hôm đó, nhìn chiếc bàn xinh-xinh của tôi, trên đặt bình bông hồng, em tươi cười hỏi :

— Sống đời viết văn như ông, chắc thú lắm ?

Và tôi đáp :

— Nghề nào cũng có cái vui, nếu không thì làm sao theo đuổi được ; nhưng tôi tưởng nghề viết văn là một trong những nghề thích nhất mà cũng cực nhất.

Rồi câu chuyện tiếp tục về nghề cầm bút. Em tò-mò hỏi tôi về cách viết, việc bán, việc in, về đời sống của một vài nhà văn, về cảm-tình và thư-từ của độc-giả...

Một giờ sau, khi em cáo biệt, tôi đưa em tới sân và cảm ơn em vì em đã làm cho tôi bâng-khuâng nhớ lại tuổi xuân : cũng như em bây giờ, tôi ngày xưa rất muốn biết ít nhiều về đời tư các văn-nhân và ước-ao được sống bằng cây viết.

Em ạ, hai mươi tám năm về trước, mỗi ngày bốn lần tôi cắp sách đi ngang biệt-thự của cụ Nguyễn văn Vĩnh, một ngôi nhà trông ra Hồ Tây có hàng rào tầm-xuân ở

trước mặt. Nhiều lần tôi gặp cụ bận bộ âu-phục ca-ki, lái một chiếc xe máy dầu, chạy xuôi đường Quan-thánh, và khi xe đã chạy qua, tôi thường quay lại ngó cụ.

Lại những buổi chiều hè, ngồi dưới gốc đa trên đường Cổ-ngư, nhìn ba ngọn núi Tản uy-nghi, xanh thẫm, tôi cùng vài bạn cao hứng ngâm câu :

Nhập thế-cục bất khả vô văn-tự.

... mà cùng hẹn với nhau sau này sẽ phải lưu lại cái gì « bất khả vô » đó cho đời.

Những lúc ấy, lòng tôi thấy sôi-nổi lắm, tưởng như sắp thành Nguyễn Công Trứ, Tô Đông Pha cả rồi. Tuổi xanh ngông thật ! Em cười ư ? Chắc em cũng cùng tâm-lý ấy ?

Ngoài cái lẽ tôi mới nói, tôi còn cảm ơn em vì nhờ những câu hỏi của em tôi mới biết tự kiểm-soát lại tư-tưởng cùng cách làm việc, rồi suy-nghĩ để nhận rõ những bổn-phận cùng quyền-lợi của tôi, và sau cùng tôi lại ra công soạn cuốn này hầu giúp những bạn trẻ nào sắp bước vào nghề viết văn có sẵn tài-liệu để quyết-định.

Hôm nay sách đã viết xong. Tôi biết còn thiếu nhiều, có những vấn-đề như Sự kiểm-duyệt sách báo, Nhà văn với nhà cầm quyền *... mà tôi chưa thể đem ra bàn được, hoặc chỉ mới bàn qua. Nhưng chắc em đã hiểu tại sao mà không bắt lỗi tôi chứ ? Còn như đại-loại những câu hôm đó em hỏi tôi thì ở đây tôi đã trả lời đủ và tôi mong rằng cuốn sách này cũng có thể làm cho em gần được thỏa-mãn. Nhờ có em tôi mới viết nó, thì xin em giữ lấy nó làm kỷ-niệm. Gọi là một chút duyên văn.*

Sài-gòn ngày 17 tháng 9 năm 1955

NGUYỄN HIẾN - LÊ

Chú thích khi tái bản (1968) : Trong cuốn này tôi chỉ xét về *Nghề viết văn*, còn về *Nhiệm vụ nhà văn ở thời chúng ta* thì xin Độc giả coi cuốn *Mấy vấn đề xây dựng văn hóa* của tôi, do nhà Tao Đàn xuất bản đầu năm 1968.

PHẦN THỨ NHỨT

Nghề viết văn hiện nay

CHƯƠNG I

VIẾT VĂN LÀ MỘT NGHỀ

Viết một cuốn sách là làm một nghề cũng như chế tạo một cái đồng hồ.

LA BRUYÈRE

Một anh bạn tôi, thấy tôi viết cuốn nầy, mỉm cười, hỏi :

— Viết văn mà cũng là một nghề ư ?

Tôi cũng mỉm cười, đáp :

— Anh chưa nói hết ý, song tôi đã đoán được. Có phải anh cho viết là truyền bá tư tưởng, giải bầy nỗi lòng của mình ; nếu viết văn là một nghề chẳng hóa ra nghĩ đến việc đem bán cái tâm tư là cái đáng quý nhất trong con người để cầu sự ấm no cho xác thể ?.. Nếu quả anh nghĩ vậy thì tôi xin hỏi lại anh : dạy học như anh bây giờ và tôi hồi trước cũng là đem bán những hiểu biết, tư tưởng — cả lòng yêu trẻ nữa — để lấy một

số lương, vậy thì tại sao dạy học anh nhận là một nghề mà viết văn anh lại không chịu nhận ?

Anh bạn tôi đó không phải là người độc nhất nghĩ lầm như vậy đâu. Trong xã hội chúng ta hiện nay, mười người chắc có sáu bảy người còn giữ cái thiên kiến ấy. Họ cho viết văn không phải là một nghề vì nghề đó còn mới mẻ ở nước ta quá: từ cuối thế kỷ 19 trở về trước, ông cha ta tuyệt nhiên không hề nghe nói đến nghề viết văn và nghề này chỉ xuất hiện vào hồi mà Nguyễn văn Vĩnh, Tản Đà, Phạm Quỳnh bắt đầu sinh nhai bằng ngòi bút viết báo.

Thời xưa, các cụ ta làm thơ, làm phú, viết truyện ngắn, truyện dài, soạn Sử ký, Địa lý..., đều là để tiêu khiển hoặc giúp đời, cầu danh, chứ không khi nào nghĩ tới tiền. Viết xong một tác phẩm, các cụ chép tay lại, gởi cho bạn bè đọc. Con cháu hoặc môn sinh thấy sách hay, góp nhau, kẻ vài quan, người dăm tiền, thuê thợ khắc lên gỗ quý. Thợ khắc xong, các cụ cho in ít chục, ít trăm bản gởi tặng bè bạn, bà con. Người lạ muốn có một bản thì cứ mang giấy mực lại, người giữ bản khắc sẵn lòng cho phép in hoặc nếu nhờ họ in thì họ tính tiền công rất nhẹ. Họ thấy có một cái vinh dự được truyền bá tác phẩm và vinh dự đó đủ làm cho họ thỏa mãn, làm công việc đó họ chỉ mong trả ơn ông cha hoặc thầy học, hoàn toàn vì tình chứ không vì lợi.

Còn nói về những cửa hàng chuyên bán sách như những cửa hàng ở phố hàng Gai, Hà nội hồi xưa, thì hễ thấy một cuốn nào đó có nhiều người hỏi, họ liền kiếm một bản in, nhờ một nhà nho duyệt qua lại, rồi tự tiện mướn thợ khắc, không cần xin phép tác giả. Tác giả chẳng những cho vậy là tự nhiên mà còn lấy làm vinh hạnh được một hiệu sách in sách mình.

Tóm lại, một tác phẩm ngay từ khi chép hoặc in xong để truyền bá trong dân chúng là đã thành ngay của công rồi. Ai in lại cũng được, ai bán cũng được, thậm chí đến ai muốn tự ý sửa chữa, thêm bớt ra sao cũng được ! Vì vậy mà mỗi tác phẩm có nhiều bản không giống nhau, như Truyện Kiều có đến năm, sáu bản in, bản của họ Nguyễn, bản in ở Kinh, bản in ở Hà Nội, bản của hiệu sách này, bản của hiệu sách khác.

Tình trạng đó thật đã có hại cho văn học.

Hại thứ nhất là văn học phát triển không mạnh. Viết văn đã không phải là một nghề, nghĩa là tác giả đã không có chút quyền lợi vật chất gì cả thì viết chỉ còn là để tiêu khiển, dầu phẩm vẫn cao mà lượng tất nhiên phải kém. Chúng ta thử tưởng tượng nếu Victor Hugo cũng chỉ vì danh hay hứng mà viết thì tác phẩm của ông có được tới số trăm như vậy không ? Và nếu Honoré de Balzac không được các nhà xuất bản trả một xu nhỏ nào thì bộ *Hài-kịch của nhân loại* (La comédie humaine) có ra đời được chăng ? Cả thế kỷ trước, nước nhà xuất bản may lắm được trăm bộ sách còn Pháp thì hàng ức bộ, nguyên nhân chánh là các cụ cho viết văn không phải là một nghề.

Hại thứ nhì là do cái nạn ai in lại cũng được, ai sửa chữa cũng được, không cần cho tác giả hay, mà có nhiều tác phẩm vừa mới ra đời được vài chục năm

đã sai hẳn nguyên văn; khiến cho hậu thế muốn nghiên cứu về xã hội thời đó, đành phải lúng túng, không biết căn cứ vào đâu, dẫu tốn rất nhiều công phu cũng khó tìm ra được sự thực.

Những hại đó, người phương Tây sớm tránh được, nhờ họ sớm nhận viết văn là một nghề.

Thế kỷ 17 tại Pháp, La Fontaine bán cuốn Psyché cho nhà xuất bản Barbin lấy hai trăm đồng tiền vàng, Molière bán kịch Tartuffe cho nhà xuất bản Ribou được hai ngàn quan. Từ đó về sau, các đại văn hào như Diderot, Balzac, Vigny, Lamartine,, Hugo... đã chẳng lấy sự bán văn làm ngượng mà còn kịch liệt tranh giành mọi quyền lợi cho người cầm bút. Tới năm 1886, hơn bốn chục nước đã ký chung một hiệp ước ở Berne (Kinh đô Thụy sĩ) để che chở văn nhân và quy định rõ ràng quyền tác giả.

Vậy khắp thế giới đã công nhận viết văn là một nghề và chúng ta cũng đừng ngạc nhiên khi thấy những cuốn sách dạy cách viết văn để bán lấy tiền, như :

Writing for love or for money (Viết vì thích hoặc vì tiền) — Nhà xuất bản. Norman Cousins.

— *Writing and selling* (Viết và bán) của Patterson.

Một văn sĩ Mỹ đã nói : «Một nhà văn có tài phải là một người có tài bán tác phẩm». Một quan niệm như vậy có kẻ cho là không cao thượng nhưng quả là thực tế : nó có thể giúp một số nhà văn đỡ đói rét để kiên nhẫn đeo đuổi nghệ thuật, và trước hết nó giúp cho độc giả có sách để đọc vì một tác phẩm mà không

bán được, không in được thì chưa phải là một tác phẩm.



Cái nghề đó thật là « kỳ cục » đúng như thi hào P. Valéry đã nói.

Làm nghề hớt tóc, bạn phải sắm ít nhất một cái tông-đơ, hai con dao cạo, một cái gương, vài cái lược, rồi khăn lau, khăn quàng, dầu thơm, bàn chải...; làm nghề thợ mộc phải có cưa, có đục, có bào, có thước...; còn viết văn thì chỉ cần một cây viết, một tập giấy, hai thứ mà người nào chẳng có sẵn trong nhà ?

Chẳng cần có bằng cấp như nghề bán thuốc, nghề giáo-sư, nghề đánh máy, hoặc ít nhất cũng có một sổ thợ chứng nhận rằng ta đã tập sự ở đâu, làm những công việc gì, như nghề thợ điện, thợ sắt, ta cũng vẫn được cửa văn đàn mở rộng tiếp đón. Ai tự xét đủ sức xông pha với cây viết thì đấy, cứ tiến. Thực dễ quá, dễ đến nỗi Vũ Bằng đã mai mỉa :

« *Thi díp - lôm không đậu thì viết văn. Lấy không được chồng, chán đời cũng viết văn. Rồi thì mười sáu, mười bẩy tuổi đầu, chưa biết đời là gì hết, cũng viết văn nữa — mà viết rất nhiều là khác (...), viết xong là để đấy, hay có người không viết gì hết, nhưng cứ tự nhận là người văn nghệ* » (1).

Đã dễ mà lại có vẻ nhàn và tự do.

Nhàn, vâng, nhàn lắm, nhàn đến nỗi người ta thường lầm nhà văn với nhà... thất nghiệp. Không cần nói đến các văn sĩ « vui vẻ trẻ trung » hồi 1930-

(1) « Người văn nghệ, anh đi đâu ? » Mới — Số 57

1939, suốt ngày đêm la cà ở quán rượu, « hộp đêm » dắt díu nhau dạo hết ba mươi sáu phố phường Hà-nội, rồi khi nào chán lang thang mới đóng cửa trong vài tuần để « đẻ » ra một tác phẩm ; hãy nói ngay như các văn hào bực nhất ở Pháp, Anh như A. France, A. Maurois, G. Duhamel, A.J. Cronin, Somerset Maugham chẳng hạn, mấy ông này nổi tiếng trứ tác nhiều, mà làm việc cũng thong thả lắm, cứ viết độ năm, sáu tháng lại nghỉ chơi năm, sáu tháng hoặc viết buổi sáng thì nghỉ buổi chiều. Có nghề gì được thảnh thơi như vậy không ?

Tuy nhiên, đó chỉ là bề ngoài. Thực ra một nhà văn yêu nghề và biết tự trọng, thì thân nhàn mà tâm bất nhàn. Những lúc ta tưởng họ nghỉ ngơi, như khi đi dạo mát, đi du-lịch, la cà trong tiệm sách, trò chuyện trong bữa tiệc, họ cũng thường nhận xét, suy nghĩ rồi ghi chép để dùng làm tài liệu cho cuốn sách mà họ sẽ viết ; bao giờ họ cũng « thai nghén » hai ba tác phẩm ở trong đầu.

Vậy, nhàn thì nghề viết văn chưa hẳn đã là nhàn ; còn tự do, tự do trong phương tiện làm việc, thì nghề ấy cũng chưa chắc đã được tự do. Đành rằng nhà văn không phải tới hãng đúng giờ ; thức suốt đêm cũng được mà ngủ trọn ngày cũng được, lúc nào cao hứng mới viết ; nhưng nếu không kể những nhà văn « tài tử », thì một khi đã sống nhờ cây viết, người ta làm sao khỏi chịu nhiều bó buộc, chẳng hạn như bị nhà xuất bản hay nhà báo sai người đến thúc bài một ngày ba bốn phen, cấp bách tưởng như họ muốn

đòi phá bề ruột tằm ra. Một anh bạn tôi đã phải viết tới hai giờ khuya rồi bắt vợ dậy chép bản thảo từ năm giờ sáng để sách ra cho kịp thời. Thì « tài tử » ai bằng Tản Đà, có lần bị Diệp văn Kỳ giục ba bốn lần, đến nỗi phát gắt lên : « Làm thơ chứ phải mổ lợn đâu mà đúng giờ được ? » mà rồi cũng phải rán viết để khỏi phải nghe bên tai những lời lải nhải, eo xèo.

Đến như muốn viết gì tùy ý thì đó chỉ là mộng tưởng của nhà văn. Tình cảnh nhà văn hồi 1784 mà Beaumarchais đã mượn lời Figaro một vai chánh trong kịch của ông để mô tả như sau, hiện nay vẫn chưa thay đổi lắm :

« *Người ta cho tôi biết rằng trong lúc tôi về vườn, thì ở kinh thành Madrid mới ban hành một chế độ tự do thương mại về các sản vật ; chế độ ấy đã thi hành cả trong phạm vi ấn loát nữa ; và miễn là trong công cuộc trước thuật, tôi đừng nói gì can phạm đến quyền chính, đến tôn giáo, đến chính-trị, đến luân-lý, đến các nhà đương-đạo, đến các cơ-quan thế-lực, đến nhà Opéra, đến tất cả mọi hí viện khác, đến một người nào có tí địa-vị, thì tôi được tự-do muốn in gì thì in, sau khi hai ba nhà kiểm-duyệt đã xem-xét rồi*»(1)

Quyền tự-do của bạn không phải chỉ bị hạn-chế như vậy mà thôi đâu. Sách viết ra để bán, và không nhiều thì ít, bạn phải chiều thị-hiếu của người mua, nghĩa là

(1) Đặng-thái-Mai trích dịch trong cuốn *Văn-học khái-luận* (Liên-hiệp xuất-bản cục— 1950).

của nhà xuất-bản. Mười nhà xuất-bản thì sáu, bảy nhà coi nhà văn như những con ngựa đua của họ và mười nhà văn chân-chính thì chín nhà phàn-nàn: «Tôi chưa xuất-bản được cuốn nào thực như ý tôi cả». Âu là ta cũng đừng nên vội nói đến sự tự-do của nghề cầm bút!



Người ta bảo tài-hoa thường mệnh bạc; nhưng tôi nghĩ không phải người ta mệnh bạc vì tài-hoa mà chỉ bởi quá dùng tài của mình cho nên chết yểu.

Tôi không bạo miệng nói như Proudhon rằng nghề viết văn là nghề ghê sợ nhất; nhưng nghe John Burroughs bảo nghề đó «làm cho đầu bạn thì nóng, chân bạn thì lạnh, và sự tiêu-hóa các thức ăn phải ngưng-trệ», thì cứ theo sự nhận xét riêng của tôi, tôi thấy Burroughs không nói ngoa: hai bạn văn thân của tôi đều đau gan, còn tôi sáu năm nay bị bệnh đau bao-tử.

Romain Rolland, tác-giả bộ tiểu-thuyết trường-giang Jean Christophe, viết thư cho bạn là Louis Gillet:

«... mỗi cuốn trong bộ Christophe làm cho tóc tôi bạc đi nhiều (nói cho đúng thì làm tôi mất đi nhiều tóc); tất cả những cuộc khủng-hoảng của nhân-vật của tôi làm cho tôi điên-đảo cũng như người trong truyện, mà có phần hơn nữa, vì thể-chất tôi không mạnh bằng!»

Tchékov mượn lời một nhân-vật trong một truyện ngắn để tả nỗi đau khổ trong công-việc sáng-tác:

«Ngày đêm, một tư-tưởng theo đuổi tôi, thu hết tâm-lực tôi: phải viết, phải viết, cần phải viết. Vì viết xong một truyện, tôi lại thấy cần phải viết một truyện khác rồi. Tôi không hiểu vì sao, nhưng tôi viết không ngừng như người phu trạm chạy, và tôi không thể làm khác được (...) Đây này, tôi đứng trước mặt ông, tôi băn-khoăn, trằn trọc và lúc nào tôi cũng nhớ rằng có một cái tiểu-thuyết đang chờ đợi tôi. Tôi nhìn thấy một đám mây trông giống hệt một chiếc dương-cầm và tôi nghĩ rằng phải ghi lại rằng có một đám mây trắng giống như chiếc dương-cầm. Lá kia ngửi như mùi hoa hướng-dương và lập tức, tôi nghĩ ngay đến hoa hướng-dương mùi lạt-lạt ... «Nhớ lấy để dùng vào một đoạn tả cảnh mùa hạ». Tôi rình ông và rình cả tôi nữa, rình từng câu, từng chữ; tôi vội ghi vào trong ký-ức tất cả những câu đó, chữ đó, có lẽ một ngày kia tôi sẽ đem ra dùng. Và khi nào công-việc xong rồi, tôi phải nghỉ-ngơi, quên đi; nhưng ở trong đầu tôi quay lông-lốc một hòn gang, một đề-tài truyện mới, và tôi lại nhảy sổ đến bàn viết, và tôi cứ phải viết hấp tấp như thế, và tôi không được nghỉ ngơi lúc nào, đó là tự tôi làm tôi như vậy. Tôi thấy rằng chính mình lại tiêu hủy đời mình và lấy được mật ong để đem cho những người không quen biết ở khắp bốn phương trời, chính tôi đã lấy hương nhị những bông hoa đẹp nhất của tôi, tôi vò xé, tôi chà đạp gốc rễ của những cây hoa đó. Có phải tôi điên không?» (1).

---

(1) Vũ Bằng dịch — Khảo về Tiểu thuyết — Phạm Văn Tươi.

Như vậy thì làm sao mà chẳng chóng già, chết yểu! Và kẻ đọc xong *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn mà bảo : «Tinh thần tác giả trút hết vào trong khúc nầy, vậy không quá ba năm y sẽ chết» đã quả là hiểu rõ cái số mệnh của nghệ sĩ !

Mấy nhà bác học Mỹ sau khi phân tích máu của những người đã làm việc năm, sáu giờ liên tiếp bằng tinh thần mà không thấy có chất dơ như máu của những người đã làm việc bằng tay chân, nên đã kết luận rằng làm việc bằng tinh thần không mệt. Tôi cũng muốn tin điều ấy, song hàng tháng, có khi hàng năm, chú ý vào một vấn đề, có bữa còng lưng suốt ngày trên bàn viết thì thể chất có lực lưỡng như Balzac cũng khó mà chẳng sớm thấy ngày suy.

Cái điều mệt trí nhất trong nghề đó là nhà văn phải chiến đấu suốt đời. Bạn là giáo sư, soạn bài trong năm đầu rồi những năm sau, nếu cũng vẫn dạy môn đó và lớp đó thì công việc nhẹ đi già nửa. Bạn là y sĩ thì sau mười năm kinh nghiệm, trừ những trường hợp đặc biệt, bạn không cần phải suy nghĩ lung cũng đoán ra được bệnh.

Nghề cầm bút thì khác hẳn. Mỗi tác phẩm là một công trình mới, phải tìm tòi, trầm tư, sắp ý, lựa tiếng, sửa câu... Mà nếu nhờ quen nghề, bạn viết được dễ dàng hơn thì lại phải tự chống với sự dễ dàng ấy. Luôn luôn

bạn phải tìm cách viết hơn người khác và hơn những tác phẩm trước của bạn. Bạn phải chiến đấu với người và với mình, không thể để cho cây bút của bạn «xuống» luôn trong vài ba năm vì một khi nó đã xuống thì tất nhiên bạn sẽ bị độc giả thờ ơ, có khi còn cay nghiệt mỉa mai là khác nữa.

Đời một đào hát, khi về già, chua xót ra sao thì đời một nhà văn khi bị độc giả quên tên cũng não nuột như vậy. Đó là số phận chung của nghệ sĩ.



Mà trong các nghệ thuật, văn nghệ có phần bạc bẽo nhất. Tại các nước văn học rất thịnh, độc giả rất đông như nước Pháp, mỗi thời chỉ được dăm ba nhà văn nhờ cây viết mà phong lưu như Voltaire, Victor Hugo, Anatole France..., còn phần đông thì đủ ăn là may. Ở nước nhà, tình cảnh nhà văn tất nhiên còn hắc ám hơn nhiều. Nam Cao sống với một mảnh vườn trầu không ; Trần Huyền Trân chui rúc trong một túp lều trên mặt hồ, ngày viết văn, tối đi chiếu phim cho một hãng hát bóng, Thâm Tâm phải đóng sách cho nhà Tân Dân để kiếm thêm tiền độ nhật ; Thứ Khanh gia đình năm sáu người chen chúc nhau trong một chiếc ghe dài ba thước và có hồi lại phải ngủ ở vỉa hè ; còn Vũ Trọng Phụng thì thốt một câu chua xót : « Người ta mà được ăn cơm thì sướng thật !»

« Có bọn đi vay mượn để ra báo. Có người nhịn ăn nhịn ngủ để viết sách. Có người ca hát trong thanh bần và nước mắt để làm thơ. Có người cố quên cả anh em, họ hàng chết chóc để xây dựng kịch hát. Có người vượt cả gian lao, lặn lội về vùng tề để sống với dân chúng, lăm le nhặt nhạnh tài liệu để tạo nên những thiên phóng sự » (1)

Cố nhiên một số ham danh, nhưng danh vốn nhạt nhẽo, không đủ để làm quên cái thánh giá đeo trên vai. Tất còn lý do khác. Lý do đó, tôi đã chỉ trong cuốn *Luyện văn*, ấy là văn thơ có sức quyến dũ vô cùng. Có sống với nó mới mê nó, mà đã mê nó thì khó gỡ ra được. Như André Maurois đã nói : « Đối với một người đã chơi một canh bạc lớn thì sự rút lui về nghỉ ngơi là một điều gần như chịu không nổi. Người đó đã ghiền một thứ là hoạt động, không thể tẩy độc được nữa ».

1. « Người văn nghệ, anh đi đâu ? » của Vũ Bằng.

CHƯƠNG II

NGHỀ VIẾT VĂN Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

Văn chương hạ-giới rẻ như bèo.
TẢN-ĐÀ

Thưa bạn, tôi vốn không ưa những chuyện buồn. Tôi nghĩ buồn thường phá hoại, vui mới kiến-thiết. Vậy nếu bạn thấy cuối chương trước và đầu chương này đều có giọng hơi buồn, thì thực không phải tại tôi, mà tại vấn-đề vậy.

Trong chương trên, tôi đã dẫn một đoạn của Vũ Bằng về tình cảnh của nhà văn lớp trước. Đây lại xin phép ông dẫn thêm một đoạn nữa:

«Có những nhà văn-nghệ viết bài cả tháng cho báo mà được ba đồng (1) ; một người khách từ quê ra tỉnh mỗi lần vài chục cây số mất hàng đồng mà hàng nửa năm không đem về cho nhà được lấy một xu ; lại có anh viết, viết viết mà cứ nhịn đói dài người ra, phải ăn phở hàng tháng để trừ cơm rồi kết cục, đến

(1) Hồi tiền chiến, tức ba giạ lúa.

Cơm không đủ ăn, nhà không đủ ở, áo không đủ mặc mà đau lòng nhất là có khi bị chính cha mẹ, vợ con, anh em khinh bỉ nữa.

Vì nghề bạc bẽo, nên đâu-đâu và thời nào cũng thấy nổi lên những lời ta oán nó. Thi-nhân chịu nhiều nỗi đau khổ hơn cả, tỏ giọng uất hận nhất. Như Baudelaire nghiến răng nguyền rủa Trời đã sinh ông làm thi sĩ. J. Leiba muốn kiếp sau được làm tên kéo xe. Còn Hoàng Cảnh Nhân suốt đời cùng khốn, gần như cuồng, ngâm trong một đêm trừ tịch :

Nhữ bối hà tri ngô tự hối,
Uổng phao tâm sự tác thi nhân,
(Bọn trẻ biết đâu ta tự hối,
Uổng đem tâm trí để làm thơ)

Thi sĩ Paul Scarron nhắc lại nỗi khổ của mình trong những vần dưới đây mà ông bảo người thân khắc lên mộ-chí cho ông.

Celui qui y maintenant dort
Fit plus de pitié qu' envie,
Et souffrit mille fois la mort
Avant que de perdre la vie.
Passant ne fais ici de bruit ;
Garde bien que tu ne l'eveille
Car voici la première nuit
Que le pauvre Scarron sommeille

(Người đương ngủ ở đây đã đáng thương hại hơn là đáng ước ao và đã cả ngàn lần đau khổ tưởng tới chết, trước khi lìa cõi đời. Hỡi khách qua đường, đừng làm ồn ở đây; coi chừng kỹ đừng đánh thức người vì đây là đêm đầu tiên mà Scarron đáng thương hại được ngủ.)

Gần đây, Bình Hành, khi mắc một chứng nan y đã thở than trong bài« Tự sỉ » :

Trời đất nuôi ta có lẽ thừa,
Nên thời không thuận, vận không ưa.
Bất tài, thân thế đâm lơ láo,
Đa bệnh, nhân sinh hóa lọc lừa,
Duyên phận ra chi mà cố gượng,
Tâm tư còn chút cũng xin chừa,
Hỡi ơi, giường cột cho thê tử,
Một lũ trông vào, cay đắng chưa ?

Oán thì oán, oán thậm tệ, mà số nhà văn giải nghệ cũng vẫn ít. Trong mấy trăm văn sĩ hồi tiền chiến, chỉ có dăm ba người quyết tâm gác bút như Trúc Đỳnh, Phùng Tất Đắc, (1) còn ngoài ra đều bị «một mối tơ tằm buộc chết», như lời nói của Tản Đà.

Hạng người này hy sinh thân họ và cả gia đình họ cho văn nghệ :

(1) Gần đây họ Phùng lại viết lại rồi

cuối năm, giao-thừa không có tiền trả, xuýt bị hàng phở, phang cho một trận».

Vũ Bằng không nói quá đâu. Ngay ở Sài Gòn, nơi « tiền rừng bạc bể » này, năm 1939, một anh bạn tôi đảm-nhiệm phụ-trương văn-chương cho một nhật-báo có tiếng mà mỗi tháng chỉ được lãnh có năm đồng, một anh khác đem một truyện ngắn bán cho một tờ tuần báo, được chủ-nhiệm trả bằng một tô phở, một ly cà-phê và vài lời an-ủi.

Thời này có khá hơn một chút. Muốn xét kỹ, tôi xin phân-biệt văn-nhân làm năm hạng:

— nhà thơ

— nhà soạn kịch

— Nhà viết tiều thuyết.

— nhà viết sách khảo-cứu

— ký giả.

Nhà thơ thì khỏi phải xét tình-cảnh của họ. Nếu họ không có cha mẹ, vợ con, anh em, bạn-bè để nương tựa, lại chỉ chuyên làm thơ mà hòng bán thơ để sống thì họ điên, thật là điên. Xin hỏi bạn, thơ bán cho ai ? Cho nhà xuất-bản ư? Không một nhà nào chịu mua cả. Vũ Hoàng Chương là một trong những thi-nhân có danh nhất mà cũng còn phải sống về nghề dạy học và bạn nên biết tập « Rừng phong »

của ông xuất-bản hồi năm ngoái, không phải nhà xuất-bản bỏ tiền in đâu.

Còn nếu đem thơ bán cho nhà báo ư ? Thì mỗi tuần mỗi nhà báo nhận được hàng chục, hàng trăm bài thơ của các thi sĩ trong các văn-đoàn A, B, C . . . gởi lại yêu-cầu, khẩn-khoản xin đăng, toà soạn phải liệng vào sọt rác từng xấp, từng xấp, chỉ giữ lại vài ba bài đăng « vị tình» ; như vậy thì còn ai dại gì bỏ ra tiền mà mua ?

Nếu có người nào thấy thơ mình được đăng mà đòi tiền nhuận bút—tôi tưởng thời này ít ai lại khùng như vậy—thì tòa soạn sẽ nói thẳng vào mặt người đó rằng : «Anh đừng nên lầm tưởng rằng anh có tài. Đăng thơ anh là chúng tôi muốn khuyến khích anh, quảng cáo giùm cho tên anh đấy. Đáng lẽ anh phải trả tiền quảng cáo cho chúng tôi, chứ còn đòi tiền nhuận bút nữa ư ? »

Tòa báo nào nhã nhặn lắm thì mới gởi tặng cho «thi hữu» đó một số báo. Nhưng ở Sàigon này, bận việc như các ông chủ nhiệm, chủ bút, thì đã có mấy ông dư thì giờ mà nghĩ đến vấn đề «tình cảm» ấy. Tốt hơn là thi sĩ nên lại sập báo mua thì chắc hơn, mua mươi số để tặng ít bạn bè.

Kịch cũng khó bán như thơ, nhất là loại kịch thơ. Kịch của bạn nếu vui, có chút ít nghệ thuật, và đừng

dài quá thì nhà báo có thể đăng giúp bạn được. Ấy là chỗ nề nang lắm đấy. Còn như muốn xuất bản, bạn phải tự bỏ vốn ra như ông Vũ đình Long. Tất nhiên là bạn không cần lợi, tôi vẫn biết.

Tiểu thuyết dễ bán hơn. Hiện nay, nếu không kể những tiểu thuyết cũ tái bản và những tiểu thuyết chỉ đăng trên báo thì mỗi năm nước nhà xuất bản trung bình cũng được dăm, sáu chục cuốn. Số đó có vẻ như lớn, nhưng hỏi các nhà xuất bản thì mới biết mười bản thảo gởi tới, họ chỉ nhận có một, hai.

Viết tiểu thuyết có thể rất dễ «kiếm ăn» ; miễn là có cái giọng hấp dẫn và biết chiều những thị hiếu tầm thường của đại chúng là người ta có thể «lượm» được mười, mười hai ngàn một tháng rồi. Nhưng tôi biết bạn qui trọng nghề cầm bút, nên không xét trường hợp hạng «nhà văn» đầu cơ ấy.

Bạn có lương tâm, lại yêu nghệ thuật, viết một tiểu thuyết hai trăm trang giấy in, ít nhất mất sáu tháng, như vậy mỗi năm được hai cuốn. Nếu cả hai đều được nhà xuất bản mua cho—trường hợp ấy hiếm lắm — thì một năm bạn kiếm được khoảng hai vạn đồng (1). Ngoài ra,

(1) Một tiểu thuyết hai trăm trang, thường in ba ngàn cuốn, mỗi cuốn bán khoảng ba chục đồng. Nhà xuất bản trả bạn 10 phần 100 giá bán tính theo số sách in ra.

Vậy mỗi cuốn bạn được lãnh $\frac{30đ. \times 10}{100} \times 3.000 = 9.000đ$ tôi tính chẵn là 10.000đ. Hai cuốn, bạn được 20.000đ

Hiện nay (1968) tác quyền có khi chỉ là 7% 5% 3% giá sách so với năm 1955 tăng lên gấp ba, còn mức sinh hoạt tăng lên ít nhất là gấp năm.

nếu tiểu thuyết của bạn mỗi năm được tái bản hai cuốn —tác phẩm của Khái Hưng cũng chưa được thế—thì mỗi năm bạn được thêm hai vạn đồng nữa, cộng là bốn vạn. Nhưng bạn có thể chắc rằng luôn trong mười năm hai mươi năm, bạn trứ tác đều đều theo mực đó và bán trôi hết cả như vậy hay chăng ? Bạn mà dám chắc thì tôi phục bạn, bạn hơn cả Balzac, Hugo, Maugham, Zweig !

Tóm lại, bạn phải vào hạng tiểu thuyết gia đại tài và rất hên mới có hy vọng kiếm được trung bình hơn ba ngàn đồng một tháng, còn kém số lương một thư ký tập sự có bằng cấp cao tiểu, không vợ, không con.

Với số tiền đó mà đùm đề thê tử thì chắc chắn bạn phải như Tú Xương đã :

Chạy ăn từng bữa toát mồi hô,

và cay đắng, tủi nhục :

Vạn nợ lắm khi tràn nước mắt.

Còn về loại khảo cứu thì tôi chưa thấy nhà văn nào ở nước mình mà chuyên sống về loại ấy. Nó thuộc loại khó bán, mỗi năm toàn quốc xuất bản độ hai chục cuốn—kể cả những cuốn tái bản—trong số đó chỉ vài ba cuốn in ba ngàn bản, còn thường là hai ngàn, có khi chỉ ngàn rưỡi mà bán cũng lây lất năm nầy qua năm khác. Sách loại ấy viết càng cao, bán càng khó mà những nhà văn đứng đắn bao giờ cũng muốn viết mỗi ngày

một cao hơn, bởi vậy nhiều nhà đã phải gác bút, nếu không sẵn có một nghề khác để nuôi nghề viết văn (1).

Một vài nhà soạn Tự điển và sách giáo khoa, gặp thời thu được khá nhiều, nhưng sự thành công của họ chỉ nhất thời mà sự cạnh tranh thì kịch liệt và đã có người phải xoay qua công việc khác rồi.

Rốt cuộc, hiện nay chỉ có hạng ký giả nhà nghề là dễ sống hơn hết. Tôi không kể những ông chủ báo, bỏ tiền ra in báo, mà cả năm không viết một câu, họ có thể kiếm mỗi tháng hàng trăm ngàn đồng, nhưng họ không phải là nhà văn. Các ông chủ bút làm công thường lãnh lương khá cao, từ sáu ngàn đến mười ngàn đồng, chẳng qua cũng chỉ bằng lương một công chức hạng trung làm lâu năm và đông con, mà công việc các ông ấy nặng nhọc vô cùng, gấp năm gấp mười công việc của một ông tham tá.

(1) Gần đây, trong một bài phỏng vấn của báo *Văn nghệ mới*, Lê văn Siêu, tác giả cuốn *Văn minh Việt nam* đã chua xót thốt ra những lời này :

«Năm tháng làm việc như vậy (để viết, sửa bản đánh máy, sửa ấn cảo cuốn Văn minh Việt nam), tôi được bao nhiêu tiền ? Giỏi lắm là tám ngàn đồng. Vậy mỗi tháng là 1,600đ. Với số tiền ấy, tôi làm cách gì để nuôi cái thân trâu ngựa của tôi cho sống mà phụng sự Văn nghệ và nhân dân ? Và tôi làm cách gì để nuôi gia đình cho con cái tôi cũng được học tại Trung học và Đại học ?

Vì vậy mà nhà văn họ Lê này đã có hồi phải làm một hạng công chức. (chú thích năm 1968)

Dưới một bực là những người dịch tin thế giới, viết điều tra, tiểu thuyết hoặc đảm nhận những phụ trương (văn chương, học sinh, phụ nữ, thể thao...) Những người này phải viết mỗi ngày khoảng bốn năm trang giấy đánh máy, suốt tháng suốt năm, khi mạnh cũng như khi đau, lúc vợ đẻ cũng như lúc con sài, thậm chí chính họ đau mà cũng không dám nghỉ (1). Mà lương họ được bao nhiêu ? Cao lắm thì năm, sáu ngàn mà thấp nhất hai ngàn !

Đó, tình cảnh các nhà văn ở nước ta hiện nay là như vậy.



Tình cảnh ấy một phần lớn do ở trình độ quốc dân. Trong một nước chỉ có khoảng hai chục triệu người, lúc này chia làm hai khu vực, mà tám chục phần trăm mù chữ, còn lại bao nhiêu thì hoặc vì nghèo, hoặc vì không được khuyến khích, hướng dẫn, vẫn coi sách là một xa xỉ phẩm, chưa thấy cần đọc sách như cần ăn, cần uống, trong một nước như thế thì sách làm sao mà bán chạy mà nhà văn làm sao mà khỏi nghèo túng ?

Tuy nhiên, ta cũng phải nhận rằng ngay ở Pháp, Anh, Mỹ là những nơi văn chương có một thị trường

(1) Nên nhớ thêm là nhật báo rất ít khi nghỉ lễ.

rộng gấp mười, gấp trăm ta, (khắp thế giới có khoảng năm chục triệu người biết đọc tiếng Pháp và trên ba trăm triệu người biết đọc tiếng Anh), mà nghề viết văn cũng là một nghề chật vật nhất. Charles Braibant trong bài tựa cuốn *Le métier d'écrivain.* (Nghề viết văn) viết :

> « *Hỡi bạn trẻ (làm nghề viết văn), bạn tới nhằm lúc khó khăn. Sách bán không được. Vài nhà xuất bản thản nhiên nuốt lời, chối cả những điều trong giao kèo mà họ đã ký. Mà nghề càng khó khăn lại càng đông người*».

Ở Mỹ, theo J.N. Leonard trong bài Learning how to write (Học cách viết), thì riêng về loại tiểu thuyết, đã có hàng ngàn nhà chuyên môn và năm nào cũng thêm hàng vạn người tập viết. Trong số đó, bao nhiêu người thành công nghĩa là có tiền và có danh ? May lắm là được bốn phần ngàn, còn chín trăm chín mươi sáu phần ngàn kia thì đành ôm cái hận thất bại. Leonard dám quả quyết như vậy vì ông đã điều tra và thấy những tờ báo lớn nhất ở Mỹ mỗi tuần nhận được trên ngàn bài cầu đăng mà chỉ chịu mua có ba, bốn bài.

Song le, nước người, văn nhân dù sao vẫn sướng hơn ở nước ta nhiều vì một khi đã có danh vọng trên văn đàn thì đời họ rất phong lưu.

Chẳng hạn như một tiểu thuyết gia người Pháp, nếu được giải thưởng Goncourt là đã thành triệu phú

ngay. Chính giải thưởng không là bao, chỉ có năm ngàn quan, nhưng ảnh hưởng của nó rất lớn : nhà xuất bản sẽ dám in ngay lần đầu hai trăm ngàn cuốn, tính giá trung bình mỗi cuốn năm trăm quan, quyền tác giả ít nhất là 10 phần 100, tức 50 quan, hay là 5đ ; chỉ tính riêng về hai trăm ngàn cuốn đó, tiểu thuyết gia đã được đúng một triệu bạc rồi !

Rồi còn ảnh hưởng tới những cuốn sau nữa : chưa được thưởng, mỗi cuốn in ba ngàn sợ còn ế, được thưởng rồi thì bất kỳ cuốn nào viết ra cũng cầm chắc bán được chục ngàn trở lên.

Nói chi tới những nhà văn nổi danh khắp thế giới như A. Gide, Tolstoi, Gorki, Cronin, London, Maugham Koestler, Zweig, Steinbeck.... Tác phẩm nào họ cũng lần đầu in hàng chục ngàn cuốn rồi tái bản hàng chục lần, dịch ra hàng chục thứ tiếng và đem về cho họ hàng triệu bạc. Như cuốn *How to win friends and influence people* của Dale Carnegie trong bốn năm đã bán được bốn triệu bản và tác giả đã được hưởng ít nhất là hai chục triệu đồng. Hai chục triệu đồng ! Nhà văn mình mà được số tiền đó thì cứ ngồi không sống ba đời, tiêu không cũng không hết.

Những ông hoàng trên văn đàn đó, ông nào cũng có ba, bốn cái biệt thự hai ba chiếc xe hơi, cứ viết trong năm, sáu tháng lại nghỉ một thời gian, đi du lịch khắp

năm châu, và mỗi khi cao hứng lại đẻ ra một bài độ ba, bốn ngàn chữ để cho các báo danh tiếng tranh nhau mua với cái giá không dưới bốn chục ngàn đồng bạc, tức như mười đồng mỗi chữ. Mười đồng mỗi chữ ! Thấy những mà tủi cho mình. «Văn chương hạ giới rẻ như bèo», hai chữ « hạ giới » của cụ Tản Đà đây có lẽ hơi « rộng » đấy.



Đã hay mấy danh sĩ tây phương vừa kể đều là những bậc đa tài và quảng kiến, người ta trả văn của họ như vậy thật là xứng giá, nhưng Việt Nam ta cũng có nhiều truyện ngắn của Nguyễn Tuân, Thanh Tịnh, NamCao Bùi Hiển.... nghệ phẩm không kém những truyện của họ mà chỉ bán được.... được bao nhiêu ? Theo giá bây giờ thì mười trang đánh máy khoảng ba ngàn chữ, trung bình chỉ được năm trăm đồng, thật kém xa văn Âu, Mỹ. Nguyên-nhân là tại độc-giả của mình ít, nên các nhà xuất-bản và nhà báo không dám trả giá cao hơn.

Có điều đáng mừng là số độc giả đó có thể tăng lên mau. Nếu nước nhà được thống-nhứt và hoà-bình mà chính phủ lại đặc-biệt lưu tâm đến văn-hoá thì chỉ trong ít năm, số người mù chữ không còn mà hạng

người có một sức học phổ thông sẽ đông gấp năm, gấp mười ngày nay, khiến cho số sách bán được cũng tăng theo.

Lại thêm cánh đồng văn-hóa của ta còn biết bao khu vực để khai-thác, một khi đồng-bào đã chịu tìm học thì chỉ sợ không đủ người viết, chứ không sợ thiếu đầu đề để viết, và như vậy các văn-nhân không sợ cạnh-tranh nhau ráo riết.

Ai vào các thư-viện công-cộng tất đã thấy,về bất kỳ ngành nào ta cũng còn hoàn-toàn thiếu sách bằng tiếng Việt. Tôi tin rằng chẳng bao lâu nữa, quốc-dân sẽ đòi hỏi những sách đó và các nhà cầm bút nên suy-nghĩ về điều ấy mà dự-bị từ bây giờ đi.

Đó là nói về sách, còn về báo ta cũng còn thiếu chuyên viên trong nhiều loại văn: phóng-sự điều-tra của ta mới phôi-thai,loại du ký ngắn của ta chưa sắc-sảo,hấp dẫn, đến như loại bài kể kinh-nghiệm từng người (1) và loại dạy cách làm những việc lặt-vặt (2) như trồng bông, sửa máy, đóng tủ, làm đèn... thì còn thiếu hẳn.

Và ngay trong khu-vực tiểu-thuyết mà chúng ta đã tấn-bộ nhất, chúng ta vẫn còn phải gắng sức lâu mới theo kịp được người. Lẽ nào mà đại đa số độc-giả cứ

(1) Người Anh gọi là The personal experience story,

(2) How to do article.

mê-muội hoài như ngày nay và chỉ đọc toàn những tiểu-thuyết « anh anh em em » cùng những truyện « kiếm-hiệp một đồng » ?

Rồi còn kịch, tùy-bút, phê-bình... biết bao khu vực gần như hoang-vu vẫn sẵn-sàng cho bạn tha hồ khai-khẩn.

Tóm lại, thị-trường văn-chương ta lúc nầy, tuy đông người bán vắng người mua thật—nước nào mà chẳng vậy?—nhưng nếu bạn khéo lựa món hàng bổ-ích cho-quốc dân rồi thận-trọng, kiên-nhẫn sản xuất thì một ngày kia, khi trình-độ đọc sách của quần chúng đã tiến, tác-phẩm của bạn sẽ hợp với nhu-cầu của quốc-dân, lúc đó, cái ngòi bút sắt của bạn còn chi mà chẳng thực nhọn trong cách kiếm ăn đời ? (1)

(1) Do hai câu thơ Tản-Đà :
Bây giờ anh (tức ngòi bút) đổi lông ra sắt,
Cách kiếm ăn đời có nhọn không ?

CHƯƠNG III

NHỮNG ĐIỀU - KIỆN ĐỂ THÀNH-CÔNG

Nếu bạn thấy vô cùng hăng hái trong khi làm việc thì gần như không có việc gì mà bạn không thành công,

CH. SCHWAB,

Đối với nghề viết văn, sức khoẻ vẫn có ích nhưng không cần thiết. Biết tổ chức đời sống thì dù đau vặt suốt đời một nhà văn cũng có thể thành công. Voltaire, (khi về già) và Proust quanh năm không ra khỏi phòng bệnh mà cũng viết được, riêng Voltaire lại viết rất nhiều nữa. Vả lại, như tôi đã nói, bệnh tật là tình cảnh thông thường của nhà văn : trong văn học sử cổ kim, đã

mấy người được thân hình vạm vỡ như Balzac như Tolstoi ?

Lại cũng không nhất định phải có thiên tài mới nổi danh. Thiên tài là vật rất hiếm ở đời, cả một thế kỷ, mỗi nước may lắm được vài ba người như Nguyễn Du, Nguyễn thị Điểm, Lý Bạch, Đỗ Phủ, Hugo, Lamartine Đến như bọn phàm nhân chúng mình thì không thể hy vọng trời ban cho của hiếm ấy, vậy ta chỉ cầu có chút tài hoa nho nhỏ để đủ bước vững trên văn đàn, và tự ta, ta phải có tấm lòng yêu nghề, yêu mê say, tha thiết.

Yêu nghề ? Đúng, tôi cho rằng đối với bọn «không sẵn tư trời» là chúng mình thì yêu nghề là một điều kiện quan-trọng nhất.

Bạn bảo :

— Điều đó khỏi dặn mà, yêu nghề văn tự thì tôi đã thừa yêu !

— Vâng, nhưng tôi muốn biết bạn yêu nó ra sao ? Bạn có thể, sau khi làm việc suốt ngày ở sở trong khi vợ con mong đợi ở nhà, lại cứ cắm cổ đạp xe đến nhà in để viết bài, rồi mãi khuya mới trở về, rụt rè gõ cửa sợ làm mất giấc ngủ của những người thân ? Hay bạn có thể yêu văn mà sống như Phùng Bảo Thạch, Nguyễn Triệu Luật, Vũ Trọng Phụng, Ngô Tất Tố, nghĩa là sống trong tòa soạn, trải chiếu xuống sàn gác mà ngủ, ăn thì toàn muối mè, rau cải và dưa trong hàng tháng ?

Nếu được như vậy thì có thể coi như bạn đã thành công một nửa vì tôi tin rằng bạn sẽ đủ kiên nhẫn để sửa một câu văn năm, sáu lần, kiếm tài liệu trong vài ba năm trước khi soạn một cuốn sách hai trăm trang và chịu cảnh bần hàn mà đeo đai cho tới chót.

Điều kiện thứ nhì là bạn phải lựa một loại văn hợp với khả năng của bạn.

Thomas Carlyle nói : «Sung sướng thay người nào kiếm được việc hợp với mình ! » Phải lắm, có một việc hợp với mình thì làm chi mà chẳng thấy «vui như một trò chơi tuyệt thú» và chẳng thấy thành công chắc chắn ?

Nói cho ngay, ai mà không ham cái danh thi sĩ ? Còn gì khoái cho bằng mỗi bài thơ của mình được hàng ngàn miệng ngâm nga, có bài lại được những bàn tay ngọc đem thêu trên lụa nữa ? Nhưng, một anh bạn tôi chính vì ham cái danh ấy quá mà mặc dầu thấy thầy và bạn khuyên đừng làm thơ, vẫn cố công nặn óc tìm vần trên 10 năm nay để rốt cuộc chỉ chuốc tiếng cười của bậc thức giả. Chẳng riêng tôi, nhiều người đều nhận anh bạn ấy có khiếu về tùy bút và nghị luận : ồ, phải chi anh để công phu luyện thơ mà luyện hai thể vừa nói thì có phải đã nổi tiếng rồi không ?

Biết bao bạn trẻ bước vào làng văn với quyết định thành một tiểu thuyết gia mà không tự xét có khả năng về loại đó không. Các bạn ấy hãy đọc đoạn tự thú này của Dale Carnegie :

triệu; còn gò lưng ra viết thì dù có táng tận lương tâm, mãi dâm cây bút, cũng chỉ kiếm được mươi, mười lăm ngàn đồng trong một thời gian ngắn để rồi khi hết thời, lại bị chính những độc giả đã say mê đọc ta, sẽ buông lời mạt sát ta.

Một anh bạn thi sĩ của tôi nói: « Nếu phải làm thơ vì tiền thì khổ lắm, thà làm thợ mộc, thợ nề còn sướng hơn. » Đúng vậy, miễn cưỡng viết là một cực hình, đã chẳng bõ công mà còn làm tâm hồn ta ti tiện đi nữa.

Boileau trong cuốn *Nghệ thuật làm thơ* (L'art poétique) tỏ vẻ khinh bọn cầm bút tham tiền:

« *Tôi biết rằng một tâm hồn cao cả có thể kiếm được một số lợi chính đáng trong công việc của mình, như vậy chẳng nhục nhã mà cũng chẳng tội lỗi gì cả; nhưng tôi không thể chịu được hạng tác giả có tên tuổi mà chán danh, ham bạc, đem thần Apollon (1) cầm cho tiệm sách và làm cho một nghệ thuật thành một nghề buôn.* »

Rồi Boileau khuyên ta nên viết vì danh.

Rất nhiều văn nhân nghĩ như ông và có kẻ chỉ mong suốt đời viết một câu bất hủ — một câu thôi chứ không cần một bài. Một anh bạn tôi làm thơ đã hai chục năm, nói: « Được như Đặng Dung, tác giả câu này:

(1) Thần nghệ thuật

Quốc thù vị báo đầu tiên bạch,
Kỷ độ long tuyền đái nguyệt ma.

... rồi chết cũng không hận. » Một anh khác đọc tiểu sử Trương Tiên, một thi sĩ đời Tống (1) rồi mơ mộng cả buổi; và không biết tới nay anh đã tìm được câu nào để hậu thế nhắc tới mình chưa?

Ham danh vốn là tật chung của nhà văn song ham tới mực đó thì cũng quá. Trong lúc sống, ít ai nghĩ đến cái danh của mình mà một khi đã xuống hố thì những cục đất rớt độp độp trên quan tài cũng không hay, còn biết gì đâu mà thích lưu danh muôn thuở?

Viết còn có thể vì mục đích khác nữa là cầu vui, là để được cái thú viết, hoặc thỏa cái nhu cầu viết.

Trong một bức thư gởi cho bà Maurice Schlésinger, Gustave Flaubert có câu:

« *Cũng như hồi trước, tôi sẽ viết, chỉ để được hưởng cái thú viết, tôi chỉ viết cho một mình tôi, không hề nghĩ gì về tiền bạc hoặc danh vọng ồn ào cả* »

(1) Họ Trương được người đương thời tặng cho chức: « Lang trung đào lý giá xuân phong » vì ông làm chức lang trung và nổi danh nhờ câu:

Đào lý giá xuân phong.
(Đào mận gả gió xuân)

« Hồi ba mươi tuổi tôi quyết chuyên viết tiểu thuyết. Tôi sắp thành một Frank Norris hoặc Jack London hoặc T. Hardy thứ nhì. Tôi hăng hái tới nỗi qua ở Châu Âu hai năm. Tại đó tôi sống dễ dàng với vài Mỹ kim mỗi tháng, vì sau đại chiến thứ nhất, ở đây có sự lạm phát giấy bạc. Trong hai năm ấy tôi viết một kiệt tác nhan đề là «Blizzard» (Dông tuyết). Nhan-đề ấy hợp quá vì bản thảo được các nhà xuất-bản đón tiếp một cách lạnh lùng không khác những cơn dông tuyết thổi trên cánh đồng Dakota. Khi nhà xuất-bản nói thẳng vào mặt tôi rằng cuốn ấy là đồ bỏ, rằng tôi không tài, không có khiếu về tiểu tuyết thì tim tôi muốn ngừng đập. Tôi quay gót ra như kẻ mất hồn. Có ai đập mạnh vào đầu tôi cũng không làm cho tôi choáng váng hơn. Tôi đê mê, rụng rời...

Nhưng rồi Dale Carnegie biết quyết định bỏ ngay loại tiểu-thuyết để viết tiểu-sử các danh nhân cùng loại sách xử thế cho người lớn. Và ông đã thành-công rực-rỡ, được khắp thế-giới biết tên, kiếm được cả triệu Mỹ-kim. Ông đã chẳng buồn rầu vì không được là một T. Hardy thứ nhì mà còn muốn thấy nhảy múa mỗi khi nhớ lại quyết định sáng suốt đó.

Walter Raleigh nói : «Tôi không có tài để viết một cuốn sách khả dĩ so sánh được với tác phẩm của Shakespeare, nhưng tôi có thể viết một cuốn theo tài năng riêng của tôi được». Hễ biết theo tài năng riêng của

mình thì sẽ vẻ vang, như nữ sĩ De Sévigné chỉ viết những bức thư cho con gái cũng lưu danh thiên cổ, cứ gì phải làm thơ với soạn tiểu thuyết ?

Có hàng chục con đường dẫn lên ngọn núi vinh hiển ; lựa con đường nào hợp với mình mà theo, dù tới muộn, chẳng hơn là theo vết chân người để bị tụt xuống cả trăm lần rồi rốt cuộc, tới già vẫn còn lẹt bẹt ở dưới chân núi ư ? Số người có thiên tư về văn thì rất nhiều mà thành công rất ít chính vì phần đông không đủ kiên nhẫn và không biết chọn đường hợp với khả năng của họ vậy.



Nhưng, thưa bạn, có điều quan trọng nhất tôi lại quên chưa hỏi bạn :

Tôi biết bạn viết không phải vì tiền. Tiền vẫn là cần, có tiền mới sống, mới viết được, nhưng nếu chỉ vì tiền thì thật là khùng. Thức trọn ba bốn đêm để sửa một bài thơ mà đem bán thì không một tờ báo nào mua, nghiên cứu năm sáu năm để soạn một cuốn sách, in ra 2000 cuốn, bán ra được bảy, tám trăm...Không, không, muốn kiếm tiền thì thiếu gì nghề mau phát hơn, chẳng hạn làm nghề thầu khoán, nghề kim hoàn, nghề bào chế, «bác sĩ chích», vân vân...gặp vận chỉ vài năm là đã có bạc

Hầu hết các văn nhân, thi sĩ của ta hồi xưa đều có quan niệm ấy : viết để tiêu khiển, để tự an ủi mình, để thoát ly đời sống hiện tại. Viết như vậy thì tác phẩm thường có giá trị về nghệ thuật, nhưng văn chương chỉ là một trò chơi tao nhã như cầm, kỳ, họa mà thôi.

André Gide không cho viết văn là một thú tiêu khiển mà là một nhu cầu. Ông tuyên bố : « *Ai mà cấm tôi viết thì tôi sẽ tự tử* » (1) Văn hào của nước Pháp đó, tư tưởng luôn luôn thành thật và có thể rằng tôi không hiểu nổi tâm lý của ông, nhưng thú thực, tôi không thấy thích câu nói ấy, bằng lời sau này của Lỗ Tấn :

« *Xưa nay tôi chả có chuyện gì là bắt buộc phải nói ra mới được ; mà cũng chưa hề có văn chương gì bảo rằng không viết ra thì không chịu nổi !* »

Mà Lỗ Tấn là một cây bút cũng rất thành thật, có nghệ thuật sắc bén, đã nổi danh khắp thế giới và được coi là Maxime Gorki của Trung Quốc.

Sau cùng, nhiều người cho viết văn là để hoạt động. Theo tôi quan niệm ấy đúng hơn cả. Viết tức là « nói với xã hội cái mình có trong lòng» (A. de Vigny) tức là bày tỏ, bênh vực hoài bão của mình, tuyên

(1) A Gide nói câu đó với P. Valéry và P. Valéry đáp : « Còn tôi, tôi sẽ tự tử nếu người ta bắt tôi viết ».

truyền cho tư tưởng của mình, mong nó được thực hiện, tóm lại là để hoạt động.

Hàn-Dũ, Liễu-Tôn-Nguyên tuyên truyền cho đạo Nho ; Đào-Tiềm, Lý-Bạch tuyên truyền cho đạo Nhàn ; Đỗ-Phủ, Bạch-Cư-Dị tuyên truyền cho tư tưởng xã hội : chủ trương mỗi nhà tuy khác, song đều là hoạt động cho một lý tưởng, cho cái mà mỗi nhà tin là Chân, là Thiện hay là Mỹ. Thời nầy ai không nhận rằng nền văn minh nhân loại còn nhiều khuyết điểm, cách tổ chức xã hội cần phải cải thiện, nên nhà văn có tâm huyết nào mà không muốn xây dựng một tương lai đẹp đẽ hơn cho những thế hệ sau ?

Chưa thực hành được thì viết, một khi đã có đủ phương tiện và năng lực thực hành thì tất nhiên nhà văn gác bút mà làm chánh trị. Những kẻ chê Phạm Quỳnh, Nhất Linh, Hồ hữu-Tường đã đi làm chính khách là không hiểu tâm lý văn nhân và cũng không có quan niệm xác đáng về văn nghệ. Nếu muốn, ta chỉ có thể chỉ trích đường lối chính trị của ba nhà đó còn cái việc bước qua chính trị của họ thì là một việc rất tự nhiên.

A. France còn khuyên văn nhân phải làm chính trị nữa. Ông nói :

« *Ký-giả nào thiếu cái đó — tức lòng ham làm chính-trị — thì văn như thiếu gân. Một trang viết*

hay chỉ là sự hoạt-động bị nén lại (1) (...) Bây giờ người ta có thói khen một nhà văn khi chết là bình-sinh chỉ viết văn chứ không làm chính-trị. Có khác chi khen một anh cụt tay là chỉ có một tay không ?»

Paul Valéry chắc cũng nghĩ như vậy. Năm 1919, tờ nguyệt san *Văn chương* phỏng vấn ông :

— Tại sao ông viết văn ?

Ông đáp :

— Vì nhu-nhược !

Ông muốn nói : Vì không thực hiện được hoài bão, nên mới phải cầm bút. Trong bài tựa cuốn *Nghề làm người* (*Métier d'homme*) của Raoul Dautry, ông nói với tác giả :« Tôi ghen ông đấy » — ghen vì Dautry đã có một đời hoạt động tích cực còn ông thì không. Đó là một lời nói nhũn nhưng cũng là một lời tự thú. Cổ nhân bảo có ba cái bất hủ : lập đức, lập công và lập ngôn. Để lập ngôn đứng vào hàng cuối thì thực là chí lý.

Cổ nhân như vậy , còn bạn thì sao ? Khi bước vào nghề văn, bạn có một mục đích cao đẹp để nhắm, những tư tưởng để bênh vực, một chương trình để thực hành không ? Thiếu những cái đó thì văn của bạn sẽ thiếu hồn và đừng mong gì thành công lâu bền cả.

(1) Ông muốn nói : không hoạt động được một cách tích cực mà phải viết tức là hoạt động một cách tiêu cực.

CHƯƠNG IV

VĂN-NHÂN TRONG XÃ-HỘI

Những người bình thường không sáng tác được những nghệ phẩm, Họ ăn ngủ, sống một đời bình thường rồi chết,

IRVING STONE

Pour toute nourriture, Il apporte son coeur,

A. DE MUSSET

Nghề viết văn đã kỳ cục mà xã hội văn nhân còn kỳ cục hơn. Ai vào đó cũng được, nên trong đó có đủ các hạng người. Trần Trọng Kim, Hoàng xuân Hãn, Khái Hưng Nhất Linh là văn nhân thì một học sinh đệ lục thôi học viết ít bài hồi ký, đăng trên phụ trương một tờ báo cũng là một văn nhân. Mà chẳng cần viết lách gì cả, cũng vẫn có thể là văn nhân được. Bạn cứ mua một tấm bìa kẹp trong đó bạn sắp mấy bài thơ cắt trên báo,

một số Văn nghệ mới ra và vài tờ giấy với những hàng chữ lớn « Khảo về thơ đa đa » hoặc « Thanh niên Gia Nã Đại » dưới nghệch ngoạc ít câu lăng nhăng trích bậy bạ ở đâu đó, ấy thế là bạn có thể bảo nhà in sắp cho bạn hai chữ « NHÀ VĂN » kiểu Europe gras corps 18 ở dưới tên bạn, trên tấm danh thiếp rồi. Ai cấm ?

Nếu bạn lại cận thị thì thật là Trời giúp bạn đấy: cặp kính trắng gọng đồi mồi rất ăn với vẻ mặt văn nhân Không cận thị thì cũng có cách, cứ mua một cặp kính trắng bình thường mà đeo. Trừ người thân ra ai mà biết được mắt bạn có tật hay không chứ. Đeo cặp kính đó và cắp bìa kẹp kia mà trầm ngâm hoặc mơ mộng bước vào thư viện thành phố thì đích thị là : « Trông chừng thấy một văn nhân... » lắm rồi còn gì nữa ?

Nhưng tự nhận là văn nhân, được người ta tưởng mình là văn-nhân là việc rất dễ, mà được các văn-nhân chính tông nhận cho vào xã hội của họ thì kể cũng hơi chật vật. Họ gần-gần như không muốn có thêm bạn đồng nghiệp mới và có ý rào khu vực của họ cho khỏi bị bạn xâm chiếm.

Song một khi bạn được họ cho nhận vào làng thì cứ theo nguyên tắc, bạn bình đẳng với họ. Ở đây, người ta chẳng kể bằng cấp, chức tước, tuổi tác gì đâu chỉ cần tài. Nhưng tài thì cố nhiên là có cao thấp khác nhau, nên ở trong làng rốt cuộc cũng có tôn ti trật tự y như tại triều đình.., trên sân khấu vậy.

Trong cuốn này, tôi dùng tiếng « văn-nhân » để chỉ hết thảy những người cầm bút từ ký giả đến tiểu thuyết gia, thi sĩ, khảo cứu gia... Nghĩa đó hơi rộng.

Chính ra người ta phân biệt hai hạng cầm bút : một là văn-nhân, hai là ký giả tức những người chỉ chuyên viết những bài có tính cách thời sự đăng trên báo.

Trong giới văn-nhân lại chia ra ba, bốn cấp. Thi sĩ đứng đầu rồi tới tiểu thuyết gia, kich gia vì thơ là loại có tính cách văn nghệ hơn hết— người ta nói vậy—cho nên nhà văn trẻ tuổi nào cũng chỉ muốn làm thơ hoặc viết tiểu thuyết. Biết bao thanh niên nặn óc hàng năm để làm thơ rồi ky cóp dành dụm cho được mươi, mười lăm ngàn đồng để xuất bản. Bán được hay không, không cần; miễn được mang danh thi sĩ và có dăm chục cuốn tặng bạn xa gần. Không làm được thơ thì cũng rán «đẻ» ra một tập truyện ngắn. Trách chi thơ và tiểu thuyết chẳng nườm nượp bay tới các tòa báo và các nhà xuất bản.

Sau tiểu thuyết gia, tới các nhà viết du ký hoặc tùy bút ; còn những người chuyên phê bình, khảo cứu thì đứng riêng một phe, họ ít có tính cách nghệ sĩ hơn cả.

Trong mỗi phe đó lại có nhiều kẻ hợm hĩnh tự phong mình là đại ca và nhìn kẻ khác như em út.

Có những đại ca bắt em út ngồi đợi hàng mươi, mười lăm phút, chẳng thèm ngó ngàng gì tới, cứ tự

nhiên nói chuyện mưa nắng với một người thứ ba ; chán rồi, đại ca mới quay lại, nhân từ khuyên em út đại loại như vầy : «Nghề viết văn lúc này không nuôi nổi ai đâu. Bỏ đi làm nghề khác khoẻ hơn.»

Tôi nhận thấy rằng hạng đại ca hợm hĩnh đó ít khi là người có thực tài, thực học và những nhà văn chân chính, có tâm huyết thì luôn luôn giản dị, thực thà và nhã nhặn, đối với ai cũng một niềm thân mật và vui vẻ.

Nghề cầm viết có nhiều cái lụy, nhưng ít nhất cũng an ủi ta được đôi phần, nhờ nó mà có khi ta tìm được những bạn đồng thanh đồng khí ở bốn phương trời. Gặp được những bạn ấy thì đức bạn cao lên, tài bạn tiến lên, tri thức bạn mở mang ra. Nhưng chỉ những tâm hồn đẹp mới được lãnh phần thưởng ấy.



Nói đến làng văn, ta không thể quên một hạng tự xưng là văn nhân mà chuyên bịp người khác để làm tiền Họ là bọn du thủ du thực, có hồi đã viết lăng nhăng ít bài đăng trên báo và kết bạn với nhiều ký giả. Họ kiếm những người có tiền mà ham cái danh chủ báo, đề nghị lập một tuần báo đưa ra một chương trình đánh máy đàng hoàng, nghiên cứu tỉ mỉ từ chủ trương của tờ báo, tới cách trình bày, tên các mục, tên các cây bút sẽ cộng tác.

Họ thuyết rất khéo, vạch rõ những lợi vật chất lẫn tinh thần của công việc «phụng sự văn-hóa» đó ; ai nghe mà không ham, và xá gì vài chục ngàn đồng mà không bỏ ra để được thấy tên mình đăng ngay dưới tên tờ báo ? Nhận được số vốn, họ chạy đi gom góp ngay một bộ biên tập, yêu cầu những nhà văn hơi có tên tuổi giúp họ, như vậy để họ có thể đăng tên những nhà đó trên tờ quảng cáo. Những nhà ấy nếu mắc mưu họ, chịu gởi bài đăng thì càng tốt, họ sẽ lần khân, không trả tiền nhuận bút mà nếu chẳng viết giúp họ thì cũng không sao, họ sẽ kiếm những bài bậy bạ đăng cho đủ trang, rồi họ sẽ kê khai những phí tổn cho người bỏ vốn trả, lạ gì tiêu một thì họ khai ba, ai mà kiểm soát được ? Báo tất nhiên bán ế, nhưng họ cần gì đâu, vì họ đã ăn bớt được một số tiền lớn để chi tiêu rồi : chỉ đáng buồn cho ông chủ báo và những nhà văn bị họ lừa gạt mà kẻ thì mất tiền người thì mang tiếng đã cộng tác với một bọn bịp.

Vì xã hội văn nhân có đủ hạng người như vậy, nên khó có sự đoàn kết rộng rãi được. Ở nước ta, chưa có một Hội các nhà văn, chỉ mới thấy những nhóm nho nhỏ ba bốn người hay năm sáu người. Những nhóm ấy, trước chiến tranh, khá đông, đi tỉnh nào ta cũng gặp (1) nhưng trứ tác rất ít mà cũng không được bền, thường vài ba năm là tan rã. Chỉ những bạn cùng chí hướng,

(1) Theo André Billy, năm 1947, ở Pháp có non bốn chục văn đoàn. Vậy ở Pháp cũng không khác ở ta mấy chút.

đều có đức, tài và học ngang nhau mới giữ tình thân với nhau lâu được.



G. Duhamel kể truyện trong cuộc đại chiến thứ nhất, ông gặp một y sĩ lòng khô khan và sắt đá đến nỗi không mảy may cảm động trước những đau khổ của con bệnh, mặt lúc nào cũng lạnh lùng, có khi điểm vài nét mỉa mai nữa. Vậy mà một hôm, lại chơi nhà y sĩ đó, ông ngạc nhiên thấy mặt ông ta đầy nước mắt vì đương đọc một cuốn sách tả những thảm họa của chiến tranh, những thảm họa mà ông ta chứng kiến mỗi ngày, mỗi phút, một cách thản nhiên. Sức cám dỗ của văn chương như vậy có kỳ không chứ ?

Có một lý tưởng đẹp, một lòng dễ cảm và một nghệ thuật cao để bênh vực những cái thiêng liêng như lòng ái quốc, tình tương thân tương ái... thì quả thật nhà văn đã nắm được một khí giới mạnh mẽ vô cùng và bàn tay mảnh khảnh của nhà văn đáng sợ hơn một đội quân thiện chiến.

Lamartine nói giòng Bourbon — một giòng vua ở Pháp — có được Chateaubriand cũng như có một đạo quân. Lời ấy không quá đáng. Sử Trung Hoa chẳng chép rằng Vũ Hậu đời Đường sợ toát hồ hôi khi đọc bài « Hịch thảo Vũ Tắc Thiên » (2) của Lạc Tân Vương ;

(2) Tức Vũ Hậu ; bà cướp ngôi nhà Đường

và Tào Tháo, một tay gian hùng bực nhất cổ kim chẳng tái mặt khi đọc tờ hịch của Trần Lâm đấy ư ?

Ảnh hưởng của văn chương lớn như vậy nên nhà cầm quyền thời nào, nước nào cũng nghi kị các nhà văn, tìm cách lung lạc họ, không được thì đàn áp, đàn áp mà họ cũng không sợ thì tàn sát.

Trong thời quân chủ, biết bao nhà văn nhờ cây bút nhảy lên được những ghế cao nhất ở triều đình : Tư Mã Tương Như thay mặt vua Hán đi vỗ về xứ Thục, Bạch Cư Dị, Nguyên Chẩn, Kỷ Quân đều làm tể tướng; Marot, Chateaubriand đều được hưởng những ân huệ đặc biệt của vua chúa ; nhưng cũng có biết bao văn nhân bị những tai họa thảm khốc chỉ vì cố bênh vực một lý tưởng hoặc sơ ý lỡ động chạm tới nhà cầm quyền : người thì bị đày tới những nơi ma thiêng nước độc như Hàn Dũ, Vương Thủ Nhân ; kẻ thì bị chém đứt đầu, hay ngang lưng như : Trần Quí Cáp gần đây ở nước ta, Trang Đình Lung và bảy chục người nữa trong cái án văn tự ở đầu đời Thanh (1) bên Trung Quốc ; mặc dầu vậy, các nòi văn nhân hy sinh cho chính nghĩa vẫn không thời nào tuyệt.

(1) Trang Đình Lung soạn bộ Minh Sử trong đó nói đến những điều kị húy của tiền thế nhà Thanh ; từ người viết tới người hiệu chính, người in sách, các người tàng trữ, hết thảy bảy chục người bị tội chết, gia sản bị tịch thu, vợ con phải đày.

Lung lạc hay đàn áp nhà văn đều là những thái độ vô lý. Trong một quốc gia độc lập, một xã-hội văn minh thì nhà cầm quyền với nhà văn phải hợp tác với nhau để thực hiện hạnh phúc cho đồng bào và nhân loại.

Bạch Cư Dị, một thi hào vào bực nhất đời Đường nói :

« Tai của nhà vua tự nó không đủ sáng, phải hợp hết các tai trong thiên hạ mà nghe rồi mới sáng được ; mắt của nhà vua tự nó không đủ tỏ, phải hợp hết các mắt trong thiên hạ mà nhìn rồi mới tỏ được, lòng của nhà tự nó không đủ thông suốt, phải hợp hết cả lòng của thiên hạ mà nghĩ rồi mới thông suốt được» Và nhiệm vụ của nhà văn là « tả nỗi đau khổ của dân » để « xét và giúp chính trị đương thời cùng tiết đạo nhân tình»

Trong đoạn đó, viết cách đây 11 thế kỷ, nếu ta thay tiếng « nhà cầm quyền » vào tiếng « nhà vua » thì ý tưởng vẫn còn hợp thời. Muốn làm tròn nhiệm vụ ấy nhà văn phải có một nhân cách cao, luyện đức công tâm và lòng phụng sự, nhất là phải được tự do — tất nhiên là một cách tương đối, chứ làm gì có sự tự do hoàn toàn được ? — để có thể thẳng thắn bày tỏ những nguyện vọng của quần chúng và vạch những lỗi lầm của nhà cầm quyền. Nếu bị lung lạc thì văn nhân chỉ có thể nịnh nhà cầm quyền, làm sao giữ chức ngự sử được nữa ; mà nếu bị đàn áp thì hai bên đã coi nhau như kẻ địch, làm sao còn cộng tác với nhau được nữa ?

Tiếc thay, lịch sử văn học đông, tây, ít khi ta được thấy những thời nào mà nhà cầm quyền và văn nhân tin cậy nhau, và chung sức với nhau để thực hiện hạnh phúc cho quần chúng.

Một văn sĩ Pháp đã nói : « Nghệ thuật do sự bó buộc mà sinh và chết vì tự do ». Đó là đứng về phương diện kỹ thuật ; đứng về phương diện tư tưởng thì ngược lại : Bị bó buộc, tư tưởng sẽ chết nghẹt, được tự do, tư tưởng mới tấn phát.



Xưa nay, khắp thế giới, ngoài Tolstoï ra, có lẽ không có văn sĩ nào được người đương thời ngưỡng mộ như Voltaire. Người ta gọi ông là ông Hoàng ; hơn nữa, người ta tặng ông mỹ hiệu, « patriarche » (1) cũng tựa tựa như mỹ hiệu « phu tử » ở Trung Quốc ; hoặc danh từ « cha già » ở nước ta, các vua chúa châu Âu lấy làm hân hạnh được thư từ với ông ; hồi ông ẩn cư ở Ferney, người tứ phương lại chiêm ngưỡng dung nhan ông như một vị thánh sống ; và lúc về già ông được vua Pháp mời lên Ba lê dự lễ đặt vòng hoa lên tượng của ông trong rạp hát Opéra : cả thành Ba lê

(1) Patriarche nguyên là chức tộc trưởng trong Cựu ước kinh, sau được dùng để chỉ những vị kỳ lão ảnh hưởng lớn tới quốc gia, được quốc dân trọng vọng.

nườm nượp tới đó hoan nghênh ông và những bà quý phái sang trọng, trẻ đẹp nhẩy múa chung quanh tượng bán thân của ông đặt giữa sân khấu.

Viết văn như ông là thành công đến cực độ, vậy mà có lần ông đã phàn nàn ;

«..,(Hỡi bạn văn), nếu bạn thành công, tức thì kẻ thù xuất hiện : bạn đi trên bờ một vực thẳm, giữa sự khinh bỉ và sự thù hằn ».

Tâm lý số đông là không muốn thấy người khác hơn mình và người nào vượt lên hẳn những người khác tất thành cái đích chung cho thiên hạ nhắm. Vì giọng mỉa mai cay độc của ông cũng có, vì kẻ ghen ghét mà gièm pha cũng có, Voltaire hai lần bị vào tù và biết mấy lần phải chốn chui chốn nhủi, khi ở Cirey, khi ở Ferney. Corneille, Hugo đều bị nhiều văn sĩ bất tài mạt sát, chế giễu ; Đỗ Phủ làm một chức quan nhỏ cũng không yên, tới Lý Bạch cũng có lần bị bắt giam và bị đày ở Dạ Lang. Càng cao danh vọng càng dày gian nan !

Nhà văn, nếu tài tầm thường thì bị khinh bỉ và không mấy người ưa. Người ta khinh bỉ vì nhà văn đã không chức tước gì mà lại nghèo túng, có khi đói rét, quần áo lôi thôi, nhà ở như ổ chuột. Người ta không ưa vì đời sống nhà văn khác thường quá, lấy đêm làm ngày,

trong khi mọi người làm việc hãng việc sở thì lăn ra ngủ hoặc thơ thẩn, lang thang, y như một tên du thủ du thực. Rồi còn biết bao nhiêu tật : cà phê phải đặc, trà phải đậm, túi rỗng mà vẫn rung đùi nhắm rượu, thuốc thơm phì phà . . . Cho nên sống giữa xã hội mà nhà văn gần như cách biệt với xã hội và chỉ có thể thân được với những bạn cùng nghề hoặc với một số người yêu văn.

Vậy thành công hay thất bại, đại đa số văn nhân đều phải chịu cảnh cô độc. Tài nghệ càng cao, càng được ít người hiểu ; tâm hồn càng lạ, càng bị nhiều người chê. Tống Ngọc mỗi khi «ca» được bao nhiêu người «họa» ? Lý Bạch đã mấy lâu «độc tọa» trong núi để ngắm mây ? A. de Vigny tự giam mình trong tháp ngà và Hégésippe Moreau than thở đã «ôm cây đờn ngũ huyền mà dạo trong xứ người đui» —tại sao ông không nói «trong xứ người điếc » nhỉ ?. Cả những nhà văn hòa tâm hồn vào tâm hồn quần chúng, được quần chúng biết ơn và ngưỡng mộ cũng không tránh được cảnh cô độc, vì họ đã làm nghệ sĩ thì tính tình tất có chỗ khác người, tới người thân của họ cũng khó hiểu được họ, nói chi tới người ngoài. Từ nghìn xưa, Aristote đã nhận « không tâm hồn nào ca lên mà không điên khùng ít nhiều ». Mà trong xã hội có ai thích sống với người điên ?



Yêu văn thường là phụ nữ và có lẽ như John Galsworthy nói trong truyện «Chung cục», mười văn nghệ sĩ có tới bảy tám người, nếu không phải là cả mười, được một người đàn bà khuyến khích, nâng đỡ.

Phụ nữ hiểu văn thường kém, mà viết thường kém hơn nữa—tôi chỉ nói «thường» thôi ạ—nhưng lại rất thích thi văn, mà làm biếng không chịu viết, nên hay khuyến khích chúng ta viết cho họ đọc và họ dễ có cảm tình với nhà văn nhất là nhà thơ.

Hồi đầu chiến tranh, Trần Huyền Trân vào Sài gòn chiếu phim cho một hãng hát bóng ở Tân Định Một hôm tôi lại thăm ông trong một túp nhà lá đối diện với một chuồng ngựa, trong một ngõ hẻm lầy lội ở Hòa-Hưng. Gia tài ông chỉ có mỗi một chiếc va ly nhỏ chứa bản thảo, ít bộ quần áo và một cái hộp giấy đựng một chiếc khăn thêu. Khăn bằng lụa Hà Đông, màu mỡ gà, rua chung quanh, giữa thêu bằng chỉ đỏ một đoạn văn trong một truyện ngắn của ông. Tôi ngắm công trình mỹ thuật ấy, rồi quay lại hỏi :

— Những đêm đông nằm trong túp lều của ông trên mặt hồ, nhờ chiếc khăn mỏng này, chắc ông cũng bớt lạnh đôi phần nhỉ ?

Ông mỉm cười :

— Vâng.

Gần đây, tôi lại được thấy một chiếc khăn lụa khác thêu hai câu thơ của Vũ Hoàng Chương viết thảo.

Một anh bạn thi sĩ bảo tôi :

— Chắc có nhiều những chiếc khăn như vậy lắm. Thi nhân nào mà chẳng có một nàng tiên ? Đọc tiểu sử của họ thì biết.

Nghe nói mươi mười lăm năm trước, một nữ sĩ mộ tài tới nỗi để riêng một thư phòng trên lầu đón khách tao nhân ; còn một nữ sĩ khác thì mến một văn sĩ nọ quá và mới gặp nhau lần đầu, đã dặn đi dặn lại : « Bao giờ ông lên Sài gòn đừng quên tôi nhé. Ông cứ lại thẳng nhà tôi. Nhà tôi chỉ có một mình tôi thôi ». Rồi sợ anh chàng kia vẫn chưa hiểu, lại nói rõ thêm : « Tôi chưa có chồng, ông ạ », làm cho anh chàng đỏ mặt lên.

Tôi nghĩ thời này mà còn vậy thì ở cái thời Vãn Đường, loại thơ hương liêm (1) cực thịnh, lòng thi sĩ mới ấm làm sao chứ ! Ôi, chúa đa tình là cái nôi yêu văn !



(1) Hương liêm là hộp thơm. Loại thơ hương liêm là loại thơ tình tứ, được phụ nữ giữ trong những hộp son phấn của họ.

Nếu không đứng về phương diện văn hóa mà chỉ xét hạnh phúc của bạn gái thì tôi thấy phụ nữ nên giữ nhiệm vụ khuyến khích nghệ thuật hơn là sáng tác nghệ phẩm. Có nhiều cách khuyến khích Nếu chồng là văn sĩ — tôi không cầu cho các chị em cái điều đó đâu — nếu chồng là văn sĩ thì có thể, như bà A.Daudet, giúp chồng ý kiến ; hoặc chép bản thảo giùm chồng như bà L. Tolstoï (1). Nếu chồng không phải là văn sĩ thì tìm hiểu văn nghệ, mỗi tháng để riêng một số tiền mua sách, lựa tác phẩm có giá trị mà đọc, rồi giới thiệu với người quen, dư nhiều tiền thì đặt một giải thưởng văn chương, hoặc mở một nhà xuất bản mà không cần lợi vật chất ; như vậy đã ích cho nước, mà thú vị biết bao !

Còn viết lách thì mệt lắm, mà nhiều khi bực mình nữa. Cho nên tôi không đồng ý với nữ sĩ Hợp Phố khi bà nói như vầy với nữ sinh trường Trung học Nguyễn Đình Chiểu ở Mỹ tho, trong một cuộc triển lãm sách báo do trường tổ chức :

(1) Bà A. Daudet rất có khiếu thẩm mỹ, chồng viết xong trang nào bà cũng đọc kỹ rồi phê bình ; nhờ những ý kiến đó mà chồng bà đã sửa chữa tác phẩm cho thêm nhẹ nhàng, tế nhị. Bà L. Tolstoï đã có công chép lại cho chồng bảy lần bản dáp bộ " Chiến tranh và Hòa bình ", một tác phẩm vĩ đại, dày hai ngàn trang. (Đó là hồi bà còn trẻ, chứ hồi về già, vì ghen tuông, bà đã làm cho ông uất hận, khổ não đến nỗi phải bỏ nhà đi rồi chết ở dọc đường).

— Các em thấy không ? Trong giới văn nghệ, chị em chúng mình chiếm một địa vị khiêm tốn quá. Các em sau nầy rán lên nhé ?

Rán mà làm chi? «Sáng tác» những em nhỏ mụ mẫm, hồng hào, mắt đen lanh lánh, miệng tươi như hoa, rồi trong khi em ngủ, đọc tiểu thuyết, chẳng thú hơn là bước vào cái nghề kỳ cục, bạc bẽo là nghề viết văn, vò đầu nặn óc để « đẻ » ra những trang mà chỉ sáu tháng sau, đọc là muốn xé vụn, liệng hết vào giỏ rác ư ? Rõ là một lời xui dại !



PHẦN THỨ NHÌ

Viết Văn

CHƯƠNG I

THỜI-KỲ DỰ-BỊ

Nhiều bạn trẻ viết thư hỏi tôi : «Học-sinh nên làm văn-nghệ không ? » Tôi xin trả lời chung các bạn ấy ở đây.

Tôi nhận thấy những bạn hăng-hái bênh vực quan niệm nên làm văn-nghệ đều đưa ra ba lý lẽ :

— Trong số học sinh cũng có nhiều «nghệ-sĩ» mà đã là nghệ sĩ thì không thể không viết được.

— Nhiều học-sinh yêu văn-nghệ, làm văn-nghệ mà vẫn chăm, vẫn giỏi, vẫn theo đủ các môn, không hiếu danh, khoe khoang, chơi-bời, trụy-lạc.

— Học-sinh cần làm văn-nghệ vì trẻ cũng có những băn-khoăn, những nguyện-vọng của trẻ. Chỉ họ mới biểu hiện nổi sinh hoạt của họ. Giáo sư và phụ huynh không thể làm được việc ấy, mà các người quan tâm đến «mầm non của đất nước» cần phải hiểu họ để đào tạo những công dân tốt mai sau.

Về lý lẽ thứ nhất, mọi người nhận rằng nhiều bạn trẻ có khiếu viết văn ; nhưng bảo rằng đã là nghệ-sĩ, không thể không viết được, thì xin lỗi các bạn, tôi chưa

tin hẳn lời ấy : hẳn các bạn chưa quên lời của Lỗ-Tấn, mà tôi đã chép ở một chương trên ?

Về lý-lẽ thứ nhì, lấy kinh-nghiệm để xét thì tôi được biết bốn anh bạn và ba học sinh của tôi vừa đi học vừa viết văn. Trong số đó có bốn người hiếu danh, khoe khoang, kết quả chắc chắn là không đi tới đâu ; và ba người đứng đắn thì chỉ có mỗi một người đậu được tú tài, còn hai người kia đều bỏ dở sự học và phải ân hận rằng học lực kém quá, ra đời muốn học thêm mà mắc bận bịu vợ con, lo cái nợ cơm áo.

Sau cùng, về lý lẽ thứ ba, tôi cũng muốn tin rằng các bạn học sinh có những băn khoăn, những nguyện-vọng mà giáo sư và phụ huynh không hiểu nổi. Nhưng tôi đã đọc cả trăm bài của các bạn viết và đăng trên các nhật báo hoặc các tờ Giáo khoa, mà thực chưa thấy một băn khoăn, một nguyện vọng nào đặc biệt, chỉ toàn là những nguyện vọng, băn khoăn của chúng tôi hồi còn đi học hoặc của toàn thể quốc dân bây giờ.

Xin các bạn đừng vội hiểu lầm tôi. Trong cuốn *Kim chỉ-nam của học-sinh* tôi đã khuyên các bạn viết nhiều, rất nhiều, viết thư, viết nhật ký để luyện cây bút và ghi những tư tưởng, tình cảm của mình. Vậy tôi không chống hẳn với quan niệm của các bạn ; nhưng tôi nghĩ chỉ khi nào các bạn tin chắc rằng mình có tài như Victor Hugo, hoặc ít nhất cũng như Nhất Linh, Xuân Diệu — ba nhà

đó đều đăng thơ văn từ hồi 16-17 tuổi — lại có những thắc mắc, băn khoăn nói với giáo sư, phụ huynh không được, và viết thì viết, bổn phận nhà trường vẫn làm tròn, bài vẫn học đủ ; chỉ khi nào có tất cả những điều kiện ấy, các bạn mới nên viết để đăng báo.

Tài không đợi tuổi mà hiểu biết cần kinh nghiệm. Văn thơ viết hồi mười lăm, mười sáu tuổi, giọng có thể nồng nàn, lời có thể tươi đẹp ; nhưng về tư-tưởng thì khó mà đặc-sắc được. Tôi có cái tật xem văn thì xét cả lời lẫn ý và tôi tưởng Xuân-Diệu, Nhất-linh về già có đọc lại thơ hồi nhỏ của mình, cũng cho là tuổi ấy quá ngông-nghênh.

Vả lại, sớm thành danh thường có hại. Người ta dễ tự-đắc, không chịu học-hỏi thêm, trau-giồi thêm tài nghệ, đức hạnh. Cũng vì lẽ đó, con trai một anh bạn tôi, mới mười sáu tuổi làm thơ ngụ-ngôn đã khá, nhưng không được anh bạn tôi cho phép gieo vần nữa và bắt phải cần cù học thêm.

Hai anh em Goncourt trong tập *Nhật-ký*, khuyên các bạn trẻ nên *tập viết từ khi ở ban Trung-học thi ra* (1) cho tới lúc hai mươi lăm hoặc ba chục tuổi. Bạn nên nhớ hai ông sáng-lập hàn-lâm-viện Goncout để khuyến-khích những tài-ba chớm nở và đặc-sắc mà còn nói như vậy thì lời đó thật cũng đáng cho ta suy-nghĩ.



(1) Chính tôi cho in ngả

Vậy theo hai ông, thời-gian tập viết là từ năm đến mười năm. Muốn hiểu và nhớ kỹ-thuật viết, chỉ sáu tháng hay một năm là đủ ; áp dụng cho quen cần tốn công hơn ; tốn công nhất là phải tự học để mở-mang trí-thức và tu luyện nhân-phẩm.

Bạn chuyên làm thơ ư ? Ít nhất bạn cũng phải đọc những tác phẩm chính của các thi-sĩ có danh của nước nhà, của Trung Hoa, hoặc của Pháp, biết quan-niệm của họ, đời sống của họ và những lời người khác phê bình họ. Nếu có thể được, bạn cũng nên hiểu qua thơ Anh, Nga, Đức, Mỹ, Nhật... Càng biết nhiều càng lợi, hứng càng dồi dào, ý càng phong phú, lời càng điêu luyện. Thực đáng tiếc, hầu hết các nhà thơ Việt-Nam đều không chịu học thêm, nhiều người chỉ biết độ trăm bài thơ Việt, vài chục bài thơ dịch của Trung Quốc, và ba bốn chục bài thơ Pháp : như vậy trách chi sự sáng tác của họ chẳng nghèo nàn về mọi phương diện ?

Và bạn cũng phải tìm hiểu các loại văn khác, chứ không lẽ vì chỉ làm thơ mà không cần biết kỹ-thuật viết tiểu-thuyết, kịch , . , .

Còn nếu bạn muốn viết nghị luận và phê bình thì tôi có thể nói bất kỳ một tri thức gì của loài người cũng ích cho nghề của bạn. Nhãn quang có rộng thì tư tưởng mới cao và văn mới có chân giá trị.

Vậy đã là văn-nhân thì phải tự học, học suốt đời, học trong sách vở và trong vũ trụ, nghĩa là sống và luôn luôn nhận xét.



Nhân-cách còn quan trọng hơn tri thức và kỹ-thuật,

Văn minh phương Đông chúng ta có đặc-điểm là không bao giờ tách rời trí dục và đức dục ; khoa học luôn luôn bị coi là phụ thuộc cho luân lý ; chẳng riêng trong sách thuốc mà ngay trong những sách số bói, phong thủy, ta cũng thấy đầy những lời khuyên học sinh phải tu nhân, tích đức, nhất thiết không được dùng sự hiểu biết của mình vào việc ác. Các nhà nho chân chính bao giờ cũng lựa học sinh rất kỹ, chỉ truyền bí thuật cho những môn đồ thông minh và có hạnh để họ khỏi hoặc vô tình hoặc cố ý làm hại nhân loại.

Tại phương Tây thì khác hẳn : khoa học là khoa học, luân-lý là luân-lý. Không một cuốn Vật lý học hoặc Hóa học nào khuyên người đọc đừng dùng những chất độc, những thuốc nổ để tàn-sát kẻ khác. Bởi vậy, loài người ngày nay mới phải điêu đứng về chiến tranh, mà nửa thế kỷ trước, H. Bergson đã than thở :

«Nhân loại rên rỉ, gần bị đè bẹp dưới sức nặng những tiến bộ của mình (...) Trước hết nhân loại cần xét xem mình có muốn sống nữa không».

và mới rồi, Einstein trước khi chết đã để lại một chúc thư, lời lẽ thống-thiết, kêu gọi liệt cường tránh cho nhân loại cái họa diệt vong vì chiến tranh nguyên tử. (1)

Tinh thần trọng đức dục đó của tổ tiên, chúng ta phải gìn giữ mà nhà văn có nhiệm vụ bảo vệ nó hơn hết. Vậy thì trước khi cầm cây bút, ta nên tự luyện lấy nhân cách đã.

Tôi không bảo văn nhân nào cũng phải là một nhà đạo đức như Khổng - Tử, Platon cả đâu, hạng người phàm như chúng mình còn nhiều tật lắm, nhưng tôi nghĩ rằng một nghệ phẩm phải nâng cao tâm hồn độc giả, gợi những tình cảm cao thượng và đọc những tác phẩm bất hủ đông tây tôi thấy hầu hết đều do những người có tâm hồn trứ-tác.

Đã đành có những thời mà trào lưu lãng mạn tràn ngập cả văn đàn một nước. Như vào thời Lục Triều ở Trung Quốc, thế kỷ 19 ở Pháp, văn nhân đều ủy mị say sưa, chán đời, phóng túng. Tuy nhiên tâm hồn của những nhà còn lưu danh đến ngày nay đâu phải không có chỗ trong sạch và vài điểm khả ái đáng làm gương ?

Văn là biểu hiệu của tâm hồn. Tâm hồn ti tiện thì thuật có khéo, văn cũng chỉ có tính cách tiểu xảo, điêu

(1) Ta nên nhớ ông có công đầu về khoa học nguyên tử,

trùng khắc triện, cảm người không mạnh và giá trị không cao. Vậy muốn tập viết văn, ta phải luyện tâm hồn yêu cái Chân, cái Thiện, cái Mỹ : luyện được thì văn ta tự nhiên sẽ có cái phẩm riêng, được người mến.

Khổng Tử, Lão Tử nào có học viết văn bao giờ Thích Ca, Giê-Du cũng không hề nghĩ đến luyện bút mà chư vị đó hễ thốt ra lời nào là người đương thời chép lại; hoặc truyền khẩu cho nhau và hậu thế coi là những áng văn bất hủ của nhân loại. Tại sao vậy ? Tại chư vị ấy tâm hồn cao thượng quá, tư tưởng thâm trầm hoặc siêu thoát quá cho nên ngôn ngữ tự nhiên cũng hay, cũng đẹp.

Vâng quả vậy, thưa bạn trong cái việc văn chương tâm hồn quan trọng nhất, trí thức thứ nhì, sau cùng mới tới kỹ thuật.



Muốn học kỹ thuật viết văn thì phải tập viết.

Hai anh em Goncourt khuyên ở trường ra cứ viết bừa đi, không theo một luật lệ nào cả, cứ chép tất cả những điều trông thấy, nghe thấy, và trong khi đó, rán quên những điều đã học trong sách.

Lời khuyên đó nên theo.

Hồi mới ra trường công chánh, vào làm việc ở Nam Việt, tôi có rất nhiều thì giờ rảnh. Những lúc nhớ gió bấc mưa phùn, nhớ mặt nước xanh rêu của hồ Gươm, nhớ con đê thăm thẳm của sông Nhị, tôi nằm trong ghe không biết làm gì cho vợi nỗi buồn, liền viết ký ức. Tôi không bố cục, không gọt đẽo, mà dẫu có muốn gọt đẽo, bố cục cũng không biết cách vì tôi chưa được đọc một cuốn nào về thuật viết văn. Cứ nhớ đâu là tôi chép đó, cứ nghĩ sao là tôi viết vậy, đúng như phương pháp «văn tòng tự thuận» của nhóm Hồ Thích, nghĩa là viết cứ xuôi rót, thẳng như ruột ngựa. Ngày viết được năm trang, ngày được mười, có khi cao hứng mười lăm, hai mươi trang không chừng ; quên cả bữa cơm, quên cả ngày giờ, bóng tối len lỏi vào trong ghe lúc nào không hay, khi đặt cây viết xuống, nhìn lên bờ thì làng xóm đã lờ mờ sau làn sương mỏng. Say mê vô cùng. Cầm bút lúc nào là tâm hồn tôi rung động nhè nhẹ lúc ấy, như được nghe một bản nhạc êm đềm, bản nhạc của cố hương và dĩ vãng.. Sau bốn năm tháng, tôi viết được sáu trăm trang giấy đặc.

Nhờ cách ấy, tôi thấy viết mỗi ngày một dễ dàng. Hết ký ức, tôi viết nhật ký, ghi những điều mắt thấy tai nghe trong khi lênh đênh trên những sông rạch miền Hậu Giang. Nào những đêm trăng rạo rực, thả chiếc thuyền trên rạch Cái Răng hay Bình Thủy mà nghe tiếng đàn tranh văng vẳng dưới rặng sao ở trên bờ ; nào những buổi chiều đậu ghe trong cánh đồng Bạc Liêu hay Rạch Giá, nhìn mặt trời đỏ như cục than hồng và lớn bằng chiếc mâm từ từ hạ xuống mặt đất mênh mông phẳng lì ; nào những cảnh âm u trong rừng đước, rừng vẹt ở Cà-mau, cảnh phồn thịnh của lâu đài, vườn tược ở Sa đéc... những cảnh đó, những tình đó, nhất nhất tôi đều ghi lại đủ.

Tóm lại, tôi đã theo phương pháp của Goncourt mà không hay và tôi tưởng hầu hết các nhà văn đều tập viết như vậy : quên những điều đã học mà cứ viết bừa đi, không mô phỏng ai cả, có cái lợi là thấy vui, không chán, mà tập được một lối văn tự nhiên, đặc biệt của mình.



Tập viết rồi lại phải tập sửa : biết sửa văn tức là biết viết văn. Nhưng lúc mới đầu, tập sửa văn mình là một việc rất khó, vì ta chưa quen đứng vào địa vị khách để duyệt lại văn ta, cho nên rất cần có người khác chỉ bảo.

Nếu bạn có được một ông thầy đủ khả năng và tận tâm thì thật là may cho bạn bạn khỏi mất thì giờ mà dễ thành công. Còn như không có thì bạn có thể theo

Stuart cũng bảo : « Thích cái gì cứ viết cái đó, rồi người khác sẽ thích. »



Nếu bạn không thích làm thơ mà muốn tập tự câu thúc mình trong khi viết thì tôi xin chỉ bạn một cách khác là dịch các danh phẩm ngoại quốc.

Sau khi viết ký ức và nhật ký như trên đã kể, tôi bỏ ra hai năm dịch pháp văn và hoa văn. Tôi dịch lung tung, ít trang của A. France. J.J. Rousseau, V. Hugo, một chương trong cuốn *Một nghệ thuật sống* (Un art de vivre) của A. Maurois, trọn cuốn *Huấn luyện tình cảm* (L'éducation des sentiments) của P. F. Thomas, nhiều truyện ngắn, tùy bút của Hồ Thích và năm, sáu chục bài trong bộ *Cổ văn quan chỉ*

Nhờ công việc dịch ấy, tôi học được rất nhiều và hiểu rõ tư tưởng của các tác giả hơn trước : lắm câu đọc qua tưởng là rõ ràng, đến lúc dịch mới thấy có chỗ chưa tinh xác, dễ khiến độc giả hiểu lầm. Khi dịch, tôi rán tìm những tiếng Việt để diễn đúng và khi viết tôi giữ được tập quán lựa tiếng, thành thử ngoài cái lợi được ảnh hưởng của nhiều danh sĩ tới phép hành văn,

tôi lại tập thói suy nghĩ, phê bình và viết sao cho thật sáng sủa (1)

Người ta bảo Henry de Montherlant ngày nào cũng dịch Tacite để luyện văn. Điều ấy có thể tin được và gương ấy rất nên theo.



Chương nầy đáng lẽ đến đây là hết, nhưng tôi tưởng nên bàn thêm về vấn đề lựa chọn bút danh. (2)

---

(1) Tuy nhiên, vì dịch nhiều cổ văn, tôi đã có một thời mắc tật dùng nhiều hư tự ở cuối câu.

(2) Chắc có bạn tò mò muốn biết phép đặt bút danh của một số nhà văn tên tuổi ?

Hồi xưa các cụ phân biệt tên tự và tên hiệu

Phép đặt tên TỰ như vầy. Ví dụ tác giả cuốn Phan đình Phùng, họ Đào tên Nhất. Trong Luận Ngữ có câu của Khổng Tử : «Ngô đạo NHẤT dĩ QUÁN CHI (Đạo ta có một mối mà gồm đủ các mối). Ông Đào lấy hai chữ QUÁN CHI làm tên tự. Hễ thấy tên Quán chi thì người có học nho nhớ ngay tới câu đó rồi đoán được tên ông là Nhất.

Bùi Kỷ lấy tên là Ưu Thiên vì trong Tả truyện có câu nói rằng người nước Kỷ lo trời sập (Ưu Thiên là lo trời).

Hoàng Tích Chu lấy tên là Kế Thương (nối nhà Thương). vì nhà Chu nối nhà Thương.

Lối dùng tên tự ấy có vẻ kín đáo tao nhã, nhưng bây giờ ít người thích vì chữ Hán không còn thịnh hành.

xem tiếp trang 76

một lớp hàm thụ dạy thuật viết văn như trường Universelle hay trường Sciences et Arts ở Pháp (1) Giáo sư những lớp hàm thụ ấy cố nhiên có nhiều kinh nghiệm về nghề cầm bút, xét văn rất sành, ta có thể tin họ. Tuy nhiên, một là vì lẽ ở đời không có gì tuyệt đối, hai là vì óc thẩm mỹ của mọi người không thể giống nhau trong các khía cạnh, những ông thầy văn đó cũng có khi lầm, Chẳng hạn Jesse Stuart trong cuốn *Viết vì thích hoặc vì tiền* (Writing for love or for money) kể chuyện giáo sư một lớp hàm thụ nọ khuyên ông đừng viết tiểu thuyết, nhưng ông cứ viết, và sau được ba tờ báo ở Mỹ tranh nhau đòi mua truyện.



Trái lại với Goncourt, hai anh bạn thi sĩ chỉ cho tôi một phương pháp khác : muốn tập viết văn thì trước hãy tập làm thơ.

Tại sao lại tập làm thơ rồi mới tập viết văn ? Theo hai anh ấy thì tập làm thơ trước là để tập chú trọng đến nhạc trong văn, đến đức gọn, tinh xác và hàm súc tức như để quen với công việc sửa chữa, thôi sao. Lời đó có lý.

(1) Một người Việt đã mở ở Ba lê lớp hàm thụ bằng Việt ngữ dạy viết văn nhưng hình như không thành công vì ít người chịu học

Viết văn xuôi, ta được tự do hơn làm thơ, nên có thói phóng bút, viết mau, mà viết mau thì văn có thể tươi sáng, song lời thường thừa, ý thường loãng. Làm thơ, bị vần, niêm luật, số chữ, số câu khiên chế, ta bó buộc phải tìm nhiều cách để phô diễn một ý, ta phải lựa những tiếng xác đáng, du dương, rồi đảo lên đảo xuống, thay đổi, cân nhắc : sự câu thúc đó sẽ đưa ta đến nghệ thuật.

Phương pháp của hai bạn thi sĩ đó tất phải có kết quả. Tuy nhiên, tôi e nó không phải một phương pháp chung, thích hợp với mọi người : những bạn nào không có khiếu về thơ mà theo cách ấy có thể mau thất vọng ; vả lại văn vần và văn xuôi có những quy tắc khác nhau xa cho nên Tăng Củng ở Trung Quốc viết cổ văn rất hay (1) mà làm thơ không được, còn ở Việt Nam, Tản Đà thơ bất hủ mà văn xuôi thì kém.

Tóm lại, theo tôi thì trừ khi là một người có khiếu về thơ, ta mới đầu cứ thích cái gì viết cái đó, như vậy có dịp dò dẫm, tìm con đường đi, thử qua mọi loại để sau cùng lựa loại nào thích hợp với mình. Về điểm ấy, Jesse

(1) Tăng Củng đứng vào hàng bát đại gia ở Trung Quốc

Khi nào bạn thấy văn của bạn đã đáng cho ra mắt độc giả thì tất nhiên vấn đề lựa bút danh sẽ làm cho bạn phải nhiều thắc mắc. Lựa tên gì ? Đặt tên gì cho hay, cho kêu, cho những độc giả tương lai của mình phải tức thời chú ý ?

Ồ, cái đó thì tùy bạn, bạn có thể dùng bút hiệu là A.B.C. hoặc X.Y.Z. hoặc Chàng Bảy, Chàng Ba... Bạn lại có thể lấy ngay tên một thi hào đời cổ, chẳng hạn

---

tiếp theo trang 75

Tên HIỆU có hai cách đặt. Hoặc lấy tên núi, sông, tên làng, tổng, phủ, tỉnh nơi mình ở mà đặt như Nguyễn Khắc Hiếu quê ở Sơn Tây nơi có núi Tản sông Đà nên ông lấy hiệu là Tản Đà.

Hoặc thích cái gì thì lấy cái đó đặt tên, như Nguyễn Bỉnh Khiêm lấy hiệu là Bạch vân cư sĩ (ông thích mây trắng thích ẩn dật), Phan ChuTrinh lấy tên là Hi Mã nghĩa là mong được như Mã Chí Ni (Mazzini) một nhà ái quốc đá có công thống nhất Ý Đại Lợi. Nực cười nhất là Lê Sĩ Quý, tác giả cuốn Phê bình cảo luận ký tên Thiếu Sơn, một tên vô nghĩa, chỉ vì hồi nhỏ thích một kép hát tuồng tên gọi Thiếu Sơn.

Những cách đặt tên tự và tên hiệu đó bắt chước Trung Hoa, còn bắt chước Pháp thì có cách bứt mê (anagramme), Ví dụ Trần Khánh Giư tác giả Nửa Chừng Xuân ký tên Khái Hưng, là lấy những mẫu tự trong tên Khánh Giư đảo lên đảo xuống. (Nhưng tiếng Việt không có Giư) có lẽ là DƯ mà đổi là GIƯ chăng ?

Cách sau cùng này thì chắc là của mình : Nguyễn Thứ Lễ ký tên là Thế Lữ; Thế Lữ là tiếng lái của Thứ Lễ,

Nguyễn Du, Lý Bạch. Bạn cười ư? Có làm sao ? Bạn chẳng thấy một ký giả Việt Nam kia đã mượn họ và tên hiệu của thi thánh Đỗ Phủ để ký bằng ba chữ Đỗ Thiếu Lăng ?

Nhưng tôi xin dặn kỹ bạn điều này : phải cẩn thận, cẩn thận lắm lắm, đừng để bút danh của ta trùng với bút danh một nhà văn Việt Nam đương thời. Tối kỵ đấy !

Mới năm nào, đọc trên một tuần báo nọ ở Sài-gòn, tôi đã thấy chỉ trong nửa tháng mà đã có hai nhà văn la lên bải hải rằng họ đã bị người khác ký trùng tên Tội nghiệp quá ! Số văn sĩ nước mình hiện nay, kể cả những người từ trước chỉ viết có một bài báo vài chục hàng, có tới hàng ngàn hàng vạn mà những tên đẹp như Xuân giang Thu nguyệt .... kiếm ra cho hết, cũng chỉ được năm, bảy chục, thì hỏi làm sao mà chẳng có những trường hợp ký tên trùng ? Lỡ mà dùng làm bút hiệu của một văn nhân chưa nổi tiếng là việc không ai nỡ trách, nhưng nếu không phải là Hồ Trọng Hiếu mà ký Tú Mỡ, không phải Nguyễn Khắc Hiếu mà ký Tản Đà thì không mong gì được người ta nói tay rìu búa ! Vì ngại vậy nên mặc dầu đã được một ông bác đặt cho bút hiệu là Lộc Đình mà tôi vẫn cứ ký tên trên khai sinh.

CHƯƠNG II

TỔ CHỨC ĐỜI SỐNG

Nhà văn nên sống ở đô thị lớn hay ở tỉnh nhỏ ?

Khi tôi mới lên ngụ ở Saigon, một ông bạn tiếp tôi trong một cửa hàng do ông làm chủ và đã bảo tôi :

— Lên đây anh khó mà viết lách. Hồi tôi ở H.T. tôi còn trứ tác được, độ nầy hết hứng, mỗi năm chỉ làm được vài bài thơ.. Đời sống ở đây bận rộn quá mà cũng ồn-ào quá !

Nghe ông nói tôi tự nghĩ tại đời sống ở Saigon nầy thì ít mà tại không khí trong cửa hàng thì nhiều Mắc làm con toán suốt ngày, viết sao được nữa ?

Tôi nhớ Charles Braibant có nói : «Không khí thành Balê kích-thích, nhưng nó như một thứ thuốc kim thạch, dùng luôn hóa quen. Ở lâu thì không khí đó làm ta kiệt lực. Bạn cũng biết rằng những gia đình lập nghiệp ở Ba-lê đến đời thứ ba là tiêu diệt đấy chứ ?»

Sự kích thích của không khí ở đô thị lớn cần cho nhiều nhà văn để sáng tác. Nhất là các nhà báo, phải tra cứu tài liệu trong các thư viện, nghe ngóng tin tức trong các quán cà phê, nếu sống ở tỉnh nhỏ, làm sao họ viết được !

Nhưng nếu luôn năm, bảy năm không ra khỏi chốn đô thị náo nhiệt, bên tai lúc nào cũng ầm ầm, trước mắt lúc nào cũng nhộn nhịp thì tâm thần ta tránh sao chẳng phải mệt mỏi, mà công việc trứ tác chẳng kém về lượng hoặc về phẩm ?

Vậy nếu có một khu vườn ở ngoại ô châu thành, như tại làng Mọc, làng Bưởi, làng Ngọc Hà ở chung quanh Hà Nội, hoặc ở khỏi Gia Định, Phú Nhuận, Lăng Tô gần Sàigòn thì thích nhất và tiện nhất. Sống ở đây ta có thể tùy tiện ra đô thị tìm tài liệu ở thư viện, chuyện trò với các văn hữu hay tính toán công việc với nhà xuất bản, mà lại vẫn được tiếp xúc với thiên nhiên, ngắm đồng lúa, dòng nước, nghe tiếng sáo, tiếng chim.

Được tận hưởng cái thú và cái lợi của cô tịch tại những nơi đó, nguồn cảm hứng của ta sẽ dồi dào mà tâm hồn ta cũng được gột rửa. Nhà thơ Alfred de Vigny nói : « Về thi ca, về triết lý, về mọi ngành văn chương, nếu chỉ có thì giờ để suy nghĩ rồi viết thì là hỏng, » Ông muốn khuyên ta phải mơ mộng một cái gì

cao đẹp cho tư tưởng được khoáng đạt, văn từ được tiêm nhã. Nhưng ngồi đâu mà mơ mộng được ? Ở nơi đồng quê tĩnh mịch hay ở nơi xe cộ ồn ào ?



Bàn về chỗ làm việc thì trong phòng nên có một ghế xích đu, lúc nào mỏi lưng ta có thể nằm trong ghế mà suy nghĩ, đọc sách hay viết thảo. Nhiều nhà bác học, chính trị hoặc doanh nghiệp đã nhờ thứ ghế đó mà làm việc được suốt ngày.

Đến như sách là nguyên-liệu của nhà văn, ta cần biết giữ gìn và sắp đặt.

Nên làm hai thẻ cho mỗi cuốn, một thẻ sắp theo tên tác-giả, một thẻ sắp theo môn loại, và làm ngay từ khi mới mua về, đừng đợi lúc có bốn, năm trăm cuốn mới làm, ta sẽ thấy ngại lắm.

Sách ít, muốn sắp ra sao cũng được, càng nhiều thì càng phải phân loại kỹ lưỡng cho dễ sắp và dễ kiếm. Nếu mỗi cuốn có hai cái thẻ thì trong tủ có thể sắp theo chiều cao của sách. Ta sẽ chia sách làm nhiều ngăn, tùy theo khổ sách :

— Sách cao dưới 20 phân,

— Sách cao từ 21 đến 30 phân.

— Sách cao trên 30 phân.

Theo tôi cách sắp đặt chỉ trong cuốn *Un art de vivre* của Adrien Jans có thể theo được, tuy nó có chỗ bất tiện là những sách cùng một loại thường không cùng một khổ, thành thử cùng một ngăn mà có cuốn cao, cuốn thấp, trông không đẹp mắt :

1. Những cuốn ta thích nhất, không kể loại.

2. Những cuốn in đẹp·

   a) sách về mỹ thuật,

   b) sách về văn học.

3. Tiểu thuyết (Sắp theo chữ cái của tên tác giả)

4. Thơ (n.t)

   Phê bình. Tùy bút (Sắp theo chữ cái của đầu đề)

5. Sử ký (Sắp theo thời đại và từng xứ)

   Triết lý

6· Loại sách nhỏ về khoa học

   Tiểu sử (Sắp theo tên người nói trong sách)

7. Tôn giáo

8. Tạp chí.

Chắc Adrien Jans có những lý lẽ riêng nên mới sắp Triết lý chung với Sử ký và Tiểu sử chung với Khoa học. Ta không cần theo đúng ông, có thể sắp Phê bình, Tùy bút, Tôn giáo chung một ngăn với Triết lý, Tiểu sử chung với Sử ký v.v,·.

như vậy, nó sẽ đi bậy bạ. Đâu có. Chỉ những ngòi bút được người ta điều khiển lâu mới thành ngòi bút hay. Muốn một cách mãnh liệt, quả quyết, bất biến thì việc gì cũng thành».

Cách làm việc đó, đắc lực nhất và có lẽ ít phí sức nhất.

Nhưng văn sĩ không mấy người được như hai nhà đó, phần đông làm việc tùy hứng mà ác thay hứng thường tới ban đêm, trong những lúc tĩnh mịch nhất, vạn vật đều ngủ, tiếng động đều tắt. Hai văn sĩ bạn thân của tôi đều lấy đêm làm ngày và tối nào cũng uống trà tàu hoặc cà phê đậm để thức cho khuya, thử hỏi làm sao mà không mau kiệt sức ?

Nhưng có một điều mà phần đông các nhà văn đều công nhận là phải sắp đặt làm sao cho có thể làm việc liên tiếp ba, bốn giờ ; nếu mới viết độ một giờ lại phải ngừng thì mỗi khi viết tiếp phải phí mất mười, mười lăm phút suy nghĩ để cho óc quen với việc. Tôi vừa nói hai tiếng «phần đông» vì tôi được biết chuyện văn sĩ Aguessau một hôm đưa tặng bà vợ một tập tư tưởng do ông trứ tác trong những phút đợi bữa ở trước bàn ăn.



Nếu viết đều đều suốt năm thì mỗi ngày năm, sáu giờ đã là nhiều lắm vì, như tôi đã nói, những lúc nhà

văn không viết thì óc cũng ít khi được nghỉ, luôn luôn bị đầu đề ám ảnh, cả trong bữa ăn, giấc ngủ. Thì lực lưỡng đến như Balzac, lại ở một khí hậu mát mà nào có viết quá cái số giờ đó mỗi ngày !

Theo tôi, cuộc sống sướng nhất cho nhà văn là mỗi năm được du lịch bốn, năm tháng, vừa đi chơi vừa suy nghĩ, nhận xét tìm đề tài, rồi về đô thị thăm bạn bè, nhà xuất bản, tra cứu tại thư viện, sau hết kiếm nơi tĩnh mịch viết trong năm, sáu tháng, mỗi ngày viết độ bốn, năm giờ.

Tất nhiên, phải vào hạng ông hoàng trên văn đàn Âu, Mỹ mới có thể sống một cuộc đời phong lưu an nhàn như vậy. Còn như văn nhân nước mình, nếu không có một nghề thứ nhì thì dẫu cắm cổ viết suốt năm, mỗi ngày bảy, tám giờ, cũng không đủ sống, cứ phải lo gạo từng ngày. Như thế, ý làm sao mà cao kỳ, văn làm sao mà già giặn ? Vạn sự chỉ do nghèo !

Xin bạn nghe lời Charles Braibant khuyên các văn sĩ :

« *Phải tránh đừng đau ốm. Nếu đau thì dưỡng bệnh ở đâu ? Có những an dưỡng đường cho các giới trong đủ nghề, trừ cho nhà văn và nghệ sĩ.*

Cũng phải tránh đừng chết: ai trả phí tổn đám táng cho ? »

Ôi ! chua chát !

Nếu không lập cho mỗi cuốn hai thẻ thư tịch thì ít nhất ta cũng phải ghi tên sách theo từng loại vào một cuốn sổ như dưới đây.

Số sách	Tên tác-giả	Tên sách	Nhà xuất-bản Năm xuất-bản	Ý quan-trọng trong sách	Tiêu chú	Ngày lấy ra
1	2	3	4	5	6	7

Trong cột 7 nên ghi bằng viết chì để dễ gôm những lời ghi khi trả sách vào tủ. Trong cột 6, có thể biên tên người mượn sách.

Khi sắp sách vô tủ, nên đặt đứng ; những cuốn nặng nhất nên để ở những ngăn dưới, những cuốn thường dùng nên để vừa tầm tay cho dễ lấy, những cuốn nhẹ thì để trên cùng. (1)

Sách là kho tài liệu, nên chẳng những phải giữ gìn kỹ lưỡng, sắp đặt có thứ tự mà khi đọc còn nên ghi chép rồi lập một thẻ tài liệu cho những chương quan trọng. Nếu bỏ bừa bãi, không nhớ mình có những cuốn

(1) Trích trong cuốn « Tự học để thành công » của tác giả.

gì, trong mỗi cuốn có những ý gì quan trọng, tài liệu gì có thể dùng được thì chẳng khác chi có kho vàng mà không biết chỗ chôn đâu.



Đã xét nhà ở và phòng, bây giờ tôi xin xét đến cách làm việc.

Về điểm này mỗi nhà văn có những thói riêng.

Có người như Henri Béraud đi ngủ rất sớm, từ tám giờ tối để ba giờ sáng dậy viết một hơi tới mười giờ, rồi nghỉ ngơi cả buổi chiều.

Có người lại quen viết buổi chiều từ ba đến bẩy giờ vì họ cho buổi sáng óc chưa có cái đà để làm việc, còn buổi tối phải nghỉ, nếu không sẽ mất ngủ.

Một số như Victor Hugo và nhất là Gustave Flaubert viết đều đều như một thư ký, cứ sáng tám, chín giờ là ngồi viết tới mười, mười một giờ, chiều cũng có những giờ nhất định. Hứng tới hay không cũng mặc, đến giờ là cầm cổ viết, như «một con trâu kéo cày».

Flaubert, một nhà văn có nghị-lực phi-thường, đã khuyên ta :

«Đừng nói : « Lúc này tôi viết không được, đầu tôi trống rỗng». Khi nào ngòi bút không tự nó đi thì phải bắt nó đi. Người ta cứ tưởng-tượng rằng bắt buộc

Charles Péguy than : « Tôi đau thận, cần nghỉ hai tháng. Nhưng nếu tôi nghỉ thì mất cái đà viết »· Đau xót chưa ?



« Nếu nghỉ thì mất cái đà viết », Péguy lo như vậy, nhưng tôi khuyên bạn mất thì mất, bạn cũng phải nghỉ, mặc dầu tôi biết rằng, viết đương có đà mà phải ngưng hàng tháng thì bực lắm, và khi viết tiếp, đã khó nhọc, lại kém hay. Bạn cần phải nghỉ để tránh khỏi chết sớm ; còn như muốn tránh đau thì hãy nghe Dumas-con khuyên : (1)

> *« Mỗi ngày anh nên đi bộ hai giờ, mỗi đêm ngủ bảy giờ ; ngủ một mình thôi; hễ thức thì dạy liền (.,) Đói mới ăn, khát mới uống, và luôn luôn ăn uống chậm chậm (...). »*

Ông lại căn dặn thêm :

> *« Dưới hai chục tuổi đừng gần đàn bà, ngoài tứ tuần cũng nên xa họ »*

Chà, ông lão đó thật là kỹ lưỡng quá, thọ đến ngoài bảy chục cũng là phải !

Đã có một thời, nhiều văn nhân nước nhà ca tụng sự trụy lạc, hô hào rằng phải ăn chơi, phải «bốc đồng», phải làm nô lệ cho phù dung tiên tử, phải mài miệt trong các xóm bình khang, phải như thế thì hứng mới tới, mới có thể sáng tác được, mới đáng mang cái danh hiệu nghệ sĩ. Phong trào ấy lan khắp nơi, thậm chí tới Vũ Ngọc Phan, một nhà văn đứng đắn cũng còn bênh vực họ :

(1) Hai cha con họ Dumas cùng là Alexandre, đều viết văn, nên người ta phải phân biệt Dumas-cha và Dumas-con.

> *«Trên đường nghệ thuật, trên con đường muôn ngả, người nghệ sĩ dùng cách nào để đi tới được nơi sáng suốt và hái cho nhân loại được những thứ quả quý nhất thì thôi, ta không nên trách sao họ lại uống rượu, sao họ lại hút thuốc, sao họ lại không sống một cách vệ sinh như ta».*

Trong đoạn nầy, tôi không đứng về phương diện luân lý, cũng không đứng về phương diện xã hội, chỉ xin xét cái lợi của nhà văn. Theo tôi, chưa chắc đã cần rượu mạnh, nha phiến, mỹ nhân để kích thích mới có thể sáng tác được ; nhưng tôi chắc hễ phí sức và phí tiền thì nhà văn tất mau chết, vợ con tất điêu đứng, văn nghiệp chỉ nửa vời. Ngoài ra chắc bạn đã biết, tại các dưỡng đường ở Sàigòn lúc nầy, tiền phòng mỗi ngày là trăm rưởi, nếu kể cả tiền ăn, tiền thuốc, tiền công cho bác sĩ thì tới năm trăm· Ruột tằm kia gỡ ra mấy tuần mới được số tiền ấy ?

Mấy năm trước, một thi-sĩ có danh tuyên bố trên một tuần báo rằng một văn nghệ sĩ chỉ được sống bằng

nghề cầm bút, không được có một nghề khác, nghĩa là phải đem hết thì giờ, tâm lực ra phụng sự văn nghệ, phải hoàn toàn chung thủy với nàng Văn hoặc nàng Thơ. Nực cười thay, một quan niệm hy sinh đến mực đó cho nghệ thuật !

Một anh bạn tôi đọc lời tuyên bố ấy, bĩu môi :

— Tôi không hiểu tại sao nhà thơ đó lại nói thế ? Ai mà chẳng biết rằng chính anh ấy có tới ba nghề, ngoài cái nghề cầm bút mà gần đây anh ấy tỏ vẻ thờ ơ. Hay là anh ấy định « nay đã mần cha thằng họ Bạc, rầy thì bỏ mẹ cái nàng Thi ? »

Phải lắm chứ, nếu bảo rằng phải sống về nghề văn và chỉ sống về nghề văn mới là văn nghệ sĩ thì té ra hết thảy những nhà văn thơ không chuyên sống về nghề bán thi văn phẩm như Trần Huyền Trân, Thâm Tâm, Vũ Hoàng Chương, cả nhóm Tự lực văn đoàn và nhất là những thi văn hào đời trước của ta như Nguyễn Du, Nguyễn thị Điểm, Thanh Quan, Nguyễn Khuyến.. đều không phải là văn nghệ sĩ hay sao ?

Ngay như ở Pháp mà nghề viết đã có từ thế kỷ 17, các thi văn hào thời trước như Corneille, La Fontaine, Molière, Bossuet, Montesquieu, J.J.Rousseau,Lamartine, Maupassant, Zola... và gần đây như Loti, Ferrière, A. France.. cũng sống nhờ một nghề thứ nhì, ông thì

đóng kịch, chép bản nhạc, ông thì làm luật sư hay tư chức, công chức, lại có ông làm.., cố đạo.

Một quan niệm vô lý như vậy không có giá trị gì cả. Bạn có thể làm thêm một nghề thứ nhì, tôi còn muốn khuyên bạn nên làm thêm một nghề thứ nhì nữa.

Có một nghề phụ, trước hết bạn sẽ khỏi đói. Rồi nhờ không đói, bạn dễ giữ vững được tư cách, được tinh thần của bạn : khi con nheo nhóc, i eo vì tới bữa mà bếp vẫn còn lạnh ; khi vợ nhăn nhó vật vã mà không có tiền đi bác sĩ thì bạn có nghị lực đến đâu mà dám quyết sẽ không đem bán đấu giá nàng Văn và nàng Thơ dưới mọi hình thức cho một vài kẻ giàu sang bỉ ổi ?

Tuy nhiên, nếu gặp khi bạn may mắn, đã đủ sống về cây bút thì tôi lại khuyên bỏ cái nghề phụ ấy đi nếu nó đòi hỏi bạn nhiều công sức, thì giờ và không có tính cách tiêu khiển (1).

Nhưng, xin bạn đừng bỏ quá sớm. Nhiều tiểu thuyết gia mới xuất bản được vài cuốn bán chạy, vội bỏ các nghề khác để chuyên sống về tiểu thuyết thì bỗng nhiên cụt hứng viết, cụt hứng một cách lạ lùng. Lúc đó mới nguy !



(1) Mấy nghề phụ đòi hỏi ta ít công sức, thì giờ và có tính cách tiêu khiển như : nghề nhiếp ảnh, nghề hội họa, nghề đóng sách...

Bạn hỏi tôi :

— Nên lựa nghề gì làm nghề thứ nhì ?

— Thưa bạn, nghề nào hợp với khả năng của ta mà có lợi hoặc ít nhất cũng không hại cho nghề cầm bút.

Thiên Giang khuyên lựa một nghề tay chân. Nhà văn này có hồi làm thợ sắp chữ, có dạo cuốc đất làm vườn. Hư Chu, lúc nào rảnh viết thì cầm ngay cái đục, cái cưa, hí hoáy đóng bàn, đóng ghế, đóng chẳng ra trò gì cả, nhưng ông ta cũng rất thích.

Đồng ý với hai nhà văn đó, tôi vẫn ghét đời sống bên bàn giấy vì nó thiếu không khí, thiếu vận động, ăn không tiêu, phổi lép kẹp, tôi vẫn ước ao được như William Faulkner (1), sáng cầm bút, chiều cầm cày ; và vẫn mong trong xã hội ngày mai, người làm việc tinh thần sẽ có nửa ngày để làm việc tay chân, mà người làm việc tay chân cũng có nửa ngày để đọc sách. Nhưng trong hiện tình, một nghề tay chân khó nuôi được nhà văn, nên Thiên Giang đã thôi sắp chữ mà Hư Chu chỉ làm thợ mộc tài tử, lấy thùng sữa đóng cái bàn cái ghế cho « bầy nhỏ » mà thôi.

Như vừa nói, tôi vẫn ghét đời sống bên bàn giấy, nếu lại sống bên bàn giấy để làm thư ký, nghĩa là để tự

(1) Một văn sĩ Mỹ đương thời, được giải thưởng Nobel năm 1949.

biến thành cái máy chép, máy tính và để tiêu tan cả nghị lực, chí phấn đấu thì tôi càng ghét thậm ; tuy nhiên nếu được làm một viên bảo thủ văn khố trong một thư viện như Sainte Beuve, A. France thì có lợi cho nghề viết văn, ta sẽ thu thập được nhiều tài liệu để soạn sách. Khuông Việt nếu không làm ở Thư viện Nam Việt chắc không viết được cuốn *Tôn Thọ Tường* và hẳn Lê Ngọc Trụ cũng nhờ làm ở sở ấy mà dễ soạn bộ *Chánh tả Việt ngữ*.

Không làm ở thư viện thì nên lựa nghề gì làm nghề phụ ? Đi buôn ? Mở nhà xuất bản hay lập tiệm bán sách ? Được đấy ! Đó là những nghề tự do, hợp với nghề viết văn. Song, tôi xin bạn coi chừng : một khi làm ông chủ tiệm, chưa chắc bạn có thể quyết giữ sao cho cây bút của bạn sẽ không bị nhẹ bỗng ở đầu cân. Thì này, bạn có dám chắc sẽ đủ nghị lực từ chối không tiếp khách hàng trong khi hứng đột ngột tới không ? Làm chủ, bạn phải trông nom mọi việc, bạn sẽ bận rộn lắm, khó còn thì giờ để viết và cái nghề mà bạn mới đầu cho nó là phụ sẽ mau thành nghề chánh mất.

Suy đi nghĩ lại, nghề thứ nhì hợp với nhà văn nhất là nghề dạy học. Michelet cũng nhận vậy, ông nói :

Từ khi tôi làm nghề ấy (nghề giáo sư), đời tôi rất điều hòa : một tay tôi soạn bài, một tay tôi viết sách. »

Sau khi cặm cụi trên trang sách bụi bậm, chữ thì nhỏ nét thì mờ, mà được nhìn nụ cười hồn nhiên, cặp mắt long lanh của thanh niên; sau khi tiếp súc với tư tưởng nghiêm trang của người xưa mà được nghe những ước vọng, tâm sự của bạn trẻ thì còn chi mà tâm hồn ta chẳng vui vẻ, nhẹ nhàng? Riêng nghề viết văn đã làm ta say mê, lại thêm nghề dạy học, một nghề mà các hiền nhân như Khổng Tử, Mạnh Tử, Socrate, Platon đều nhận là vui nhất, thì đời ta quả là một cảnh hoan lạc vậy. Nhưng học sinh phải ra sao kia thì dạy mới thấy thích.

CHƯƠNG III

VẤN-ĐỀ NGUYÊN TẮC

Tư-tưởng luôn-luôn là cứu cánh của nhà văn.
ALAIN

Mới từ khoảng mười lăm năm nay, một số nhà văn của ta đứng lên hô hào đặt vấn-đề nguyên tắc cho văn học. Trước hết có lẽ là Đặng Thái Mai trong cuốn *Văn học khái luận*, rồi tới Triều Sơn trong cuốn *Con đường văn nghệ mới*, gần đây thêm tác giả cuốn *Văn nghệ nhân dân* là Hoàng Công Khanh. Đó là chỉ kể những tùy bút in thành sách, còn những bài dài, ngắn đăng trên báo thì không sao ghi đủ được.

Xét chung, hết thảy các nhà văn đó đều có thiện ý vạch một con đường mới cho nghệ sĩ và con đường ấy rất chính đáng. Chỉ tiếc có người, hoặc vì hăng hái quá

mà hóa thiên kiến, hoặc vì ý ít mà muốn kéo cho dài, nên lý-luận có chỗ hở, hay mâu thuẫn. Phê-bình kỹ ba cuốn kể trên, ít nhất cũng mất năm, sáu chục trang, công-việc đó tôi chưa có ý làm ở đây ; chỉ xin vạch vài điểm không được xác đáng để chứng thực lời tôi mới nói.

Chẳng hạn, Triều sơn, trong cuốn đã dẫn, bảo phải đại chúng hóa văn nghệ :

Đại chúng hóa là làm sao cho văn nghệ-phẩm không những dễ hiểu, dễ cảm đối với đại chúng mà nội dung của văn-nghệ-phẩm cũng thích hợp với tinh-thần đại-chúng. Ở đây vấn đề không phải chỉ ở hình-thức của văn-nghệ-phẩm (tức là kỹ-thuật của văn-nghệ sĩ) mà còn là — và trước hết là — ở phần chất văn nghệ phần tinh thần của văn-nghệ-phẩm, phần ý thức hệ chứa đựng, tiềm tàng trong văn-nghệ-phẩm.

«Thí dụ : Đại chúng đang hăng hái đi tới, văn chương đại-chúng-hóa phải có tinh thần tiến bộ, tính chất tiền phong trước hết, lại phải giản dị, dễ cảm, dễ lôi cuốn, thúc đẩy đại chúng tiến tới mạnh mẽ thêm» (Trang 84-85)

Hình-thức phải giản-dị, dễ hiểu, về điểm này tôi hoàn-toàn đồng ý. Nhưng nội dung phải thích hợp với tinh thần đại chúng thì xin thú thực, tôi chưa hiểu rõ.

Nếu đại chúng đương hăng hái tiến tới thì văn chương phải có tinh thần tiến bộ. Vâng. Nhưng có hồi đại chúng thụt lùi thì sao ? Văn nghệ cũng phải thoái bộ cho thích hợp với tinh thần đại chúng ư ? Sau vụ thất bại Yên Bái chẳng hạn, đại chúng đã thụt lùi ; mà mấy năm gần đây, đại chúng «ở thành» cũng thụt lùi ; phần đông chỉ mê những thú thấp kém, chỉ đọc những truyện kiếm hiệp thì nhà văn cũng phải thích hợp với tâm trạng đó ư ? Đó là chỗ hở của Triều Sơn.

Lại như Hoàng Công Khanh viết ba chương để bàn về kỹ thuật và nội dung. Mới đầu ông bảo :

«Kỹ thuật thật quan trọng. Nhưng chỗ quan trọng của nó là để diễn đạt nội dung», (Trang 45)

Rồi ông lại viết :

« Nội dung hay, kỹ thuật kém thì chỉ giảm giá trị đi thôi. Ví như nước ngon, chè ngọt đựng vào cái bát đàn vậy. Nó chỉ bớt ngon đi phần nào thôi ». (Trang 56)

Đã nhận kỹ thuật rất quan trọng để diễn đạt nội dung thì ít nhất cũng phải ví nội dung với trà, kỹ thuật với nước để nấu, như vậy mới đúng với sự tương quan của hai cái đó ; chứ ví kỹ thuật với cái bát đàn thì sai lầm : Cái bát đàn, nếu rửa sạch, không hề làm cho nước bớt ngon, trừ phi người ta tưởng tượng.

Chỗ khác ông lại viết :

« Kỹ thuật ở nội dung mà ra. Nội dung ví như thân người. Kỹ thuật ví như bộ quần áo. Giá trị thực sự của một người đâu phải ở những thứ đeo vào con người » (Trang 57)

Và mười lăm hàng sau, tác giả lại ví nữa :

« Một đạo quân cũng không khác. Cái quan hệ không phải ở những dẫy pháo đài, không phải ở khẩu súng bắn một phút 5000 phát, mà chính là con người đứng cạnh pháo đài và người nâng khẩu súng tì báng vào má để bắn. Con người ấy là nội dung mà pháo đài cùng súng ống chỉ đơn thuần là kỹ thuật ».

Trời đất ! Pháo đài và khẩu súng bắn một phút 5000 phát mà không quan hệ ? Thế thì Mỹ và Nga đã thậm ngu đề bỏ ra hàng tỉ tỉ bạc, chế tạo các khí giới mới ! Một tiểu thuyết gia mà không hiểu tâm lý tầm thường nầy là khí giới làm tăng lòng can đảm của binh sĩ ư ? Và Nhật thua Mỹ vừa rồi chỉ do khí giới kém ư ?

Rốt cuộc đọc hơn hai trang luận thuyết của ông, tôi chẳng biết ông muốn nói gì, lúc ông bảo hình thức rất quan trọng, lúc ông lại cho nó chỉ có công dụng tô điểm mà thôi !



Tôi vẫn trọng lý thuyết. Lý thuyết vạch đường cho hoạt động. Nhưng tôi rất ghét lý thuyết dài dòng và tôi

tin rằng cái gì hợp với lẽ phải, rõ ràng thì không cần phải chứng minh nhiều, phần đông sẽ cảm thấy mà nếu có kẻ nào không cảm thấy thì cũng không thể biện thuyết cho họ cảm được.

Vậy tôi xin đặt lại vấn đề :

— Nội dung và hình thức, cái nào quan trọng ?

— Hình thức hồi nầy nên ra sao ?

— Nội dung nên ra sao ?

Tôi nhận với Đặng Thái Mai rằng « nội dung quyết định hình thức, chứ không phải hình thức quyết định nội dung» Lẽ ấy ai cũng hiểu : phải có cảnh trước mắt, tình cảm trong lòng, ý tưởng trong đầu rồi mới nghĩ tới việc phô diễn và tìm một bút pháp, những tiếng thích đáng.

Nhưng nói vậy không phải là hình thức không quan trọng, nó cũng quan trọng như nội dung. Có nhiều ý tiến bộ mà phô diễn quá vụng về đến nỗi ai mới đọc vài hàng cũng đã phải bỏ, thì nội dung có hay cũng vô ích : không có người đọc, làm sao có người cảm ?

Đọc văn học sử các nước, ta thấy từ trước tới nay tác phẩm nào được lưu truyền cũng có giá trị cả về hình thức lẫn nội dung.

Chỉ có điều đó là chắc chắn ; còn như muốn chứng minh rằng nội dung hay hình thức, cái nào là quan

những xúc cảm mới, đã hăng hái xây dựng một lối văn mới : lối tả chân (cũng gọi là hiện thực).

Xã hội hàng ngày đầy những truyện ly kỳ, làm ta sa lệ hoặc bật cười thì cần chi phải tìm đề tài ở thời cổ hoặc trong tưởng tượng nữa, cứ nhận xét ở chung quanh ta với tấm lòng thông cảm, rồi ghi chép lại cho đúng là tìm được con đường sẽ tới của nhân loại và làm cảm động được người đọc, hướng dẫn được quần chúng.

Lối văn tả chân ấy cần đức thành thực hơn cả.

Renan nói rất đúng : *«Sự thành công trong nghệ thuật hùng biện hay văn chương chỉ có mỗi một nguyên nhân là sự thành thực hoàn toàn».*

Một văn sĩ Mỹ hiện đại khuyên ta : *«Bạn viết cái gì thì cái đó phải diễn những quyết tín chân thành nhất của bạn, nếu không văn bạn không có hy vọng sống.»*

A Gide, mạnh mẽ hơn, quả quyết :

«Cái điều khó nhất khi người ta đã bắt đầu viết, là thành thực (...) Hoàn toàn thành thực.»

Xin bạn đừng vội hiểu lầm: tôi không khuyên bạn không được tưởng tượng đâu ; tưởng tượng vẫn cần cho văn chương, nhưng bạn phải thành thực cả trong khi tưởng tượng, nghĩa là dùng sự thực để tưởng tượng rồi để lòng rung động như trước một sự thực, có vậy văn bạn mới quyến dũ được độc giả.

Sau hết, *về nội dung* tôi tưởng nhà văn thời nào cũng phải phụng sự cái Chân, cái Mỹ, cái Thiện. Có nhiều cách phụng sự ba lý tưởng ấy, song nếu chịu nhận xét ở chung quanh và suy nghĩ, thì ta thấy ngay rằng nhiệm vụ đầu tiên của nhà văn lúc nầy là vạch những đau khổ của nhân loại, những bất công trong xã hội, bênh vực kẻ yếu, an ủi kẻ nghèo và tìm cách xây dựng một tương lai rực rỡ mà mọi người hiểu nhau, hợp tác với nhau, không ai thù oán nhau, tranh giành nhau, bóc lột nhau.

Quảng đại quần chúng là những kẻ yếu, nghèo, phải chịu nhiều bất công, nên nhiều nhà văn hô hào tranh đấu cho quảng đại quần chúng, điều ấy có chi lạ ? Nhiệm vụ phụng sự nhân dân ấy tuy lớn thật, nhưng ta cứ tùy tài lực của ta, làm được phần nào thì làm, miễn là luôn luôn cố gắng và đừng bao giờ quên trọng trách.

Trong một bài đăng trên tuần báo *Thanh nghị*, Đinh Gia Trinh viết :

«Nhà văn, nhà thơ viết một tác phẩm là ném vào đời những tư tưởng, những tình tình, những rung động. Trong cái bể người, những tư tưởng đó sẽ truyền lan đi, gặp sự tán thành của một số tâm hồn xa lạ ; những tính tình, những rung động diễn tả trong thi ca (. . .) cũng sẽ làm thức tỉnh dậy ở lòng người những tính tình tương tự.»

trọng hơn thì tôi cho là làm một việc không thể được. Cái đó còn tùy mỗi thời, mỗi người. Chẳng qua, khi văn trào quá duy mỹ, các văn nhân chỉ chú trọng đến hình thức mà nội dung hóa đồi bại thì có những người phản động lại, đề cao nội dung lên; ngược lại, nếu văn trào « tải đạo » (1) đến cực độ, hình thức bị coi thường thì lại có người bênh vực, ca tụng nó. Vậy chủ trương hình thức quan trọng hơn nội dung hay ngược lại, đều là tùy mỗi thời và đều hữu ích trong một hoàn cảnh nào đó, chứ không thể là chân lý tuyệt đối được.

Hình thức thời nào cũng phải đẹp, nhưng quan niệm về đẹp mỗi thời một thay đổi. Hồi xưa các cụ cho đối chỉnh, điền nhiều, cầu kỳ, du dương là đẹp, và mới mấy chục năm trước, người ta còn thích ngâm những câu mà vế trên có Mạnh, Lư, vế dưới Hoa, Nã (2) chọi nhau đôm đốp. Bây giờ thì chẳng riêng gì nước ta, khắp thế giới đều muốn văn phải bình dị, tự nhiên sáng sủa.

Đã đành từ hồi xưa, những đức vừa kể đã được nhiều nhà văn bênh vực (ở Trung Hoa có Đào Tiềm,

(1) Nghĩa là « chở đạo ». Hàn Dũ chủ Trương « văn để chở đạo » — cũng như bây giờ ta nói để tuyên truyền đạo lý — để chống lại với tá phong duy mỹ đời Sơ Đường.

(2) Mạnh Đức Tư Cưu (Montesquieu), Lư Thoa (Rousseau), Hoa Thịnh Đốn (Washington), Nã Phá Luân (Napoléon).

Bạch Cư Dị, Tô Đông Pha ; ở Pháp có Montaigne, Pascal (3) song tới thế kỷ này, mới được văn nhân khắp thế giới nhận là quan trọng nhất, là cần thiết nhất, trừ vài bọn quái đản, lập dị như bọn « đa đa », bọn siêu thực, mà tôi đã nhắc tới trong cuốn *Luyện văn*.

Lẽ ấy cũng dễ hiểu. Hồi xưa — nghĩa là ba thế kỷ trước ở Âu châu và nửa thế kỷ trước ở phương Đông — nghề in còn phôi thai, sách đắt, chỉ một số rất ít quý phái và phú hào mới biết đọc, mua được sách, nên văn chương là xa xỉ phẩm của một hạng người nhàn nhã ; ngày nay, nghề in phát đạt, sách rẻ, hạng bình dân đều biết đọc, văn chương thành nhu cầu của mọi người, nhà văn không viết cho một số người nữa — trừ một vài trường hợp riêng — mà viết cho quảng đại quần chúng, thành thử văn phải sáng sủa, bình dị, tự nhiên.

Văn thời nầy cũng phải thành thực.

Trong hậu bán thế kỷ 19, trước những cảnh bất công mà hạng cần lao phải chịu, trước những chiến đấu mãnh liệt của kẻ yếu để đòi cho được một chỗ đứng dưới mặt trời, các nghệ sĩ thấy lòng mình rung động

(3) Montaigne viết : «Giọng mà tôi ưa là giọng bình dị và thành thực nói ra sao thì viết làm vậy ».
Pascal bảo : « Khi người ta thấy giọng văn tự nhiên, người ta vừa rất ngạc nhiên, vừa thích thú vì tưởng gặp một tác giả thì lại gặp một người ».

Những tính tình đó đã thức tỉnh, tất gây ra những hoạt động để lại một cái quả về sau, cái quả đó lại làm nhân cho những quả khác, như vậy cho tới vô cùng. Trong khi hành động, trong khi viết, ta ít khi nghĩ đến cái quả của công việc ta lắm, và ảnh hưởng của nó có thể rất lớn mà ta không ngờ. Đó không phải là lý thuyết đâu, thưa bạn. Đó là sự thực.

Thì đây, Hồ Thích trong một thiên tùy bút nhan đề là : «Cái bất hủ của xã hội», kể chuyện suốt đời ông chịu ảnh hưởng lời sau này của Phạm Trần, một tác giả Trung Hoa sống trước ông một ngàn sáu trăm năm : «Thần đối với hình như sự sắc bén đối với con dao ; chưa nghe nói dao mất mà sắc bén còn, há hình mất mà thần còn được ?»

Ảnh hưởng của văn sâu xa như vậy nên tôi nghĩ trách nhiệm của nhà văn đáng sợ và không có nhà nào dám quả quyết rằng lương tâm hoàn toàn trắng tội và tôi không hiểu làm sao lại có những kẻ hăng hái cầm bút để ca ngợi những cái ti tiện của con người hoặc dùng phép ngụy biện để làm hoang mang kẻ khác.



CHƯƠNG IV

TÌM Ý

Công việc đầu tiên và quan trọng nhất của nhà văn là tìm ý. Tìm cách nào ? Tôi xin lấy một thí dụ cụ thể cho dễ hiểu.

Chẳng hạn chúng ta muốn viết một cuốn sách về nông nghiệp ở nước nhà. Bạn cũng như tôi, chúng ta chưa biết chút gì về vấn đề ấy vì chúng ta không làm ruộng, cũng không phải là nhân viên sở Canh nông. Cứ ngồi trong phòng mà nghĩ thì may lắm viết nổi mười trang, mà dám chắc không được trang nào có giá trị.

Nhưng nếu ta về đồng ruộng, xem xét công việc cấy cày ở mỗi nơi, ghi các đặc điểm của mỗi giống lúa,

của mỗi thứ đất, rồi nghiên cứu về phân bón, nông cụ, sức sản xuất, cách đề phòng các thiên tai, trừ các loài làm hại lúa, về việc trữ lúa, bán lúa... ; nếu ta lại đọc các sách, báo về nghề nông ở nước mình và nước người, vừa đọc vừa so sánh, suy nghĩ, tìm những nguyên nhân về sự lạc hậu của nông nghiệp nước nhà cùng những giải pháp để cải thiện nó ; sau cùng nếu ta lại đích thân thí nghiệm những cải cách đó, chép những kết quả ; tóm lại, nếu ta chịu làm ba công việc nầy : nhận xét, đọc sách và suy xét thì ta không thiếu ý nữa mà có thể viết được một, hai cuốn sách đầy những tài liệu quý giá, những ý kiến mới mẻ.

Trái lại, về một vấn đề dù quen thuộc với ta, như đời sống của học sinh chẳng hạn, nếu không chịu làm ba công việc kể trên, thì ta cũng chẳng viết được gì đặc sắc, ngoài những điều mà mọi người đều biết.

Vậy có tài liệu rồi mới có ý, mà tài liệu ở trong đời sống chung quanh ta và trong sách. « Bỏ qua giai đoạn đầu tiên, cần thiết cho mọi người cầm bút là tìm tài liệu thì bất kỳ vấn đề nào đối với ta cũng sẽ lớn quá, ngoài sức của ta ».



Trong các cuốn *Nghệ thuật nói trước công chúng, Hiệu năng, châm ngôn của nhà doanh nghiệp, Tự học để thành công*, tôi đã chỉ những cách nhận xét, đọc sách, tìm và ghi tài liệu, ở đây chỉ xin nhắc lại vài ý chính.

Trong khi nhận xét, phải có một chương trình : xét những điểm nào, điểm nào trước, điểm nào sau, để khỏi quên những chi tiết nhiều khi quan trọng ; rồi so sánh, phân tích.

Nên tập nhận xét mỗi ngày, bất kỳ vào lúc nào : chẳng hạn như khi đi đường thì để ý tới những căn phố, những hàng cây, hoặc những người xuôi ngược. Có điều gì lạ thì về nhà ghi vào một cuốn sổ tay, sau dùng làm tài liệu viết sách. Nhiều tiểu thuyết gia theo cách ấy ; nhân vật trong các truyện của Gustave Flaubert Guy de Maupassant, A. Daudet, S. Maugham,.. không do các nhà đó hoàn toàn tưởng tượng ra đâu, đều được tạo nên nhờ sự nhận xét.

S. Maugham đã chỉ cho ta biết cách làm việc của ông. Trong một cuộc du lịch, ông ghi vài nét về một cố đạo, một cặp vợ chồng nọ và một thiếu nữ nhí nhảnh, rồi ông lập nên cốt truyện sau nầy :

Một ả giang hồ ngồi máy bay từ Honolulu cùng đáp xuống Pago với vợ chồng một ông mục sư. Vì một bệnh truyền nhiễm mới phát, họ phải tạm ở lại nơi đó. Ông mục sư mạt sát ả giang hồ kịch liệt, muốn cho ả xấu hổ, phải hối hận, bỏ nghề bất lương của ả. Ông lại độc ác đến mực yêu cầu vị Thống đốc đảo đó đuổi ả về

Honolulu. Nhưng một buổi sáng kia, người ta bỗng thấy thây ông, cổ họng bị cắt : ông đã tự tử, còn ả nọ thì vui vẻ, tự tín hơn mọi ngày. Ả ngó các người đàn ông, khinh bỉ bảo : « Toàn là đồ heo ».

Đó là cốt truyện « Mưa » mà chắc nhiều bạn đã được đọc.

Cách sáng tác của Nhất Linh cũng tương tự.

Trong một cuộc phỏng vấn của Nguyễn Ngu Ý, ông nói :

« Tôi tạo Dũng — một nhân vật chính trong Đoạn Tuyệt — sau khi đọc một tin tòa án ; một nhà cách mạng bị xử đày Côn đảo ; trong đời anh ấy có vài điểm hay hay, tôi lấy anh làm mẫu để dựng Dũng.

Nhân vật nào của tôi cũng được « khai sinh» do người thật cả. Mà cô Loan tiểu thuyết do mười cô Loan thật sự mà nên ».

H. M. Robinson cũng nhận rằng Stephen Fermoyle nhân vật chính trong cuốn The Cardinal của ông là kết quả sự tổng hợp tất cả các cố đạo mà ông đã biết.

Vậy trong loại tiểu thuyết, cần nhiều tưởng tượng hơn các loại khác mà nhận xét vẫn là nguồn dồi dào nhất để kiếm ý thì có nhà văn nào mà bỏ qua được công việc ấy ? Chính nhờ tập nhận xét mà Guy de Maupassant thành một văn sĩ đại tài. Trong bài tựa

truyện *Pierre et Jean*, ông nhắc lại lời khuyên của thầy học ông là Gustave Flaubert.

« Muốn diễn tả cái gì thì phải nhìn lâu vào nó và chăm chú để tìm được một trạng thái của nó mà chưa ai thấy hoặc nói ra. Trong mỗi vật, đều có một cái gì chưa ai khám phá vì chúng ta có thói quen, khi dùng mắt, chỉ nhớ tới những điều mà người trước đã nghĩ về vật đó. Vật nhỏ nhất nào cũng chứa một chút lạ. Phải tìm ra cái lạ ấy. Muốn tả một ngọn lửa cháy hoặc một gốc cây trong cánh đồng, ta phải ngồi trước ngọn lửa hoặc gốc cây đó cho đến khi thấy nó không còn giống một ngọn lửa hoặc gốc cây nào khác.

« Nhờ cách đó mà ta đặc sắc.

« (...) Khi nào đi ngang một người bán tạp hóa đương ngồi trước cửa hàng hoặc một người gác cổng đang hút ống điếu, anh hãy cho tôi biết người bán tạp hóa và người gác cổng đó ngồi ra sao, bề ngoài ra sao, anh phải lựa hình ảnh sao cho tôi thấy cái bề ngoài đó chứa cả tâm hồn họ, cho tôi không lầm lẫn họ với một người bán tạp hóa hoặc một người gác cổng khác; và khi đi ngang một bến xe, chỉ dùng một chữ thôi, anh phải cho tôi thấy con ngựa kéo xe này khác năm chục con ngựa đi trước hoặc sau nó ở chỗ nào ».

Bất kỳ nhà văn nào cũng cần tập nhận xét như vậy để hiểu vũ-trụ và nhớ những nét đặc-biệt của mỗi vật

rồi diễn ra trong tác phẩm vì thuật mô tả là thuật đầu tiên của mọi người cầm bút.

Nhưng nhận xét nhiều khi không đủ ; có những việc xảy ra thời trước hoặc ở xa, làm sao nhận xét được ? Phải đọc sách. Đọc sách còn hai cái lợi nữa : ý của người khác làm nảy ra những ý mới trong đầu ta, và nhờ đọc sách mà đỡ mất công kiếm lại những điều người trước đã thấy.

Flaubert nói phải đọc ba trăm cuốn mới viết được một cuốn. Ai mà theo ông được ? Ta chỉ cần nhớ rằng càng đọc nhiều càng quý. Tuy nhiên, trước hết phải giới hạn vấn đề cho rõ ràng để khỏi lạc trong cái rừng sách.

Ta nên biết, dù nghiên cứu suốt đời cũng không sao kiếm đủ hết những tài liệu, cổ, kim, đông, tây về một vấn đề. Vậy kiếm được những sách nào, hãy đọc những sách đó và một khi đọc hết rồi thì có thể viết ngay. Tôi còn muốn khuyên bạn *phải* viết ngay nữa : nếu chương nào còn thiếu tài liệu thì cứ bỏ trắng, sau sẽ thêm, chứ để lâu, bạn sẽ không thấy ham viết và khi viết phải nghiên cứu lại từ đầu. Vả lại có như thế, sách đã viết gần xong, chỉ còn thiếu ít chương, bạn mới thấy cần tìm thêm tài liệu để viết nốt.

Đọc sách để tìm tài liệu là những lúc vui nhất trong công việc của nhà văn ; vui có phần không kém cái vui

« xuân nhật tầm phương » của một thanh niên. Ta được tự do dạo ngắm khu rừng mênh mông của văn chương, ngừng đây một chút, hái bông hoa này, nghỉ kia một lát, nhìn dòng suối nọ.

Augustin Thierry đã tả nỗi vui của ông khi ông cặm cụi trên những cuốn sách của Thư viện quốc gia Pháp.

« *Trong khi lòng như say mê, tay ghi chép hoặc lật những trang sách, tôi không biết chút gì về những việc xảy ra ở chung quanh. Bàn tôi ngồi lần lần chật người rồi thưa người, nhân viên thư viện hoặc những người tò mò, đi đi lại lại trong phòng mà tôi chẳng nghe thấy gì cả, chẳng trông thấy gì cả ; tôi chỉ thấy hiện lên những cảnh và người mà sách đã gợi lên trong đầu óc* ».

Michelet, một sử gia khác, giàu tưởng tượng hơn, đã viết một trang bất hủ :

« *Tôi nhận thấy ngay rằng trong sự tĩnh mịch bề ngoài của những phòng ấy (phòng trong thư viện), có một cử động, một tiếng xì xào không phải là của cõi chết. Những giấy tờ, những bằng sắc để đó từ lâu, chỉ đòi sống lại. Những giấy tờ ấy không phải là giấy tờ mà là đời sống của những người, những tỉnh, những dân tộc. Mới đầu là những gia tộc, những thái ấp đầy huy chương trong bụi bặm, kêu nài người ta nhắc nhở tới. Những tỉnh đã nổi dậy, viện lẽ chính sách trung*

ương tập quyền thật vô lý, làm chúng bị tiêu diệt. Những tờ du của các vua cho rằng mở luật lệ thời nầy không xóa bỏ được chúng. (...) Hết thảy những cái đó sống và nói, chúng bao vây tác giả như một bộ đội trăm lưỡi mà tiếng nói của Cộng hòa và Đế chế đã tàn nhẫn làm im bặt. Thong thả chứ, các ông quá cố ơi, xin các ông để cho tôi làm việc có tuần tự ».

Tại Âu, Mỹ, có những sở tài liệu chuyên thu thập, phân tích, giữ gìn tài liệu và sẵn sàng hướng dẫn công việc tìm tòi của bạn.

Ở nước mình, tài liệu đã thiếu mà bạn phải kiếm lấy trong các :

— tự điển, niên giám; tờ điều trần,
— thư tịch ký lục của ngoại quốc (vì ta chưa có loại nầy)
— tạp chí phổ thông hoặc chuyên môn.
— nhật báo,
— mộ chí, thư từ của tư nhân, công văn, mục lục sách, chương trình các cuộc hội họp, di tích đủ mọi loại của tiền nhân..

Khi tìm được một tài liệu hoặc một ý nào thì ta nên ghi lại liền, dù đã lên giường nằm rồi cũng phải dậy chép ngay vào một miếng giấy.

Một thi nhân Trung Quốc thời xưa, đương ngồi trong nhà xí, bỗng tìm được một vần thơ, vội kiếm cách ghi ngay lên tường cho khỏi quên. Một thi nhân khác. Lý Hạ đời Đường, luôn luôn đeo một túi gấm, hễ nghĩ được câu nào, chép ngay, bỏ vào túi.

Dwight L. Moody, một nhà thuyết giáo nổi danh ở Mỹ, mỗi lần lựa được một đầu đề nào thì viết lên một bao thư lớn, rồi khi đọc sách gặp một tài liệu hợp với đầu đề, hoặc khi dạo mát tìm được một ý, ông chép ngay lên một miếng giấy nhỏ, bỏ vào bao thư. Bao thư của ông khác gì túi gấm của Lý Hạ ?

Tổng thống Lincoln không dùng bao thư mà dùng nón.

Nhưng ghi vội như vậy chỉ là để cho khỏi quên, trước khi viết còn phải chép lại kỹ lưỡng mỗi ý, rồi lựa chọn, sắp đặt. Nếu sách là một bộ khảo cứu quan trọng thì cách tiện hơn cả là dùng thẻ mà tôi đã chỉ vài kiểu mẫu trong cuốn *Tự học để thành công*.(1)

Bạn nên nhớ những quy tắc sau nầy khi viết lên thẻ :

— mỗi thẻ chỉ được ghi những ý thuộc về một đầu đề,
— chỉ nên chép lên một mặt thẻ, mặt kia để trắng

phòng sau có muốn thêm bớt, sửa đổi gì không. Một thẻ không đủ thì viết tiếp sang thẻ khác.

— nên ghi vắn tắt ; nếu phải chép cả một đoạn dài thì nên chép vào một tập riêng, rồi trong thẻ ghi đại ý trong đoạn, cùng số tập và số trang có đoạn ấy.

— khi trích một đoạn của ai thì phải chép cho thật đúng, ghi xuất xứ, lồng vào trong dấu ngoặc kép để khi đọc lại, khỏi lầm với những câu tóm tắt hoặc lời phê bình cùng cảm tưởng của bạn,

Trước khi chép vào thẻ, ta nên lựa kỹ mỗi ý. Thường ý nào mới tìm được, ta cũng cho là hay ; nửa tháng hoặc một tháng sau, bình tĩnh xét lại, ta mới thấy nhiều ý không nên giữ.

Trong một chương trên, tôi đã nói nội dung quyết định hình thức mà lời văn thời nầy cần nhất là thành thực, rõ ràng. Vậy ý nào chưa được minh bạch thì bỏ đi, ý nào bạn chưa tin chắc cũng bỏ đi, đừng tham tiếc.

Nên kiểm soát, tự phê bình và nhờ bạn thân phê bình khi muốn phát biểu một ý kiến hơi lạ. Darwin khi soạn cuốn «Bàn về nguồn gốc các loài vật» đã bỏ ra mười lăm năm để tự chỉ trích lý thuyết của mình, đoán độcgiả

(1) Đã sửa chữa, nhan đề đổi là *Tự học, một nhu cầu của thời đại*.

sẽ bắt bẻ về những điểm nào để rào đón trước. Trách chi tác phẩm của ông chẳng bất hủ !

Có nhiều nhà văn muốn tỏ ra mình thông thái và tưởng cứ khác người là hơn người, cố moi óc lôi ra những ý ngược đời chẳng ích gì cho nhân sinh. Họ ra thư viện lục hết sách nầy đến sách khác, trong hàng tháng, kiếm những tài liệu để chứng minh rằng nàng chinh phụ trong *Chinh phụ ngâm* sinh trưởng ở đâu, tiễn chồng ở nơi nào, cưới được bao năm thì chồng phải đi thú ; hoặc Sở Khanh quất ngựa truy phong lúc nào, tiến về phía nào. Thúc sinh từ biệt Kiều để về thăm vợ cả hồi mấy giờ, ngày mấy tháng mấy. Thúy Vân sanh được nhiều con hay không .....

Rồi họ cãi nhau hàng tháng về những tiểu tiết đó, ai cũng rán khoe mình học rộng, hiểu sâu. Thực uổng cơm áo nhân dân quá.

Nhưng ghét nhất lại là những kẻ lập dị. Họ đem hết cả tâm trí ra cố chứng minh và gân cổ cãi cho được rằng Hồ Xuân Hương chẳng hạn, không phải là một người thật, mà văn thơ ký tên bà là của các thư sinh ở Thăng Long, hoặc của các cô gái quê Nội Duệ ; rằng truyện Kiều không phải của Nguyễn Du viết mà của toàn thể giai cấp nông dân Việt Nam thời cuối Lê, đầu

Nguyễn. Một là hạng văn sĩ đó tin những điều họ viết thì chắc chắn là họ loạn óc, hai là họ chỉ có ý lập dị để ta chú ý tới họ thì ta chỉ nên mỉm cười mà liệng hết tác phẩm của họ vào sọt rác.

CHƯƠNG V

VIẾT

Tôi chỉ viết để người khác đọc lại
A. GIDE

Tôi có còn biết cách ông viết thế nào đâu, chỉ còn biết ông viết có làm tôi cảm động hay không thôi.
A. MAUROIS

Đọc sách, báo, thỉnh thoảng ta gặp những câu như: « Nhà văn viết cuốn ấy trong cơn sốt ».

Cơn sốt đây không phải là bị cảm hoặc làm cữ mà nhiệt độ trong mình tăng lên 39, 40 độ đâu. *Trong cơn sốt* nghĩa là trong khi hứng tới, dịch đúng chữ *fièvre* trong từ ngữ *fièvre de la création* của Pháp.

Khi hứng tới, quả thật là máu chạy nhanh, dồn cả lên đầu, gân thái dương nổi lên, trán hơi nóng như

bắt đầu cơn sốt nhẹ vậy. Lúc đó ta suy nghĩ rất mẫn tiệp, ý thao thao bất tuyệt mà lời cứ theo ý tuôn ra, ta hăng hái viết một hơi hàng chục trang một cách dễ dàng, trơn tru, không mảy may thấy mệt.

Công dụng của hứng quan trọng như vậy nên nhiều nhà văn rán tìm nó, dùng đủ cách để gợi «yên sĩ phi lí thuần». Họ hoặc ra biển, lên núi để ngắm cảnh; hoặc chấp tay sau lưng, đi đi lại lại trên bãi cỏ như người khùng (kỳ cục! hình như cơ thể vận động thì dễ suy nghĩ); hoặc ngắm ảnh mỹ nhân treo trên tường, hoặc nhìn sọ người đặt trước mặt; từ nàng tiên nâu — thuốc phiện — đến nàng tiên xanh — rượu mạnh — từ tiếng đờn tiếng ca của các cô Hồng, cô Tuyết đến vị đắng vị ngọt của cà phê, trà tàu, có rất nhiều thứ đã được văn nhân, thi sĩ dùng để mời hứng tới! Mời được hứng tới đã khó, giữ được nó lâu còn khó hơn. Người ta kể chuyện muốn cho hứng khỏi mất, Balzac phải nhịn ăn, nhịn ngủ, uống toàn cà phê đậm, cởi cả giày, vớ, gác chân lên một tấm đá hoa lạnh và cắm cổ viết, viết luôn hai mươi bốn giờ.

Hứng giúp ta được nhiều thật, song ta đừng nên tưởng rằng hứng cần thiết, thiếu nó thì không viết được. Người Pháp nói: «Cứ ăn đi rồi sẽ thấy ngon miệng». Tôi cũng có thể nói: «Cứ viết đi rồi hứng sẽ tới». Thi sĩ Baudelaire bảo «công việc hàng ngày giúp cho hứng» là nghĩa vậy.

Flaubert bất chấp hứng, khi cây bút không chịu «đi» ông bắt nó «đi», y như một nông phu bắt con trâu phải tiến. Ông cấm Maupassant nói: «Lúc nầy, tôi không viết được gì cả. Đầu tôi trống rỗng» và ông bảo: «Ngày nào cũng đúng giờ ngồi vào bàn viết, thế là hứng».

Không những vậy, ông còn muốn diệt hứng:

«Ta phải đề phòng cái sự phấn kích mà người ta gọi là hứng, trong đó thường có nhiều cảm xúc của thần kinh hơn là sức của bắp thịt. Chẳng hạn trong lúc nầy đây, tôi thấy cao hứng lắm, trán tôi nóng như lửa, câu của tôi tuôn ra (...) Đáng lẽ có một ý thì tôi có đến sáu, và đoạn nào cần phải diễn một cách bình dị nhất thì tôi tìm ngay được một hình ảnh. Tôi chắc chắn là có thể viết tới trưa mà không thấy mệt. Nhưng tôi biết sự giả dối và những lời dại dột của óc tưởng tượng. Cái gì cũng phải làm trong sự lạnh lùng, một cách chầm chậm. Khi Louvel muốn giết công tước Berry, y uống một bình nước lúa mạch (1) và y đã đâm trúng.»

Thực vậy, hứng nhiều khi gạt ta. Ta sôi nổi theo nó, chẳng suy nghĩ gì hết, tưởng ý nào cũng hay, lời nào cũng đẹp, chép cả lên giấy; đến lúc bình tĩnh đọc lại mới mới thấy phải xóa bỏ đi già nửa. Cho nên khi

(1) Thứ nước đó có tính-cách rất mát.

nào ngòi bút đi dễ dàng quá thì... nên coi chừng : phải thấy khó khăn, mà thắng được khó khăn mới là nghệ thuật.



Có hai cách viết.

Một cách là nghĩ từng đoạn, từng bài trước trong đầu, sửa chữa cũng ở trong đầu, xong xuôi rồi mới chép lên giấy. Người Trung Hoa gọi là «phúc cảo» nghĩa là làm bản dáp trong bụng. Đó là cách của Alfred de Vigny. Trong tập *Nhật ký* của ông có đoạn kể :

«Ngày và đêm, cả trong giấc ngủ, tôi viết một cuốn sách ở trong tâm linh tôi. Chép nó lên giấy tôi thấy nhẹ nhàng như được nghỉ ngơi hoặc như được chích máu ra (1)

Tôi có cấu tạo một cuốn sách đâu. Nó tự cấu tạo lấy. Nó chín và nảy nở trong đầu tôi như một trái cây.

Baudelaire bảo cách đó mau hơn cả :

«Ngày nay phải sản xuất nhiều — nên phải đi mau — ; vậy nét bút nào cũng phải có kết quả, không một nét nào vô ích.

Muốn đi mau, phải suy nghĩ lâu từ trước, phải dắt díu đầu đề theo mình, trong lúc đi chơi, đi tắm,

(1) Thế kỷ 18 và nhất là thế kỷ 17, y học phương Tây chưa tiến, các y sĩ thường dùng phép chích máu để chữa nhiều thứ bệnh. Khi mới chích, bệnh nhân thấy dễ chịu được một chút.

trong quán cơm và gần như cả trong khi lại nhà nhân tình nữa. E.Delacroix (1) một hôm bảo tôi : Nghệ thuật là một vật tận mỹ, phù du tới nỗi dụng cụ nào cũng không thích hợp với nó, phương tiện nào cũng không đủ nhanh để ghi nó ». Văn chương cũng thế, vậy tôi không chịu sự gạch, xóa : gạch xóa làm mờ tấm gương tư tưởng đi ».

Và ông chỉ trích cách viết của Balzac. Balzac hễ tìm được đầu đề nào là ngồi chép ngay tất cả những ý hiện ra trong óc rồi sửa đi sửa lại, thêm đoạn nầy, bớt đoạn khác, đảo lên đảo xuống, gọt giũa từng câu. Theo Baudelaire, chính vì không chịu nghĩ chín trong óc rồi hãy viết mà Balzac, văn không gẫy gọn, tiểu thuyết mất tính cách nhất trí.

Nhưng A. Gide lại bênh vực Balzac. Ông nói rằng mới đầu ông cũng làm sẵn câu trong đầu, khi nào nó hoàn toàn rồi mới chép lên giấy ; nhưng sau ông thấy cách ấy không tiện bằng cứ « nắm » lấy khúc đầu hoặc khúc cuối câu, chẳng cần biết đoạn kia sẽ ra sao, « nắm» rồi « kéo » thì câu sẽ ra.

Hai lối viết đó thực trái ngược nhau. Tôi tưởng làm một bài thơ hoặc viết một bài văn ngắn thì có thể theo cách của Baudelaire ; còn nếu soạn một tác phẩm

(1) Một họa sĩ.

dài mà suy nghĩ trước cho thật chín, không để có một nét bút nào vô ích thì lâu lắm, chứ không mau như ông này nghĩ.

Nhưng đó cũng còn tùy thói quen của từng người

Riêng tôi, tôi đã theo A. Gide mà không ngờ. Mấy cuốn đầu, tôi nghĩ sẵn mỗi câu trong óc, đọc thầm nó thấy xuôi tai rồi mới ngồi dạy chép ; nhưng sau thấy như vậy cũng mệt, phải nhớ từng ý, từng tiếng và sửa trong đầu không tiện bằng sửa trên giấy ; nên tôi thay đổi phương pháp, nghĩ được ý gì là chép ngay, để « cụ thể hóa » tư tưởng cho dễ trông thấy rồi sửa chữa sau. Tất nhiên tôi phải tốn công chép bản thảo hai ba lần mới hoàn thành vì phải gạch xóa, thêm bớt nhiều, song tôi nghĩ, không vì vậy mà lời kém gãy gọn, sách thiếu tính cách nhất trí như Baudelaire đã bảo. Nếu sách tôi viết có hai tật ấy là tại tôi vụng, chứ không phải tại phương pháp làm việc.



Như tôi đã nói ở một chương trên, biết tự sửa văn tức là biết viết văn.

Sửa văn bằng óc và bằng tai. Sửa bằng óc là áp dụng những quy tắc về nghệ thuật viết văn để tìm lỗi trong văn mà chữa lại. Khi mới vào nghề, ai cũng phải dùng đến lối ấy.

Khi viết đã quen, thẩm mỹ đã đúng, thì chỉ cần đọc chậm và lớn tiếng, cũng thấy ngay được lỗi. Lúc đó ta sửa bằng tai. Ta không phân tích nữa, chỉ dùng trực giác mà xét. Gustave Flaubert cứ viết xong một đoạn lại ngừng, ném cây bút lông ngỗng vào cái mâm đựng bút rồi đưa cao tờ giấy lên, lấy giọng đọc. Các cụ ta hồi xưa bình văn cũng là để thưởng những câu hay và tìm những đoạn dở.

Nhưng đọc ngay sau khi viết, không thấy được hết lỗi. Nên đợi lúc hứng đã nguội, nếu có thể được, đợi lúc ta gần như đã quên hẳn đầu đề rồi hãy đọc lại, thì óc ta mới có thể tự xét văn ta một cách sáng suốt như xét văn người.

Nhà văn thường quá khoan hồng, nhưng cũng có khi quá nghiêm khắc với mình, mà không biết giá trị của mình : như trường hợp của Lytton, ông không ngờ rằng tác phẩm «Những ngày cuối cùng của thành Pompéi» của ông lại bất hủ.

Vì vậy, muốn chắc chắn, ta cần phải hỏi ý kiến người khác.

Thời cổ, các văn sĩ La mã đều đọc tác phẩm của mình trước một số đông bạn thân để nhờ họ phê bình. Các văn sĩ Pháp ở thế kỷ 17 cũng theo lệ đó. Nhiều văn hào đã có một người bạn thân làm cố vấn : tài làm thơ của Racine cao hơn tài của Boileau mà Boileau

khuyên gì, Racine nghe vậy; và khi Bouilhet chết, Flaubert một bực thầy về kỹ thuật viết văn, than tiếc: « Tôi đã chôn ý thức văn chương, cái óc và kim chỉ nam của tôi». Chateaubriand cũng nhận: «Luôn luôn tôi tin rằng người khác xét và thấy rõ hơn tôi».

Một trong những hạnh phúc quý nhất của nhà văn có lẽ là tìm được một người phê bình thành thực và thông minh. Khi bước vào nghề cầm bút, bạn nên rán kiếm một người có đủ hai đức ấy.



Nhưng xin bạn đừng quên rằng ngoài chỗ thân tình ra, chớ bắt người khác làm hai cái cực hình là phê bình và sửa văn cho bạn. Một thi sĩ mà tôi quen, viết xong được tập thơ nào là ôm đi, tìm những bạn cũ, cả những bạn đã mười năm trời không gặp nhau, gí bản thảo vào tay người ta bắt phải đọc rồi nửa tháng sau lại hỏi ý kiến, có khi tới lui hai ba lần, nhất định đòi nghe cho được mới thôi. Ai mà chẳng khen, khen lấy lệ? Như vậy đã thiếu xã giao mà cũng chẳng lợi gì cho nhà thơ ta cả vì những lời khen miễn cưỡng đó có giá trị gì đâu? Nhưng xét kỹ thì ông ta làm vậy chỉ vì muốn khoe và ham được khen, thế thôi, chứ chẳng vì muốn sửa thơ văn gì cả.



Viết văn mà diễn đúng được hết những tình cảm, hoài bão tư tưởng của mình, thì là một nỗi vui rất lớn.

Nhiều nhà văn đã rán phân tích cái vui ấy. Lạ lùng nhất là những đoạn sau này mà tác giả ví cái vui sáng tác với cái vui nhục dục, một cái hoàn toàn thuộc về tinh thần, một cái thuộc thể xác.

A. de Vigny viết:

«Trong thâm-tâm tôi, có cái gì mạnh hơn cái đó (lòng ham danh) nó làm cho tôi viết, tức cái sung-sướng say mê khi có hứng, say mê hơn cái vui xác thịt trong cánh tay một người đàn bà nhiều lắm. Khoái lạc về tâm hồn lâu bền hơn.»

G. Flaubert trong bức thư cho Louise Colet mô tả tinh tế hơn:

«Một đầu đề để viết, đối với tôi cũng như một người đàn bà mà tôi mê vậy; khi nàng sắp chiều ta thì ta run lên và ta sợ; một nỗi sợ khoái chá, ta không dám động tới cái mà ta ham muốn».

Chỗ khác, ông làm cho ta hoảng:

«Có cái gì thâm thúy và cực kỳ khoái chá vọt ở trong người tôi ra thành từng vòi gấp rút, như là tâm hồn tôi xuất tinh vậy».

Đọc câu ấy, ai mà không nhớ tới mấy vần sau này của một thi sĩ bị cùi, gần như điên, là Hàn Mặc Tử?

Ta muốn hồn trào ra đầu ngọn bút,
Mỗi lời thơ đều dính não cân ta,
Bao nét chữ quay cuồng như máu vọt,
Cho mê man, chết điếng cả làn da.
Cứ để ta ngất ngư trong vũng huyết,
Trải niềm đau trên mảnh giấy mong manh,
Đừng nắm lại nguồn thơ ta đương siết,
Cả lòng ai trong mớ chữ rung rinh.

Tôi không phải là nghệ sĩ, không hiểu nổi nỗi lòng của chư vị ấy, và tôi ngờ rằng họ đã tưởng tượng, không nhiều thì ít. Tôi thấy cái vui sáng tác không rùng rợn như vậy mà thanh thoát lắm. « Nó không pha chút chua xót hoặc khao khát như cái vui được gặp mỹ nhân ; nó không ồ ạt, hồi hộp, đượm chút vị kỷ như cái vui thấy mình danh toại. Nó hoàn toàn trong sạch, đầy đủ và cao cả. Ta thấy hồn ta như muốn lâng lâng, bay bổng lên thinh không, cho nên Lư Khê đã ví những phút vui ấy với những phút vui thoát trần». (1)

Tuy nhiên, vui vẫn ít mà khổ vẫn nhiều. Hứng tới, ta thấy thích thật nhưng ta có dùng mọi cách để giữ nó thì cơ thể ta cũng không thể chịu đựng nó được lâu, rồi nó cũng rời ta để mặc ta lao tâm gọt văn, phô ý. Cho nên trừ một số nhà văn viết cực dễ dàng mà phần đông họ không thành công, còn những nhà lưu danh thiên cổ thì đều nhận viết văn là một cái nợ, mệt hơn kéo cày : J.J. Rousseau thức suốt đêm để nghĩ văn

(1) *Trích trong cuốn Luyện Văn của tác giả.*

Buffon cứ viết được một lúc, thấy nóng đầu, phải ngưng, đi chơi cho mát người rồi về viết tiếp ; Taine hễ ngồi viết hai ba giờ luôn là đầu choáng váng, không còn suy nghĩ được nữa, tinh thần như kiệt đi.

Và đây ta nghe Philippe Soupault than thở :

Khi người ta đem ấn cảo lại cho tôi sửa (1) là nỗi « đau khổ » của tôi tới. Tôi cắt bớt, kéo dài, đẽo, gọt rồi xé bỏ. Lúc đó là lúc khó nhọc. Tôi bảo : « Chán lắm rồi ! Không muốn viết tiểu thuyết nữa đâu». Tôi lại cắt, lại sửa, coi lại bài. Tôi viết lại cả cuốn sách «trong cơn đau khổ »

Tận tụy nhất với nghề, có lẽ là Flaubert. Trong những bức thư cho Louise Colet, luôn luôn ta thấy giọng rên rỉ như một người bị cực hình :

« Tôi cằn rứt, tôi ngứa ngáy khó chịu. Tiểu thuyết của tôi khó viết quá»

Lần khác :

« Truyện Bovary tiến chậm : một tuần được hai trang»

«Tôi đã sửa chữa, chép lại, thay đổi những trang trong cuốn đó (cuốn Bovary) nhiều tới nỗi

(1) Các ký giả thường viết vội lên giấy, đưa cho ấn công sắp chữ rồi mới sửa trên ấn cảo.

bây giờ trông vào hoa cả mắt.. Tôi không hiểu tại sao đôi khi cánh tay tôi không rụng khỏi thân tôi vì mỏi mệt, và không hiểu sao đầu tôi không nát nghiến ra. Tôi sống một đời khắc khổ, thiếu hẳn nỗi vui ở ngoài....»

Trong những hàng ấy, chắc ông không nói ngoa cho lắm, vì chính Maxime du Camp, khi chép kỷ niệm về ông, cũng viết :

« Ông ấy rên rỉ, hổn hển, quay cuồng trong khi viết, thở phì phì như anh thợ nhào bột vậy ; coi không phải là một nhà văn cầm cây bút nữa mà giống một anh phu nhễ nhãi mồ hôi. Có lần ông mệt tới nỗi, đúc xong được một câu, ông thấy cơ thể rã rời, văng mình xuống ghế tràng kỷ mà ngủ thiếp đi ».

Khổ như vậy, nên nhà văn nào mỗi khi viết xong một tác phẩm cũng đặt bút xuống, thở phào ra, khoan khoái trong mình. Người ta bảo tác phẩm là đứa con tinh thần của nhà văn. Chí lý thay ! phải hoài thai nó hàng tháng, hàng năm,, trong lúc đó, đi đâu, làm việc gì cũng nghĩ tới nó, rồi khi đẻ nó ra thì vừa khổ mà vừa sướng.

Nhưng tình của nhà văn đối với đứa con tinh thần có hơi lạ. Anh em Goncourt viết trong tập *Nhật ký*.

« Thật kỳ dị, về văn chương, tác phẩm viết xong rồi, thì ta cắt tình hẳn với nó. Tác phẩm mà ta không mang nặng, không nuôi nấng nữa, đối với ta hình như xa lạ. Bạn lạnh lùng, buồn chán, gần như ghê tởm sách của bạn viết ra ».

Hai bạn thi sĩ của tôi cũng nhận vậy. Bài thơ nào mới làm xong cũng thích, thích hơn hết cả những bài trước : nhưng chỉ ít lâu, rồi lại đâm ghét, không buồn nhắc tới nữa.

Có người khi viết xong một tác phẩm là muốn tống nó đi liền, muốn giao ngay cho nhà xuất bản, làm gì thì làm, vì hễ còn trông thấy nó là còn nhận thêm ra được một vài tật của nó, rồi lại phải mệt óc sửa chữa, xóa xóa, bôi bôi.

Loài vật, khi mới sanh con, rất cưng nó, hy sinh để bảo vệ nó, nhưng khi nó đã lớn, đã đủ sức để sống một mình thì mẹ con không còn chút tình gì với nhau cả. Tình của nhà văn đối với những đứa con tinh thần của mình phải như vậy chăng ?

Mà nghĩ kỹ, lẽ ấy cũng tự nhiên. Có cắt tình như thế nhà văn mới sáng tác thêm được nữa ; nếu cứ đèo bồng mãi với tác phẩm cũ thì sẽ coi đi coi lại hoài, sửa tới sửa lui hoài mà cái việc sửa văn, biết thế nào là xong ? cái việc thưởng văn, biết thế nào là toàn bích ?



Xét về viết văn thì không thể quên vấn đề đạo văn. Đạo văn có nhiều hình thức : trích dẫn một bài hoặc một đoạn mà nhận làm của mình, bắt chước bố cục của người để soạn lại một cuốn sách, mượn cốt truyện để phóng tác, dịch mà không xin phép tác giả, đều là đạo văn.

Kẻ nào cố ý đạo văn sẽ bị luật pháp trừng trị nặng, luôn luôn phải bồi thường cho tác giả một số tiền, có khi rất lớn. Bạn chắc chưa quên vụ một nhà báo nọ tự tiện trích đăng bài trong tập *Cảo Thơm* và vụ một hãng nọ thâu thanh một bản nhạc mà chẳng xin phép nhạc sĩ. Họ đều phải bồi thường cho tác giả hàng vạn bạc.

Thời nào cũng có những vụ đạo văn rất ly kỳ. Người ta kể chuyện năm 1605, Cervantès xuất bản tập đầu bộ Don Quichotte, được độc giả hoan nghênh nhiệt liệt và thúc giục viết tiếp cho mau. Ông chưa viết xong thì ở tiệm sách đã thấy bày tập nhì bộ Don Quichotte rồi. Thì ra có một nhà văn nọ ganh tị sự thành công của ông, hối hả viết nối để bôi nhọ hai nhân vật chính trong truyện một cách tàn nhẫn. Ông vội vàng viết cho hết phần nhì và phần này được hoan nghênh còn hơn phần trước. Thành thử kẻ nọ muốn hại ông mà rốt cuộc làm cho danh ông càng nổi lên như cồn.

Gan nhất có lẽ không ai bằng anh chàng trong câu chuyện dưới đây.

Ngày 10-10-1841 tờ báo La Presse ở Pháp đăng truyện *Le val funeste* (Thung lũng bi thảm) của Courchamps viết theo tài liệu Cagliostro. Courchamps là một gã lang bang đã làm đủ nghề, cả nghề bồi phòng. Tiểu thuyết y đăng rất lãng mạn, nên độc giả rất hoan nghênh. Một tờ báo khác tố cáo rằng y đã cóp đúng một tiểu thuyết của Potoki, nhan đề là *Alphonse Van Werden*.

Tức thì Courchamps cực lực phản kháng, tỏ vẻ uất ức, phẫn nộ lắm, bảo kẻ nọ ghen tị mà vu oan cho mình, thái độ đó ti tiện và đáng khinh bỉ. Tờ báo kia thấy thế, không thèm cãi lại, thản nhiên đăng đoạn nối và từ đó truyện *Le val funeste* được người ta giễu là *Le vol funeste* (Đánh cắp bi thảm).

Courchamps thực là « gái đĩ già mồm », bị bắt quả tang mà vẫn còn gân cổ ra cãi, tưởng đâu người ta không trưng bằng cớ ra được, không ngờ một ký giả của tờ báo kia có sẵn cuốn tiểu thuyết đó trong tay.

Ta nên phân biệt đạo văn và bắt chước văn. Bắt chước là mượn ý của người khác rồi suy nghĩ thêm, xếp đặt lại, diễn một cách khác. Trong giới văn nhân, người ta thường công nhận ý là của chung, lời mới là của riêng. Goethe, một đại văn hào của Đức đã nói : « Ngày nay chúng ta không thể nào còn tìm ra được một tình trạng nào mới mẻ nữa. Chúng ta chỉ có thể mới —nếu cho là mới— ở cái cách thức, cái nghệ thuật phô

diễn mà thôi. Tùy Viên, một thi hào đời Thanh cũng nhận : « Miệng ta muốn nói cái gì thì cổ nhân đã nói rồi, tay ta muốn viết cái gì thì cổ nhân đã viết rồi ».

Lời của Goethe không đúng hẳn, thời đại mới thì luôn luôn có những tình trạng mới chứ ! Nhưng quả như Hư Chu đã bảo : « (..) nếu bạn không phải là một vĩ nhân thì hết thảy những điều có thể có trong óc của bạn (...)đều đã có và đang có trong một bộ óc nào khác», cho nên tôi đã thấy sự mượn ý hoặc trùng ý đã xảy ra rất thường.

Machiavel mượn ý của Plutarque ; Shakespeare dịch nhiều câu của Montaigne ; Molière, V. Hugo, Nguyễn Du... đều đã mượn ý của người xưa mà vẫn là những thi hào, văn hào bất hủ. Người ta còn khuyên chúng ta nên học cách « mượn văn » — ai dám bảo các vị ấy là đạo văn ? — của những thiên tài đó nữa.

Tuy nhiên khi mượn văn, bạn nên nhớ điều này là mượn của người xưa thì không đáng trách, còn mượn của một nhà văn đương thời thì vẫn bị thiên hạ chê bai.

Edmond Rostand một nhà soạn kịch đại tài của Pháp, tác giả những vở *Aiglon*, *Chantecler* mượn ý trong vở *Ông hoàng lái buôn Corneville* của một người đương thời là Eberly Gross mà trước tác vở *Cyrano de Bergerac.* Gross bèn đi kiện, Edmond Rostand thua, vở *Cyrano de*

Bergerac, bị cấm không được diễn. Người đương thời ai cũng chê Edmond Rostand. Bây giờ thì chẳng còn ai trách mà lại khen ông đã có công rút ở một tác phẩm tầm thường ra một danh tác. Như vậy có phải là mâu thuẫn không chứ ? Vấn đề đạo văn cũng rắc rối thật !

Có tác giả mượn một cốt truyện để bác một luận đề trong truyện đó. Bạn còn nhớ vụ án « Cô giáo Minh » hồi tiền chiến ? Nhất Linh viết cuốn *Đoạn Tuyệt* để chủ trương cắt đứt những liên lạc với đại gia đình. Nguyễn Công Hoan chống lại chủ trương đó, xây dựng một truyện khác giống *Đoạn Tuyệt*, tức truyện *Cô giáo Minh* để khuyên độc giả rằng hai thế hệ cũ và mới có thể sống chung với nhau được và không nên đoạn tuyệt với đại gia đình. Tự lực văn đoàn thấy thế, công kích ông là đạo văn. Vô lý quá !

CHƯƠNG VI

TRÌNH - BÀY TÁC - PHẨM

Trong mục «Hộp thư», ông chủ bút một tờ tuần báo nọ đã «nhắn» các bạn văn gởi bài đăng, đại ý như vầy :

Xin các bạn nhớ kỹ cho : viết trên một mặt giấy, không cần để lề, song phải viết rõ ràng, đúng chánh tả, ? ~ cho kỹ lưỡng. Một nhà văn mà trình bày tác phẩm cẩu thả không thể là một cây bút có giá trị.

Rõ ràng là thái độ một bực huynh trưởng trên văn đàn.

Đọc xong, tôi mỉm cười, nhớ lại lời các bực sư phụ rầy chúng tôi hồi nhỏ :

«Chữ viết như gà bới thế kia thì tao truyền đời cho mày, sau nầy không sao mở mặt được, nghe chưa ?»

Tôi không biết ông chủ bút nọ trình bày bài báo của ông ta sao, nhưng tôi biết văn sĩ nổi danh mà viết như ma lem. Chẳng hạn Honoré de Balzac, một thiên tài làm vẻ vang cho nước Pháp, ngoáy tít trên bản giáp, đưa cho ấn công sắp chữ, và vỗ một bản cho ông ; ông sửa ngay trên bản đó rồi liệng cho thợ sắp lại, vỗ lại rồi đưa ông sửa lại, như vậy hai ba lần, (1) mà lần nào thợ cũng thở dài, lắc đầu vì ông viết đã xấu, lại bôi móc nhiều quá đến nỗi ấn cảo thành một lá bùa, chằng chịt những nét dọc, nét ngang, nét xóa, nét ngoặc, bốn năm người thợ xúm lại đọc, toát mồ hôi, lạnh cả người mà không ai dám đem lại hỏi ông, sợ ông nổi cơn lôi đình của ông lên.

Tôi chưa có dịp coi bản thảo của Đào Trinh Nhất nhưng tôi còn giữ một bức thư của ông gởi cho tôi khoảng một năm trước khi ông mất : ông viết tháu quá, không thành chữ, tôi chỉ còn đoán chứ không đọc nổi. Thư cho một người lạ — tôi chưa từng gặp mặt ông— mà còn vậy thì bản thảo đưa cho thợ in tất ra sao !

Những nhà đó, ai mà dám ngầy ngà họ ? Có khi người ta lại thán phục là khác, thán phục rằng viết tháu như vậy mới là bực tài hoa !

---

(1) Ở nước ta không ấn công nào chịu như vậy và hiện nay (1968) nhiều nhà in không cho tác giả sửa lại ấn cảo nữa vì không có người để sai vặt

Thì ra ở đời, hễ lép vế là bị mắng oan. Tôi không ưa cái giọng đàn anh của ông chủ bút nói trên, song tôi nhận bài học của ông rất nên theo.

Đọc một cuốn sách của Mỹ dạy cách viết báo, tôi càng thấy nhà văn nước mình chưa biết chú trọng đến cách trình bày bản thảo. Dù là viết một bài để đăng báo, dài năm, sáu trang, người Mỹ cũng trình bày công phu: ở ngoài là cái bìa, trên đó có ghi nhan đề, tên tác giả, gởi cho báo nào, cách trả tiền ra sao, tài liệu lấy ở đâu, trọn bài có bao nhiêu chữ, bao nhiêu hình ; ở trong thì trang nào cũng đánh máy rất sạch, những lỗi đều sửa rất kỹ lưỡng ; mỗi đoạn có tít, tít dùng lối chữ riêng, hình đã đẹp lại có chú thích ; còn về phương diện chánh tả thì khỏi nói, có lẽ khắp thế giới chỉ có ở cái nước bốn ngàn năm văn hiến của chúng ta là chín phần mười nhà văn bất chấp chánh tả mà thôi.

Trình bày cẩn thận bản thảo như thế có nhiều cái lợi :

— trước hết, tòa báo hoặc nhà xuất bản dễ có cảm tình ngay với tác phẩm.

— đỡ tốn công cho nhà in và cho cả tác giả trong trường hợp tác giả sửa lấy ấn cảo.

— công việc ấn loát được như ý và nhờ vậy giá trị cuốn sách hoặc bài báo có thể tăng lên.

Ở Âu, Mỹ, nhà văn nào cũng biết đánh máy và rất ít bản thảo chép tay. Ở nước mình thì hầu hết các nhà văn phải viết tay. Ít nhất phải có hai bản và muốn khỏi chép hai lần, bạn nên xen một tờ giấy than (nên lựa thứ giấy than để viết, đừng dùng thứ để đánh máy) vào giữa hai tờ giấy mỏng rồi dùng một ngòi viết cứng mà viết hơi mạnh tay.

Nếu đánh máy thì rán kiếm cho được một cái máy đánh tiếng Việt, để sau khỏi phải làm thêm một việc rất chán là bỏ dấu. Đánh ít nhất là ba bản : một bản giữ lại, hai bản gởi cho đi kiểm duyệt hoặc nhà xuất bản nếu họ chịu mua (1) Không cần để lề, nhưng cách hàng nên thưa, để sau dễ sửa chữa thêm bớt.

Chỉ nên viết hoặc đánh trên một mặt giấy thôi để nhà in có thể cắt mỗi tờ giấy làm nhiều mảnh và giao cho nhiều thợ sắp cho mau Nói riêng về những tác phẩm thuộc loại biên khảo thì ta cần phải trình bày kỹ lưỡng. Nên có một bài tựa cho biết :

— mục đích khi viết sách đó.

— tác giả đứng về phương diện nào mà nghiên cứu?

— sách ích lợi ra sao ?

— sách có những phần nào quan trọng ?

---

(1) Nếu gởi cho nhà xuất bản đọc thì chỉ cần gởi một bản thôi.

★ Nên dùng những chữ lớn, nhỏ viết bằng mực khác màu để phân biệt những chương và đoạn cho thợ sắp chữ dễ thấy.

★ Khi cần chú thích thì đánh số rồi gạch một hàng, chép lại số đó ở dưới đường gạch rồi biên lời chú thích bằng một lối chữ riêng (chữ nghiêng chẳng hạn) biên xong lại gạch một đường nữa, như dưới đây :

Những bài thơ trong Kinh Thi làm trong đời nhà chu (thế kỷ XII đến thế kỷ thứ VI trước công nguyên) và chia làm ba loại : phong, nhã, tụng. (1)

---

(1) Có tác giả chia làm hai loại : phong và nhã· Phong là của bình dân : nhã (gồm cả tụng) là của quý tộc.

Quốc phong.— Quốc nghĩa là nước : nhà Chu và các nước chư hầu· Phong nghĩa là gió, ý nói bài hát cảm người ta như gió lay động các vật.

Trình bày như vậy có lợi là thợ sắp chữ khi gặp đoạn ở giữa hai gạch ngang, nhớ chừa ngay ít hàng ở cuối trang để sắp lời chú thích, không mắc cái lỗi sắp lẫn chú thích vào trang sau vì thiếu chỗ. Tuy nhiên ấn công nước mình chưa quen lối trình bày đó, vậy bạn phải giảng cho họ một vài lần để họ hiểu, nếu không, họ có thể sắp lời chú thích vào giữa trang

★ Khi trích dẫn một đoạn dài của ai thì nên xin phép tác giả và chỉ rõ xuất xứ như :

Trích trong *Nho giáo* của Trần trọng Kim, cuốn 1, (Tân Việt — Saigon — 1953)

Nên chép đoạn đó bằng một lối chữ khác hoặc lui vào độ một phân cho độc giả dễ nhận.

Người Âu· Mỹ thường dùng những chữ viết tắt :

Ibid nghĩa là cũng trong cuốn đó.

Op. cit. nghĩa là trong cuốn đã dẫn.

Chúng ta có thể dùng những chữ gần như có tính cách quốc tế ấy, song tôi vẫn muốn đề nghị những chữ sau này :

Ccđ : cũng cuốn đó.

Cđd : cuốn đã dẫn.

Rất nên chú trọng đến chính tả, bỏ dấu cho đúng và rõ ràng. Thầy cò (1) của ta ít người rành chánh tả ; nên ta không thể bắt chước A. France, nhờ họ sửa giùm chánh tả cho ta được.



Khổ sách phải tùy từng loại : một cuốn tiểu thuyết, một cuốn khảo cứu về khoa học, một cuốn tự điển, khổ

(1) Người chuyên sửa ấn cảo, tiếng Pháp là correcteur, ta quen gọi là thầy cò.

tất khác nhau, Sách mỏng, khổ nên nhỏ; sách dày, hoặc in chữ cỡ lớn, khổ phải lớn.

Nhà in Âu Mỹ không dùng tấc, phân để chỉ khổ sách mà dùng những tiếng trong nghề như *Colombier in 16* Bạn nên hiểu những danh từ chuyên môn ấy: Một tờ giấy in nếu để nguyên không xếp lại thì là *in plano*, nếu xếp hai như tờ nhật báo thì là *in - folio*, xếp làm bốn là *in*-4°, làm tám là *in*-8°, làm mười sáu là *in* 16; khổ nhỏ nhất là *in*- 32.

Giấy in có nhiều khổ. Những khổ thường dùng là:

— Colombier, tức khổ giấy in báo, một chiều 63 một chiều 90 phân, viết tắt là 63 x 90.

— Grand Jésus : 56 x 76

— Raisin : 50 x 60

— Cavalier : 46 X 62

Khổ in-8° thường dùng để in các sách hoặc tạp chí khoa học; khổ in-16 để in tiểu thuyết.

Khổ in-16 mà dùng giấy Raisin thì một chiều 12 phân rưỡi, một chiều 15 phân; còn dùng giấy Grand Jésus thì là 14 X 19. Như cuốn bạn đương đọc nầy in bằng giấy khổ Jésus 56 X 76; nhà in cắt đôi cho chạy máy in nhỏ được thành hai tờ 56 X 38, mỗi tờ nầy lại gấp làm tám tờ nhỏ 14 X 19; in xong, cắt rồi, khổ sách còn 13 X 18, 5. Vậy khổ sách là Jésus in-16, vì mỗi tờ lớn gấp thành 16 tờ nhỏ.

★ Có nhiều « co » chữ (1) từ những co nhỏ li ti như co 3, đến những co lớn bằng quả trứng gà như co 138.

Co là chiều dầy của miếng chì đúc chữ. Co 3 nghĩa là miếng chì dầy ba chấm, co 138 là miếng chì dày 138 chấm, mỗi chấm bằng khoảng một phần ba li (0m000376)

Những co thường dùng nhất là từ 6 tới 12.

Co 6 dày khoảng 2 li 3

Co 8 dày khoảng 3 li

Co 10 dày khoảng 3 li 8

Co 12 dày khoảng 4 li rưỡi.

Co 6 dùng để in những chú thích ở cuối trang; co 8 và co 10 để in những chữ thường; co 12 để in những tít nhỏ.

Dưới đây là 4 hàng in bằng những chữ co khác nhau:

Co 6 Bâng khuâng nhớ cảnh nhớ người

Co 8 Nhớ nơi kỳ ngộ vội dời chân đi.

Co 10 Một vùng cỏ mọc xanh rì,

co 12 nước ngâm trong vắt thấy gì nữa đâu!

★ Những lối chữ thường dùng nhất ở nước ta là:

(1) Tiếng Pháp là corps, có thể dịch là khổ chữ được, những ấn công đã gọi quen là « co »

— Romain, lối nầy cổ điển nhất,

— Cheltenham mà những chữ b, l, h.. cao hơn những lối chữ khác.

— Europe, nét đều nhau, không nét nào lớn, không nét nào nhỏ, như chữ đánh máy.

Ngoài ra còn rất nhiều lối chữ để in các tít lớn như : Astrée, Antique serrée, Compacte noire, Eros éclaire, Pharaon blanc, Atlas, Guilfort.

Bạn có thể xin các hãng đúc chữ những tập kiểu chữ của họ.

Mỗi lối chữ có hai thể : đứng và nghiêng : người ta lại phân biệt chữ hoa và chữ thường, chữ ốm và chữ mập. Coi bảng dưới đây, bạn sẽ nhận thấy rõ ngay.

Cheltenham đứng	—	*cheltenham nghiêng.*
Cheltenham thường	—	CHELTENHAM HOA
Europe ốm	—	**Europe mập**

VIỆT NAM (Chambord Gras 12)

VIETNAM (Initiale large c. 12)

VIET NAM (Europe demi gras c. 16)

VIET NAM (Antique serrée c. 24)

VIET-NAM Chambord gras c. 16

VIET-NAM Chambord gras c. 24

VIET-NAM (Chambord gras c. 36)

Lối chữ nghiêng thường dùng để in bài tựa, tên sách và những đoạn văn trích dẫn. Nó có mục đích làm độc giả chú ý tới.

Lối chữ mập còn đập vào mắt ta hơn lối chữ nghiêng, không nên dùng nó nhiều trong một đoạn văn, nó chỉ hợp với những tít nhỏ ; còn tít lớn thì người ta thường dùng chữ hoa.

Khi chép tay hoặc đánh máy bản thảo, muốn chỉ cho thợ in sắp thể chữ nào, bạn có thể dùng công ước sau nầy :

— gạch dưới một nét là sắp chữ nghiêng

— gạch dưới hai nét là sắp chữ hoa nhỏ

— gạch dưới ba nét là sắp chữ hoa lớn

— gạch dưới bốn nét là sắp chữ hoa lớn và nghiêng hoặc viết chữ hoa lớn rồi gạch dưới một nét như :

NGUYỄN DU

— vẽ một nét lượn lượn ở dưới là sắp chữ mập.

— vẽ hai nét lượn lượn ở dưới là sắp chữ hoa mập

— Vẽ ba nét lượn lượn ở dưới là sắp chữ hoa mập và lớn

— chấm chấm một đường ở dưới là sắp chữ thưa ra.

Nhưng, ấn công của ta ít người thuộc những công ước đó, trừ hai công ước đầu, cho nên bạn chua ra lề giấy để chỉ rõ lối chữ bạn muốn dùng thì tiện hơn.



Sửa ấn cảo là công việc chán nhất của nhà văn, chán mà vẫn phải làm kỹ lưỡng, nếu không, tác phẩm có thể mất nhiều giá trị.

Trong một tờ tuần báo xuất bản gần đây, một nhà văn nọ, chắc đã nhiều lần bực mình vì «bị in sai văn», ấm ức bảo có khi « tức chết đi».

«... Vì rằng văn thơ bị in sai rồi bà con lại cứ tưởng là nhà văn viết thế, rồi bà con, nhất là bà con đồng nghiệp cứ chửi là ..ngu. Ôi ! Thật là oan hơn oan bà Thị Kính. Ấy là chưa kể, chỉ vì bị in sai văn mà từ trước đến nay đã có lắm ông ký giả xuýt nữa thì rũ tù vì sự sai kia làm đảo ngược cả ý tứ trong câu trong bài.

« Tôi « khen» cụ Lê văn X. hóa ra tôi « khiền » cụ Lê văn X (...) ; trong tin Gơ-ne-vơ, ông Phạm Văn Đồng đề nghị : «hai đối phương hứa sẽ không trả thù những người nghịch của mình» thì lại hóa ra : hai đối phương hứa sẽ trả thù những người nghịch của mình» nghe lạnh cả xương sống bà con.

« (...) Ấy là chưa kể cảnh Phó Tán (1) bị in nhầm đấy· «gieo tai rắc vạ» mà thành« gieo tay rắc dạ» thì hỏi có nghe (2) cho Phó Tán không, ấy là phúc bảy đời, các ông nhà in chưa nhầm «gieo tay» ra «giễu tây» thì có ngày «rắc vạ» cho Phó Tán cũng chưa có biết chừng»,

Nhà văn nào mà đã chẳng có lần mất ngủ vì những lỗi in tầy trời như vậy ? Đào Duy Anh muốn phát khóc vì ấn công của nhà Lê văn Tân, và hai anh bạn tôi, mỗi khi tác phẩm mới in xong, coi lại thì bệnh đau gan lại muốn tái phát. Bực mình quá đi !

Muốn tránh được một phần nào — chỉ một phần nào thôi — những lỗi đó thì đích thân ta phải sửa lại ấn cảo rồi mới cho phép in.

Phải đọc ấn cảo rất kỹ lưỡng, đọc như trẻ em tập đánh vần vậy, nếu không, sẽ không thấy lỗi vì ai cũng có tật : mắt đã quen thấy chữ ra sao thì luôn luôn thấy nó như vậy cả những khi nó in sai.

(1) Tác giả đoạn đó.

(2) Trên báo, in là nghe.

Phải chú ý như vậy có khi cả giờ để sửa sáu, bảy trang giấy, chỉ lơ đễnh một chút là có thể bỏ sót những lỗi làm ta ân hận.



Tuy nhiên, dù sửa kỹ tới đâu, sách bạn cũng vẫn còn lỗi. Nguyên do là sự sơ sót của nhà in : còn một vài lỗi lặt vặt, không nỡ bắt nhà in đưa ấn cảo cho bạn coi lại lần nữa, bạn dặn họ sửa lấy trước khi cho lên máy, mà họ quên không sửa ; cũng có khi họ sửa nhưng nêm chữ không chặt, máy chạy làm văng chữ ra ngoài, in ra mới thấy thiếu chữ ; chữ *chung* thành chữ *hung* hoặc *chun*.

Nhưng nguyên do chính là sự vô ý của loài người.

Người ta kể chuyện một nhà xuất bản nọ ở Pháp nhất định in một cuốn sách không có lỗi. Ông lựa cuốn Thánh kinh. Sắp xong trang nào ông đưa ba thầy cò coi lại, sửa cho hết lỗi rồi đem một bản dán ở cửa, yêu cầu bất kỳ nhân viên nào đi qua cũng ngừng lại đọc và chỉ cho những lỗi in. Công việc làm đâu một năm mới xong, khi sách đem bán, ông tuyên bố trên báo chí rằng độc giả nào lượm được lỗi thì xin cho ông hay, ông sẽ thưởng mỗi lỗi một trăm quan tiền vàng. Một tuần lễ sau, một độc giả viết thư vạch ra một lỗi rất lớn : trong cái tít đầu một chương nọ, chữ BIBLE (Thánh kinh) đã in là BILBE.

Câu chuyện đó thành một giai thoại trong làng xuất-bản.

Loài người như vậy. Chúng ta đã không hoàn-toàn thì làm sao công việc của chúng ta hoàn-toàn được ? Bởi thế, mỗi khi nghe một ông bạn nào tuyên-bố rằng đã không làm gì thì thôi, làm thì phải làm cho hoàn-toàn, tôi chỉ mỉm-cười mà nhớ lại câu chuyện in Thánh-kinh ấy.



Khi sửa ấn-cảo, bạn nên theo những công-ước dưới đây :

— Muốn chỉ rằng một chữ đã in chữ hoa phải in chữ thường thì gạch một gạch nghiêng từ phải qua trái, trên chữ đó, như :

Văn-Phạm = văn-phạm.

— Muốn chỉ rằng một số phải sắp cả chữ thì vẽ một vòng chung-quanh số đó, như :

(5) cái bàn = năm cái bàn.

— Ngược lại, muốn chỉ rằng một số nào sắp cả chữ phải sắp bằng chữ số thì cũng đánh một vòng chung quanh như :

cao (ba) thước = cao 3 thước.

— Muốn thêm chữ thì vẽ một chữ V ngược rồi viết thêm lên hàng trên, như :

bảo

chỉ ∧ anh điều đó = chỉ bảo anh điều đó.

— Dấu ⌣ chỉ rằng phải sắp liền nhau thành chữ, như :

châu thành To⌣kyo = châu thành Tokyo,

— Dấu | chỉ rằng phải sắp rời ra, như :

thành Ba|lê = thành Ba lê.

Muốn thêm một dấu chấm thì đánh dấu X như:

Hội K T T Đ = Hội K. T. T. Đ.
x x x

— Muốn đảo chữ dưới lên trên hoặc chữ trên xuống dưới thì dùng cái móc, như :

chúng tôi ý | đồng = chúng tôi đồng ý.

— Đầu một đoạn, muốn in lùi vào thì dùng dấu ⊥, như :

⊥ Có nhiều loại tiểu thuyết.

— Muốn in hàng dưới tiếp ngay vào chữ cuối ở hàng trên thì dùng cái móc dài, như :

Cuốn sách ấy tôi kiếm không được.

Anh có thì cho mượn.

PHẦN THỨ BA

... rồi bán

Người thợ đóng giày chắc chắn lãnh được tiền công ; còn người viết một cuốn sách hoặc một vở kịch thì không bao giờ chắc chắn được điều gì cả.

MARMONTEL

Viết văn không phải là tự làm cho mình mắc cỡ mà cũng không phải là đương đầu với sự lãnh đạm.

P. VALÉRY

CHƯƠNG I

BÁN CHO NHÀ BÁO VÀ NHÀ XUẤT BẢN

Xin cầu chúc cho bạn viết một cách khó khăn, bán một cách dễ dàng.
Ch. Braibant.

Đọc nhan đề chương nầy, chắc có bạn cau mày, bĩu môi :

— Cho viết văn là một nghề, đã là quá rồi, lại còn trắng trợn chỉ cách bán văn, như bán tôm, bán cá nữa !

— Thưa bạn, bạn mắng, tôi xin chịu nhưng vẫn mong bạn hãy đọc hết chương nầy và hai chương sau để may ra bạn sẽ khoan hồng một chút với tôi chăng ?

Tôi cũng nhận như bạn rằng khi đã lựa nghề cầm bút là mặc nhiên đã ký một giao kèo với xã hội ; theo

giao kèo đó, nếu ta phải chịu thiệt mọi bề, phải hy sinh cho lý tưởng, phải sống và bắt vợ con sống trong cảnh thiếu thốn, thì cũng không được kêu ca gì cả, và cái đời của ta cầm bằng như đã bỏ đi.

Tôi cũng nhận như bạn rằng nếu vợ con eo éo ở bên tai :

— Mình, sáng nay bà chủ nhà lại đòi tiền phố đấy.

— Mình, chạy được đồng nào chưa, chiều nay hết gạo đấy.

— Ba, áo con rách, đi học chúng bạn kiêu ngạo quá.

— Ba, ông Đốc nhắc đóng tiền học ba lần rồi.

..... thì bạn cũng rán mà đừng nghe, và cứ thản nhiên tra cứu cho kỹ lưỡng, đẽo gọt cho cẩn thận, không được vì cái nợ cơm áo, vì cái lụy thê noa mà viết cẩu thả để kiếm tiền, làm xấu hổ cho cây bút.

Thưa bạn, tôi nhận như vậy, nhưng không chịu nhận rằng hễ làm nghề viết văn là không được nói đến vấn đề tiền bạc và tôi buồn rầu khi thấy những nhà văn vì đời thiếu tổ chức hoặc vì khờ dại, dễ dãi mà tự đem thân làm con bò sữa nuôi kẻ khác. Bạn có nhớ chăng hồi tiền chiến, một số văn nhân nhà nghề và có danh, thường đã chịu bán đứt một tác phẩm lấy ba chục đồng bạc. Tác phẩm đó in lần đầu ba ngàn cuốn và bán ba hào một cuốn, tính ra quyền tác giả được khoảng ba

phần trăm. Tệ mạt quá ! Như vậy vợ con làm sao không đói và tác phẩm của các bạn văn khác không bị trả rẻ ? Và như vậy thì công đâu hay tội đấy : tội với vợ con họ và đoàn thể văn nhân !

Tôi tưởng những nhà văn tài tử, viết một hai cuốn để tiêu khiển, dù chỉ cầu danh chứ không cầu lợi, cũng nên nghĩ đến lợi chung của các người cầm bút, đừng hy sinh cái lợi của mình quá mà vô tình làm hại người khác. Còn có những người bán đứt một tác phẩm chỉ để được vài chục bản giấy tốt tặng anh em, bạn bè thì tất nhiên còn những nhà xuất bản cho rằng quyền tác giả được 5 % đã là quá nhiều rồi.

Tôi vẫn biết Tolstoï đã nói : Nghĩ rằng trong chín năm nay, tác phẩm của tôi đem bán đi để lấy tiền, tôi buồn quá, buồn nhất trên đời ». Nhưng tôi tự hỏi nếu văn hào đó không được sinh trong một gia đình quí phái, được hưởng một di sản lớn lao, mà phải làm đổ mồ hôi mới kiếm đủ ăn như Maxime Gorki thì ông còn có thể thốt được những lời đó nữa không ? Ông ân hận không vì cái việc bán tác phẩm mà vì cái lẽ đã dư ăn rồi mà còn kiếm thêm lợi.

Tóm lại quan niệm của tôi là nhà văn phải biết có lúc hy sinh cho lý tưởng, nhưng luôn luôn phải bảo vệ, bênh vực quyền lợi của mình. Muốn vậy phải biết bán văn. Ch. Braibant chúc các nhà văn trẻ tuổi «viết một cách khó khăn và bán một cách dễ dàng ». Ông thực là một

nhà văn có lý tưởng và kinh nghiệm, nhưng lời ông còn thiếu nghĩa, cần phải nói thêm : « ... bán một cách dễ dàng và đúng giá ! »



Bạn có thể bán tác phẩm cho nhà báo và nhà xuất bản.

Điều quan trọng nhất, bạn phải nhớ kỹ : *tác phẩm có giá trị tới mấy mà không nhằm trị trường thì cũng không bán được.* Viết máy mà đem bán trên miền sơn cước tất phải ế ; văn cũng vậy, một bài khảo cứu về cổ sử Trung Hoa mà bán cho một tờ báo chuyên thông tin thì sao khỏi bị liệng vào giỏ giấy ?

Vậy nhà văn nào cũng cần biết rõ chủ trương của hết thảy các tờ báo và các nhà xuất bản quan trọng trong nước, nghĩa là biết rõ thị trường văn chương của nước mình. Lẽ ấy tự nhiên quá, mà tôi chắc mười nhà văn chưa có được một nhà nghĩ tới, chỉ vì các nhà ấy tưởng rằng viết xong là đủ và quên hẳn công việc thứ nhì, rất quan trọng, tức công việc bán văn. (1)

Các văn nhân nhà nghề ở Âu, Mỹ cẩn thận lắm, lập cho mỗi tờ báo và mỗi nhà xuất bản có danh một cái thẻ trên đó ghi :

(1) Sáu năm trước, một nhà xuất bản bảo tôi : « ông không biết bán văn của ông » Càng suy nghĩ, tôi càng nhận bài học đó quý giá.

— địa chỉ tòa soạn hoặc nhà xuất bản,

— chủ trương của mỗi nhà,

— những loại bài họ đăng hoặc những loại sách họ xuất bản,

— tính cách những bài hoặc sách đó.

— tên các nhà văn thường cộng tác với các nhà đó,

— báo, sách của mỗi nhà bán chạy hay không.

Điều quan trọng thứ nhì là bạn phải biết *trung bình tiền nhuận bút và quyền tác giả là bao nhiêu*. Tôi sẽ dành riêng một chương để xét quyền tác giả, dưới đây hãy xin bàn qua về tâm lý các nhà báo và nhà xuất bản.



Tâm lý chung của các nhà báo là không mua bài của người ngoài.

Họ mua làm gì ? Và cần gì phải mua ? Đầu thế kỷ, J. Prévost đã viết :

« *Anh nên biết một tòa báo không cần phải có một trợ bút » mỗi tờ báo mỗi ngày nhận được khoảng 30.000 chữ của các hãng thông tin. Thế là đủ tin tức rồi. Một viên thư ký tòa soạn rành nghề cũng có thể làm nên hình một tờ báo. Trong các tòa báo, dùng một nhà bỉnh bút chỉ là một sự xa xỉ thôi. Kể ra, viên trợ bút nào cũng có thể coi là thừa được. Nếu có một viên trợ bút nào bỏ tòa soạn, không viết giúp nữa thì độc giả cũng chẳng hay gì cả* »,

Vả lại, mỗi tờ báo thường là mỗi ngày nhận hàng chục bài đủ các loại, nhiều nhất là thơ và truyện ngắn của các « nhà văn trẻ tuổi » với những bức thư cực kỳ nhũn nhặn, lễ phép, yêu cầu, năn nỉ xin đăng bài của mình — nghe nói có « nhà » lại sẵn sàng « đền công ngài chủ bút » nếu « ngài » chịu đăng giúp — như vậy thì phải là hạng người « gánh vàng đi đổ sông Ngô » mới bỏ tiền ra mua bài của bạn, nhất là khi bạn chưa có tên tuổi trên văn đàn.

Ở bên ta, chỉ trong những trường hợp đặc biệt lắm, chẳng hạn sắp ra số Tết, các nhà báo mới chịu mua thêm bài, song một người mua thì cả chục người bán, và luôn luôn người ta mua của những cây bút có danh hoặc của những anh em ký giả. Vậy trăm phần, không có một phần chắc là bài chúng ta được mua đâu.

Mà nếu được mua thì họ trả chúng ta bao nhiêu ? Bạn còn nhớ không ? Tôi xin nhắc lại : mỗi trang ba chục hàng, mỗi hàng trung bình mười chữ, chúng ta được lãnh khoảng ba chục đồng. Đó là tiểu thuyết dài. Tiểu thuyết ngắn giá cao hơn và văn nghị luận hạ hơn một chút. Thơ thì được giá hơn, lẽ cố nhiên, song cũng tùy từng tác giả mà cao hạ không chừng.

Và chúng ta phải dẹp lòng tự ái đi, để họ muốn sửa chữa, thêm bớt bài của chúng ta ra sao tùy ý.

Họ nói có lý lắm : Chúng tôi ở trong nghề mới biết được thời nầy còn nhiều tên «húy» gấp mười hồi xưa, ông viết một câu «phạm húy» mà không cho chúng tôi sửa thì làm sao tôi dám đăng ? Đợi hỏi ý kiến ông bài sẽ mất tính cách thời sự của nó đi, nhất là mất công cho chúng tôi phải thư đi thư về. Vả lại, báo viết cho đại chúng đọc, nếu bài ông có những tiếng cổ, không hợp thời, độc giả không thích thì báo bán cho ai ? Chẳng hạn trong một lịch sử tiểu thuyết về đời Lê ông viết : «Có tiếng trống ở một *đồn canh*» thì chúng tôi vẫn biết rằng hai tiếng *đồn canh* hợp với thời đó, nhưng không hợp với thời nầy, đại đa số độc giả không thích và nhất định ông phải để chúng tôi sửa là *bót gác.* »

Như vậy, bạn trả lời ra sao bây giờ ?

Có khi chẳng cần vì một nguyên nhân gì cả, họ cứ việc sửa, để tỏ cho bạn thấy rằng văn của bạn viết chưa «sạch» để cho người khác thấy rằng họ thực đáng làm chủ bút rồi nếu bạn phản đối một cách ôn tồn, thì họ sẽ nói mỉa :

«Nếu anh quả quyết rằng văn anh toàn bích rồi thì xin anh cứ viết lên bài hai chữ «cấm sửa» là chúng tôi không dám sửa nữa».

Dù là Lý Bạch hay Nguyễn Du tái sinh cũng không dám tự nhận văn mình toàn bích, huống hồ bọn phàm nhân chúng ta. Vậy bạn chỉ còn có việc đỏ mặt mà rút lui.

Thời xưa đã có hạng quân phiệt, hạng tài phiệt, thời nầy lại thêm hạng văn phiệt nữa. Phiệt nào cũng ghê như nhau cả. Nhưng xét kỹ thái độ của họ cũng dễ hiểu : Mình cầu họ hay họ cầu mình ? (1)

Tâm lý nhà xuất bản có khác chút nào chăng ? Để đáp câu hỏi nầy tôi xin nhắc đến bài «Chung cục» của John Galsworthy, một bài mà ai đã muốn lựa nghề cầm bút, không thể bỏ qua. Giọng hài hước và thú vị, ý chua cay mà thâm thúy. Tôi xin trích ra đây vài đoạn để bạn thưởng thức :

Một chàng thanh niên tên là Ha-ri-sơn tự thấy mình có tài văn chương, trong hai năm viết được mười truyện ngắn rồi gởi đến một nhà xuất bản :

«Ít ngày sau, nhà xuất bản trả lời rằng nếu chàng chịu trả cho y một số tiền bồi thường hoặc hoa hồng

(1) Tôi chỉ biết có một nhà cầm bút được nhà báo cầu hợp tác, lại được một số tiền khá lớn, là Tản-Đà. Hồi An-Nam tạp chí mới đình bản, Tản-Đà vào Saigon, định xuống Vĩnh Long mượn một số tiền để về Bắc trả nhà in, thì một hôm gặp Diệp văn Kỳ ở đường Catinat, Diệp văn Kỳ từ trước chỉ nghe danh thi sĩ, lần đó mới biết mặt, mà khi hay thi-sĩ đương túng tiền, tặng ngay hai trăm đồng để thi sĩ về Hà Nội trả nợ rồi thu xếp vào Saigon viết giúp tờ báo ông chủ trương. Tản Đà điềm nhiên cầm dút túi, chẳng cần làm giấy biên nhận gì cả, và sau giữ được lời hứa.

nào đó và chịu hết tất cả những phí tổn về ấn loát thì y chịu mạo hiểm xuất bản những truyện ngắn đó cho. Ha-ri-sơn vui vẻ nhận những điều kiện ấy, tự nghĩ phải cho công chúng biết công trình của mình ngay mới được, không nên chần chờ, và chàng trả lời nhà xuất bản. Nhà xuất bản gởi cho chàng một toa tính tiền in và một bản giao kèo. Ha-ri-sơn nhận được, gởi một chi phiếu cho y. Y vội vàng hồi âm, rất lễ phép khuyên chàng chịu thêm một số tiền nữa để quảng cáo vì điều đó có lợi cho chàng. Cái đó thì Ha-ri-sơn hiểu lắm, nên chàng gởi thêm cho y một chi phiếu nữa. Giữa những người tử tế với nhau, ai lại nói chuyện tiền nong kia chứ!»

Tập truyện ra mắt độc giả, được vài người khen vị tình. Và chàng hăng hái viết ngay một truyện dài, gởi cho nhà xuất bản, yêu cầu tính tiền tác giả cho chàng

«Lần nầy y trả lời trễ hơn, nói rằng theo ý kiến y thì cuốn thứ nhất hứa hẹn nhiều còn cuốn nầy không được đúng với sự hứa hẹn ấy (...) và dù có mạo hiểm xuất bản — nếu chàng chịu hết phí tổn ấn loát — thì cũng phải tính trước như là sách khó bán lắm. Ấy là y không đứng vào địa vị nhà xuất bản mà xét đấy.

Lòng Ha-ri-sơn không hề chuyển và chàng trả lời rằng không chịu tiền ấn loát. Tức thì nhà xuất bản gởi

trả lại bản cảo, bảo theo ý kiến y thì chàng đã lầm rồi mà y (nhà xuất bản) lấy điều đó làm buồn lắm vì từ trước tới nay, giữa hai người, tình vẫn thân mật».

Chàng bèn gởi bản cảo cho một nhà xuất bản khác nhà nầy chịu trả tiền tác giả, nhưng chỉ khi nào bán được mới trả, và rốt cuộc cuốn thứ nhì chẳng mang về cho chàng một số tiền nào cả.

Đó là tâm lý nhà xuất bản bên Anh. Còn bên mình thì đã có Hồ Hữu Tường phô bầy trong một đoạn văn mỉa mai không kém :

«Các ngài chưa đọc một tác phẩm nào ký tên của tôi, các ngài chưa gặp trên mặt báo một bài luận nào của tôi... Lỗi ấy nơi các nhà xuất bản trục lợi. Họ chỉ muốn cho ra tác phẩm của những đại văn hào: đại thi sĩ, đại học giả. Đã mấy lượt, HUẤN PHONG nầy mang bản thảo đến họ. Họ không cần đọc trong đó có gì, họ chỉ thấy quần áo tôi không sang trọng, bộ tịch tôi có vẻ quê mùa, nhất là họ thấy cái tên HUẤN PHONG của tôi không phải là tên của một đại văn hào đại thi sĩ, đại học giả. Đủ rồi, tác phẩm của tôi là không hay, in ra bán không chạy, lỗ vốn Có một anh còn nhìn tôi với một cái nhìn thương hại, tôi hiểu rằng anh ấy đồng ý với vợ tôi, bảo tôi về cầm cày, họa may cũng được câu «nhất nghệ tinh nhất thân vinh»... Họ làm lơ» (1).

(1) Phương đông số 4.4.54.

trái lại, có quyền không gởi trả những bài không đăng). Nếu mua, họ sẽ ký với bạn một tờ giao kèo mà tôi sẽ xét kỹ trong chương sau. Tờ giao kèo nầy định quyền tác giả, sách bán ế thì nhà xuất bản chịu lỗ, chạy thì nhà xuất bản được lời. Đó là theo nguyên tắc, trong thực tế có hơi khác.

Có lẽ từ cổ chí kim mới có một nhà xuất bản là nhà Charpentier rộng rãi với nhà văn tới nỗi khi thấy tiểu thuyết Fromont Jeune et Risler ainé của A. Daudet bán chạy quá, thì xé ngay tờ giao kèo cũ mà làm lại một tờ khác có lợi gấp bốn cho tác giả. Còn phần đông thì nếu sách bán ế, người ta xin rút quyền tác giả xuống, hoặc xin trả trễ, làm nhiều kỳ, trái lại sách bán chạy thì cứ theo đúng giao kèo mà thi hành. Như vậy là đứng đắn lắm rồi đấy. Có kẻ còn bắt nhà văn chầu chực năm lần bảy lượt mà vẫn không chịu trả, có kẻ lại đòi nhốt Voltaire, Rousseau, Diderot trong nhà, nuôi cho mập rồi bắt viết, viết thật nhiều, mỗi ngày đều đều một số trang nhất định, y như chúng ta nuôi gà mái đẻ lấy trứng vậy ! Vì công ích mà !

Ý nuôi nhà văn như nuôi gà đó không được ai theo, nhưng cách săn sóc nhà văn như săn sóc ngựa đua thời nay rất thịnh hành ở Âu Mỹ.

Tại mỗi nước văn minh, mỗi năm có hàng chục giải thưởng văn chương mà nhiều giải như giải

Goncourt ở Pháp làm lợi cho nhà văn được khoảng triệu bạc và lợi cho nhà xuất bản gấp hai, gấp ba số đó. Cho nên mỗi khi thấy một tác phẩm nào có thể dự thí được thì nhà xuất bản cưng tác giả vô cùng, tìm những lời phê bình có danh, nhờ giới thiệu khéo léo trên báo chí, rồi dắt nhà văn tiếp xúc với nhân vật nầy, nhân vật nọ, nhất là với các bà có ảnh hưởng tới lá thăm của các ông Hàn, có khi lại ngọt ngào khuyên nhà văn bỏ bớt đoạn nầy, viết thêm đoạn khác cho đẹp lòng các nhân vật đó nữa.

Tới ngày bỏ thăm, cảnh tượng trong các Hàn lâm viện không khác chi trên trường đua : và nhà văn nào được giải thưởng thì thật là còn sướng hơn con ngựa về đầu muốn gì nhà xuất bản cũng xin chiều hết.

Nhà xuất bản nào cũng chỉ xuất bản những sách dễ bán của các cây viết có tên tuổi, còn tác phẩm nào khô khan hoặc do một nhà văn chưa có danh viết ra thì nhất định chối từ : ai mà không vậy, thưa bạn ? Xuất bản sách của người là buôn bán mà buôn bán thì, như Vũ Bằng đã nói, phải xếp xó cái chuyện « làm việc theo lý tưởng lại», kẻo chết «nhăn răng ra» thì «còn ai mà phụng sự văn hóa» nữa. Nói cho công bằng, cũng có một số người quyết làm việc theo lý tưởng đấy, song họ lại nghèo, ra được ít cuốn là hết vốn ».

Lại có một bọn ham danh rất nhiều tiền, nhưng chẳng hiểu gì về văn nghệ cả, bị một bọn cai thầu rút rỉa hết mà làm trò cười cho thiên hạ.

Nhiều khi, nhà xuất bản không định được đúng giá trị của một tác phẩm quý nên không mua.

Ai không biết Milton, một thi hào bực nhất thế giới Ông cặm cụi chín năm mới viết xong cuốn *Paradis perdu*, một tác phẩm bất hủ mà tìm hoài, không nhà nào chịu xuất bản. Mãi sau mới có một nhà chịu trả ông ba trăm quan — bạn thử tưởng tượng công lao chín năm mà ba trăm quan — và hứa chỉ trả khi nào tái bản được kia. Tội nghiệp, ông chưa kịp được lãnh số tiền hứa ấy thì đã mất, còn con cháu nhà xuất bản thì hưởng một số lời về cuốn đó là nửa triệu quan !

Nữ văn sĩ Pearl Buck, gởi tác phẩm đầu tay cho một nhà xuất bản ở Mỹ ; người ta trả lại bản cảo, với câu : «Chúng tôi không thích tác phẩm về Trung quốc». Ấy vậy mà chính những tác phẩm về Trung quốc ấy sau đó đã làm cho bà nổi danh khắp thế giới và được giải thưởng Nobel !

Fabre, một nhà tự nhiên học có tâm hồn thi sĩ làm vẻ vang cho nước Pháp, tìm mãi mới được một nhà xuất bản chịu in bộ Souvenirs entomologiques của ông mà không bắt ông ... trả tiền !

Marcel Proust hồi đầu cũng bị nhà Nouvelle Revue française hắt hủi, phải tự bỏ tiền ra cho nhà Bernard Grasset in bộ A la recherche du temps perdu của mình ; sau nhờ Léon Daudet cực lực khen ngợi, ông được nổi tiếng và nhà Nouvelle Revue française đến xin lỗi, năn nỉ ông nhượng bản quyền cho.

Một nhà xuất bản lớn ở Pháp như nhà ấy, mướn những người chuyên môn đọc bản cảo để quyết định nên mua hay không mà còn lầm lẫn như vậy, nói chi các nhà xuất bản của mình !



Sau khi gởi bản cảo tới nhà xuất bản, bạn phải đợi từ một tới sáu tháng mới được kết quả. Nếu họ không mua thì họ phải trả lại bản cảo cho bạn (nhà báo

CHƯƠNG I

TỜ GIAO KÈO NHƯỢNG BẢN QUYỀN

Tác giả một cuốn sách hoàn toàn làm chủ cuốn đó.

Simon Marion (1586)

Có người bảo không ai bênh vực quyền lợi của mình mạnh mẽ bằng nhà văn. Lời ấy áp dụng vào văn nhân Âu, Mỹ thì đúng ; vào văn nhân nước ta thì mười lần sai tới chín, vì mười người may lắm được một người hiểu rõ quyền lợi của mình.

Nguyên nhân một phần là do ta có nhiều nhà văn tài tử, cho viết văn không phải là một nghề. Ở đầu cuốn này, tôi đã nói quan niệm ấy là quan niệm chung

của các nhà văn phương Đông từ thế kỷ 19 trở về trước, và chúng ta mới biết về quyền tác giả độ năm chục năm nay, trong khi quyền ấy xuất hiện ở Âu châu từ khi nghề in thịnh hành, nghĩa là khoảng ba, bốn thế kỷ.

Trước công nguyên, tại La mã đã có nhiều tiệm sách, song khi đem bản cảo giao cho một tiệm, nhà văn đã chẳng được lãnh một số tiền nào cả mà còn mất luôn quyền sở hữu về tác phẩm của mình, vì tác phẩm đã hoàn toàn thành của công, ai muốn phỏng, cóp cũng được, luật lệ không hề ngăn cấm. Tình trạng ấy y như ở phương Đông ta hồi xưa.

Tới thế kỷ 16, tại Pháp có Simon Marion bắt đầu bênh vực nhà văn, ông tuyên bố : « Tác giả một cuốn sách hoàn toàn làm chủ cuốn đó ».

Thời ấy, quan niệm đó còn mới mẻ quá, cho nên không ai cho Marion là có lý và nhà vua vẫn bênh vực các tiệm sách, làm thiệt thòi cho nhà văn. Văn nhân thường bán đứt tác phẩm lấy một số tiền nhất định, nhà xuất bản sau có tái bản bao nhiêu lần nữa cũng không phải trả thêm quyền tác giả.

Tới thế kỷ 18, quyền tác giả cũng không được trọng hơn. Một nhà xuất bản nọ tự do in một tác phẩm của Voltaire, chẳng cần xin phép gì cả, chỉ nhắn tác giả

trong mấy hàng in ở trang đầu, đại ý rằng: Tác phẩm đó ích lợi cho đại chúng nên y in lại, và chắc Voltaire không trách y vì y có công làm cho nhiều người thưởng thức văn của ông. Cái câu nhắn đó nghe mới ngọt ngào làm sao! Nhưng không rõ Voltaire có biết điều mà cảm ơn y chăng?

Mới cách đây vài năm, nhân vụ một tờ nhật báo tự tiện trích đăng bài ở tập *Cảo Thơm* của Hồ Hữu Tường, một nhà « ngôn luận » lõi đời ở Sàigòn cũng dùng cái giọng ngây thơ ấy trách nhà văn họ Hồ đã không biết ơn nhà báo « truyền bá giùm » những bài của mình, còn đòi kiện là đạo văn nữa. Họ Hồ quả đã không biết hy sinh cho văn hóa!

Năm 1777, vua Louis XVI ra một chỉ dụ thu hẹp quyền lợi của nhà xuất bản và cho nhà văn những quyền lợi vô hạn, được phép in lấy tác phẩm của mình rồi bán lấy.

Tức thì các nhà xuất bản nhao nhao lên phản đối, còn phe văn nhân thì nắm tay nhau bênh vực quyền lợi của mình. Hăng hái nhất là Balzac. Ông hô hào đòi quyền tác giả phải được vĩnh viễn, bảo rằng diễn một vở kịch mà không xin phép tác giả thì cũng như ăn cắp một cách tráo trợn vật quý nhất của người ta.

Nhưng rốt cuộc, phe văn nhân cũng vẫn thua, chỉ dụ bị bãi bỏ và phải đến sau cuộc đại cách mạng Pháp

từ năm 1793 trở đi, mới có những sắc lệnh định rằng quyền tác giả được kéo dài tới 50 năm sau khi tác giả chết. Đó là một bước tiến đáng mừng, nhưng các văn nhân Pháp chưa được thỏa mãn, cho nên cuối thế kỷ trước, họ họp nhau thành hội, lập nhiều dự án để quy định luật lệ về tờ giao kèo xuất bản rồi trình cho chính phủ chấp thuận. Tuy nhiên chưa dự án nào được chuẩn y và hiện nay người ta vẫn còn dùng một kiểu mẫu giao kèo do một nhóm vừa nhà xuất bản vừa nhà văn thỏa thuận với nhau mà lập ra năm 1917.



Trước khi xét mẫu giao kèo đó, chúng ta nên biết qua về các kiểu giao kèo thường dùng từ trước tới nay.

☼ *Giao kèo nhượng trọn quyền.* Cách thức này lợi cho nhà văn ở chỗ có thể lãnh ngay được một số tiền quan trọng. Ở Âu châu, cách ấy chỉ dùng khi nào nhà xuất bản đặt cho nhà văn viết một cuốn sách theo những chỉ thị đã định trước. Ở nước ta, cách ấy rất thịnh hành vì nhiều nhà văn thiếu tiền, hoặc không biết rõ quyền lợi của mình, nhà xuất bản bắt sao họ cũng chịu.

☼ *Giao kèo nhượng quyền.* Cách thức này hợp lý, công bình hơn. Nhà xuất bản có quyền xuất bản sách của bạn trong một thời gian nhất định nào đó, và phải trả tiền cho tác giả từ 5 đến 20 phần trăm tổng số giá

sách bán (1). Mỗi lần tái bản, bạn đều được hưởng quyền ấy như lần in đầu tiên.

✲ *Giao kèo hùn vốn.* Có những sách khảo cứu bán rất chậm mà in rất tốn, không nhà xuất bản nào chịu mua bản quyền, tác giả phải xuất vốn để hùn với nhà xuất bản, hoặc một phần ba, hoặc một nửa tổng phí, rồi hai bên chia nhau số tiền thu về theo thể thức sau nầy :

Nhà văn để cho nhà xuất bản 50% bù vào số tiền hoa hồng cho các nhà đại lý những phí tổn chung ; còn 50% thì chia cho hai bên, tùy theo công viết của tác giả và số vốn của mỗi bên.

Xuất bản sách theo cách đó, bạn không cầu lợi về tiền bạc mà chỉ mong có lợi về tinh thần.

✲ *Giao kèo in hộ.* Bạn phải chịu trọn phí tổn về in. Khi bán, trừ 50% để bù số tiền hoa hồng và phí tổn chung, còn bao nhiêu bạn lãnh hết.

Nếu bạn chắc *tác phẩm của bạn sẽ bán được,* nếu bạn lại có đủ vốn và quen một *nhà xuất bản đứng đắn* thì cách sau cùng đó có lợi cho bạn lắm. Bán tác phẩm, trung bình bạn chỉ được 10% ; bỏ vốn nhờ in hộ, bạn có thể được trên 20% vì vốn in chỉ vào khoảng 20 tới

(1) Xin đừng lộn số sách bán với số sách bán được. In 3000 để bán mà chỉ bán được 2000 thì tác giả vẫn được hưởng từ 5 đến 20 phần 100 của giá bán 3000 cuốn đó.

30%, mà bạn lãnh được hết thảy là 50%. Vốn đó, chỉ nội sáu tháng bạn lấy về đủ, nếu sách bán khá chạy ; nếu sách bán ế, tất nhiên bạn chịu thiệt.

Nhà văn nào muốn cho đời sống đừng thiếu thốn quá, cũng nên rán dành dụm cho có một số vốn đủ in tác phẩm của mình theo cách đó. Như bạn thấy, bỏ vốn in một cuốn lợi bằng viết một cuốn và đáng lẽ phải viết một năm bốn cuốn mới đủ sống thì ta chỉ cần viết hai, vừa không mệt, vừa có đủ thì giờ để viết kỹ.



MẪU GIAO KÈO DO MỘT ỦY BAN HỖN HỢP CÁC NHÀ XUẤT BẢN VÀ CÁC NHÀ VĂN LẬP RA NĂM 1917

Giữa hai bên ký tên dưới đây,

một bên là Ô . . . . .

Một bên là Ô . . . . .

đã có những sự thỏa thuận sau nầy :

Ô . . . . nhường cho Ô . . . . — và những người thừa kế của ông — quyền in, xuất bản và cho bán (1) một cuốn sách nhan đề là : . . . .

. . . .

(1) Và những quyền sẽ ghi ở mục 1 dưới đây, nếu có,

phẩm. Chẳng hạn bạn không thể nói rằng bạn hứa bán hết thảy những tác phẩm của bạn sẽ viết từ nay cho đến hết đời bạn, bất kỳ về vấn đề gì, cho nhà xuất bản X ; nhưng bạn có thể nói : Tôi hứa bán cho nhà xuất bản X một cuốn nhan đề là : «Nghiên cứu về loài ong» mà tôi sẽ viết xong trong một kỳ hạn là một năm kể từ ngày ký giao kèo này.

* *Khi nhường quyền cho nhà xuất bản nào thì chỉ nhà xuất bản đó và những người kế thừa của nhà xuất bản đó được hưởng quyền thôi. Nhà xuất bản không có phép nhường lại quyền cho một người thứ ba. Đó là tính cách độc hữu của sự nhượng quyền.*

Gần đây vài nhà xuất bản ở Bắc di cư vào Nam muốn nhường lại quyền một số sách cho các nhà ở Nam. Sự nhường lại quyền đó, nếu không được tác giả thỏa thuận thì không hợp lệ, vì nó có thể làm hại quyền lợi của tác giả. Chẳng hạn, bạn tin nhà xuất bản X là đứng đắn nên mới nhường bản quyền cho nhà ấy : nếu rồi sau nhà đó lại nhường lại cho một nhà khác chuyên xuất bản những sách nhảm nhí thì bạn tất nhiên sẽ bị độc giả giảm tín nhiệm và thiện cảm đã có từ trước.

ĐIỀU - KIỆN TỔNG - QUÁT

MỤC 1. NHƯỜNG QUYỀN TRONG BAO LÂU VÀ TỚI MỰC NÀO ?

GIẢNG THÊM

1. Nhường trong bao lâu? Bạn có thể nhường quyền một thời gian vô hạn. Nếu là hữu hạn thì trong giao kèo phải chỉ rõ là nhường quyền in mấy lần. Nếu là vô hạn thì quyền của nhà xuất bản kéo dài bằng quyền của tác giả.

Mà tác giả cùng những người thừa kế được giữ bản quyền bao lâu ?

Vấn đề này đã được bàn cãi sôi nổi từ thế kỷ 18. Người thì đòi một tác phẩm phải là vật sở hữu của tác giả, và phải được truyền tử lưu tôn một cách vĩnh viễn như nhà cửa, ruộng nương. Kẻ thì trái lại, bảo tác phẩm phải được mau thành của công để mọi người được hưởng. Proudhon, một kinh tế gia ở thế kỷ 19 còn bắt nhà văn phải hy sinh cho nhân loại, không được cầu lợi và quyền tác giả không được truyền lại cho con cháu, sợ chúng thành «một bọn quý phái kiểu mới» sống phong lưu nhờ di sản tổ tiên.

Ô . . . . nhận sự nhượng quyền đó, chịu phí tồn và mọi sự rủi ro trong khi in, xuất bản và bán.

Sự nhượng quyền ấy làm theo những điều kiện tổng quát sẽ kể ở dưới, có tính cách độc hữu, nhưng hai bên có thể thêm hoặc sửa đổi những ước khoản riêng chép tay ở sau những điều kiện tổng quát.

GIẢNG THÊM

● *Những người nào có quyền lập tờ giao kèo.*

Trước hết là tác giả và những người cộng tác với tác giả.

Muốn được đứng vào hàng cộng tác thì phải :

— làm một công việc sáng tác (1) như tác giả ; một thư ký đánh máy bản thảo không phải là cộng tác,

— sáng tác một cách tự do : một người thư ký tác giả mướn để tìm tài liệu hoặc để dịch, thảo vài đoạn, vài chương trong sách cũng không gọi là sáng tác được,

— cùng chung một mục đích, một ý định với tác giả. Chẳng hạn, bạn có những tài liệu riêng

(1) Sáng tác đây có nghĩa rộng, như dịch thuật, cần phải tìm tiếng đặt câu cũng được coi là sáng tác.

của gia đình bạn về Nguyễn Huệ, bạn không biết viết hoặc không có thì giờ viết, giao cho tôi những tài liệu ấy để tôi soạn một cuốn về vị anh hùng ấy, như vậy cũng là bạn cộng tác với tôi.

Tuy nhiên, những người cộng tác để soạn một bộ Bách khoa tự điển không được quyền ký giao kèo ; chỉ người điều khiển công việc, vạch đường lối, lập bố cục, phân phát công việc... mới được gọi là tác giả của bộ đó.

** Khi tác giả còn sống thì vợ hoặc chồng của tác giả không có quyền ký giao kèo ; chỉ khi tác giả chết rồi, vợ hoặc chồng mới có quyền ấy.*

Như tôi đã nói, ở Pháp, thời hạn quyền tác giả kéo dài 50 năm sau khi tác giả chết. Trong thời gian đó, nếu vợ hoặc chồng tác giả cũng chết nữa thì những người kế thừa của tác giả có quyền ký giao kèo, trừ những người vị thành niên.

** Những tác phẩm nào có thể nhượng quyền được ? Tất cả các sản phẩm văn tự như : niên lịch thông thư, niên giám, sách biên tập, tự vị, mục lục, sách giản yếu, một tập chú thích, bài báo, diễn văn, bài giảng của giáo sư...*

** Có thể bán non những tác phẩm chưa viết không ? Được, miễn là trong giao kèo phải định thời gian để viết và nhan đề hoặc đại ý của tác*

Rốt cuộc ở Pháp, người ta theo một giải pháp dung hòa và đạo luật 14-7-1966 đã định thời hạn quyền tác giả là tới 50 năm sau khi tác giả mất. Sau thời hạn đó, quyền tác giả không thuộc về chính phủ như các bất động sản, mà về công chúng, nghĩa là lúc đó, ai cũng có quyền tái bản tác phẩm mà khỏi phải xin phép kẻ kế thừa tác giả.

Nhưng vì có hai cuộc đại chiến 1914-1918 và 1939-1945, sự tái bản các tác phẩm cũ gần như hoàn toàn ngưng trệ trong hai thời gian khá lâu nên luật pháp cho thời hạn bản quyền của những tác phẩm xuất bản trước năm 1914 được kéo dài thêm khoảng 15 năm nữa (1). Do đó, V. Hugo mất ngày 22-5-1885, đáng lẽ đến 22-5-1935 thì quyền tác giả về công chúng mà con cháu của thi hào đó được hưởng thêm quyền ấy cho đến ngày 18-2-1950.

Nếu tác phẩm do nhiều người viết chung thì tính tới 50 năm sau ngày chót của người sống lại sau cùng.

Nếu tác phẩm khuyết danh thì nhà xuất bản được coi là tác giả và quyền tác giả thuộc

(1) Sáu năm rưỡi về cuộc đại chiến thứ nhất và tám năm rưỡi về cuộc đại chiến thứ nhì.

về nhà xuất bản cho tới 50 năm sau khi người này chết.

Đó là luật lệ ở Pháp. Ở các nước khác, thời hạn quyền tác giả dài hơn hoặc ngắn hơn. Dài nhất là ở Bồ Đào Nha, quyền đó được vĩnh viễn ; ngắn nhất là ở Nga : tới 15 năm sau khi tác giả chết ; tại Y Pha Nho là 80 năm ; tại Trung Hoa, Nhật Bản, Thụy Sĩ là 30 năm ; tại Hoa Kỳ là 56 năm mà chia làm hai kỳ, mỗi kỳ 28 năm ; hết kỳ thứ nhất, con cháu tác giả có xin triển hạn mới được hưởng thêm kỳ nhì; tại Anh cũng chia làm hai kỳ mỗi kỳ 25 năm. Phần đông các nước khác đều theo giải pháp của Pháp.

Anh, Mỹ chia làm hai kỳ hạn có lẽ là hy vọng có những tác phẩm mà kẻ kế thừa tác giả quên xin triển hạn, như vậy những tác phẩm ấy mau thuộc quyền sở hữu của công chúng.

Nước ta, từ trước theo luật của Pháp, nay đã độc lập, nên đặt luật mới. Theo thiển ý, thời hạn 30 năm là vừa.

2. Nhường những quyền gì ? *Ngoài những quyền in, xuất bản mà bạn đã ghi ở đầu tờ giao*

kèo, bạn nên nhớ rằng bạn còn những quyền sau nầy nữa :

☼ quyền diễn *(représentation— tức diễn kịch hay quay phim). Quyền in và quyền diễn khác hẳn nhau ; nhường quyền in không phải là nhường quyền diễn, mà nhường quyền diễn cũng không phải là nhường quyền in. Chẳng hạn một vở kịch bạn giao cho nhà X in và xuất bản; một gánh hát nào muốn diễn vở kịch đó phải xin phép bạn, chứ nhà xuất bản không có quyền cho phép diễn.*

☼ quyền trích dẫn. *(1) Về sự trích dẫn văn thơ để soạn một cuốn văn tuyển hoặc thi tập thì thủ tục chưa được rõ ràng. Các tòa án ở Pháp đặt ra qui tắc nầy : trích dẫn mà làm hại quyền lợi về tiền tài của tác giả thì không được; còn trích dẫn có mục đích văn hóa thì được. Sự phân biệt như vậy hơi miễn cưỡng. Chẳng hạn tôi trích hết những thơ hay của Nguyễn Bính để in thì chắc chắn là tôi làm một việc có tính cách văn hóa, nhưng cũng làm thiệt thòi cho tác giả vì độc giả chỉ cần mua một cuốn của tôi xuất bản mà không cần mua những cuốn*

(1) Quyền trích dẫn với quyền in, gồm chung là quyền truyền bản (reproduction)

mà tác giả đã cho in. Trong trường hợp ấy thì xử ra sao ?

Quyền trích một đoạn văn trong sách để đăng lên báo cũng thuộc về tác giả.

Quyền xuất bản tiểu thuyết đã đăng trên báo về tác giả chứ không về nhà báo. Nhưng những bài báo có tính cách thời sự thì báo nào cũng có quyền trích dẫn mà khỏi xin phép, miễn là phải chỉ rõ xuất xứ.

☼ Quyền dịch *thuộc về tác giả. Dịch giả phải giữ đúng ý trong nguyên tác, nếu phản ý thì tác giả có thể đòi bồi thường.*

☼ Quyền phóng tác *cũng thuộc về tác giả. Phóng tác là theo cốt truyện mà viết lại, như một tiểu thuyết viết lại thành kịch. Ta đừng nên lầm phóng tác với dịch phỏng. Dịch phỏng là tiểu thuyết vẫn dịch ra tiểu thuyết, kịch dịch ra kịch, không thay đổi thể văn, chỉ thay đổi ít chi tiết cho hợp với phong tục một xứ hoặc một thời đại thôi. Nhiều tiểu thuyết đăng trên báo của ta được đặt cho cái tên là phóng tác, kỳ thực chỉ là dịch phỏng một cách rất tự do.*

☼ Thâu vào đĩa hát *cũng là một cách xuất bản vậy đáng lý ra, một nhà xuất bản có quyền in và thâu vào đĩa hát. Nhưng theo thủ tục thì muốn thâu vào đĩa hát phải có phép riêng của tác giả.*

☼ Quyền quay phim *hoàn toàn về tác giả. Nên phân biệt quyền ấy với quyền chiếu phim. Một tác giả có thể nhường quyền quay phim cho một hãng nầy và quyền chiếu phim cho một hãng khác.*

Nhà quay phim phải diễn đúng ý của tác giả nếu không, có thể bị tác giả đòi bồi thường.

Vậy nếu ngoài quyền in, xuất bản và bán, bạn muốn nhường thêm quyền gì nữa thì phải ghi vào mục I ở đây, để trả lời câu hỏi : « Tới mực nào» trong mục.

3. Tác giả cam đoan bảo đảm cho nhà xuất bản khỏi bị quấy rối và bị truy đoạt mất quyền.

GIẢNG THÊM.

☼ Dù mãn hạn giao kèo, tác giả cũng không có quyền tái bản nếu nhà xuất bản chưa bán hết sách. Sách đó có thể coi là bán hết khi còn không bằng một phần hai mươi số sách đã in. Chẳng hạn in 2.000 cuốn, còn 2 000 : 20 = 100 cuốn thì cũng kể là bán hết.

☼ Tác giả cũng không có quyền viết một tác phẩm khác để tranh với tác phẩm đã nhượng quyền.

☼ Tác giả không có quyền giao cho một nhà khác xuất bản một cuốn đã nhường quyền, nhưng nếu tác giả chỉ nhường quyền in một cuốn vào loại sách thường cho một nhà thì có thể nhường quyền

in cuốn đó vào loại sách quý cho một nhà khác.

☼ Và riêng về kịch, tác giả có thể nhường quyền in và xuất bản hết thảy những vở của mình cho một nhà xuất bản thứ nhì, mặc dầu một vài vở đã nhường cho một nhà thứ nhứt, miễn là những vở nhường cho nhà thứ nhì, không được bán rời mà phải bán trọn bộ có đủ những kịch của tác giả, như vậy để khỏi làm hại quyền lợi của nhà thứ nhứt. Chẳng hạn tôi đã soạn những vở kịch A,B,C,D, đã bán vở A và D cho nhà X, B và C cho nhà Y; nay tôi có quyền bán cả 4 vở đó cho một nhà xuất bản thứ ba, nhưng nhà này phải in 4 vở luôn một lúc và bán thì bán trọn bộ 4 vở, chứ không được bán rời từng vở một.

Nhưng nếu trong giao kèo có ghi rằng nhường trọn quyền, không hạn chế, thì tác giả không có quyền nhường cho một nhà khác như trên nữa.

☼ Trong trường hợp tác giả cố ý bôi nhọ một nhân vật nào một cách rõ ràng, khiến độc giả hiểu ngay là tác giả ám chỉ ai, thì :

— Tác giả chịu hết trách nhiệm nếu nhà xuất bản vô tình, không ngờ tác giả có chủ ý đó,

— Tác giả và nhà xuất bản chịu chung trách nhiệm, nếu nhà xuất bản hiểu thâm ý đó.

MỤC II.— GIAO BẢN THẢO.— SỬA CHỮA — CHO PHÉP IN.

1. Tác giả cam đoan giao bảo thảo (với đủ tài liệu và hình, nếu có) viết rõ ràng trên một mặt giấy, đã sửa chữa kỹ lưỡng và sẵn sàng để in. Nếu trong khi sắp chữ mà tác giả còn sửa chữa quá nhiều đến nỗi phí tổn sắp chữ tăng lên 20 °/o thì tác giả phải chịu số phí tổn thêm đó. Nếu tác giả đã cho phép in mà bắt phải thay hình trong sách thì tác giả chịu tiền vẽ và khắc, trừ khi những biến cố xảy ra bất ngờ, buộc tác giả phải thay những hình ấy.

GIẢNG THÊM

¤ Nếu tác giả chưa kịp giao bản thảo mà chết hoặc mất tích thì có ba trường hợp :

— Tác phẩm đã soạn xong : các người kế thừa tác giả phải giao bản thảo cho nhà xuất bản trong một thời gian rất ngắn.

— Tác phẩm mới bắt đầu viết, tài liệu chưa thu thập đủ, giao kèo phải bỏ.

— Tác phẩm viết đã gần xong, tài liệu thu thập đã đủ, các người kế thừa có quyền nhờ người soạn tiếp ; nhưng nếu nhà xuất bản đòi những tài liệu ấy và giao cho người khác viết thì các người kế thừa không được cản trở, chỉ có quyền bắt nhà

xuất bản in thêm mấy chữ nói rõ rằng tác giả chưa soạn xong thì mất.

¤ Nếu tác giả không giao bản thảo cho nhà xuất bản thì tờ giao kèo bị hủy bỏ và tác giả phải bồi thường thiệt hại cho xuất bản.

¤ Giao bản thảo rồi mà nhà xuất bản đánh mất thì nhà xuất bản chịu trách nhiệm. Nên định rõ trách nhiệm đó trong tờ giao kèo.

2. Khi sắp chữ trọn cuốn rồi, nhà xuất bản in thử hai bản và gởi cho tác giả (hai bản đó có cả bìa), tác giả phải đọc và sửa mỗi bản đó trong thời hạn là ba mươi ngày rồi gởi trả bản thứ nhì cho nhà xuất bản, với một giấy phép cho in.

Đó là nói ở bên Pháp. Ở bên mình không có nhà in nào sắp chữ trọn cuốn rồi mới gởi cho tác giả coi lại để cho phép in. Nếu tác giả ở gần thì nhà in cứ sắp chữ được một sấp 16 trang là đưa cho tác giả coi lại ngay. Nếu tác giả ở xa thì tác giả phải nhờ một người quen sửa ấn cảo thay mình hoặc giao cho nhà xuất bản làm công việc ấy.

Không được phép tác giả mà cứ in càn thì nhà xuất bản có thể bị tác giả kiện và bắt bồi thường.

3. Bản thảo và tài liệu ghim theo thuộc quyền sở hữu của tác giả ; nội ba tháng sau khi in xong,

tác giả có thể viết thư đòi nhà xuất bản và nhà xuất bản phải gởi trả.

MỤC III.— GIÁ BÁN.— ĐEM BÁN

1. Sách sẽ in theo khổ . . . . . .

Bạn nên định rõ khổ sách, thứ giấy in, kiểu chữ và nhất là kỳ hạn phải in xong.

Theo nguyên tắc, nhà xuất bản phải bắt đầu in ngay sau khi ký giao kèo, nhưng ít khi họ theo đúng như vậy và có nhà để hàng năm vẫn chưa in. Muốn khỏi bực mình, bạn nên định một thời hạn, nếu quá thời hạn ấy mà sách chưa in xong thì tờ giao kèo bị hủy bỏ hoặc nhà xuất bản phải bồi thường bao nhiêu tiền.

2. Số in lần thứ nhất sẽ do nhà xuất bản định nhưng không được dưới . . . . .

Nhiều tác giả không định rõ số in tối thiểu, cũng không nói nhà xuất bản có quyền tái bản mấy lần hoặc trong một thời gian bao lâu. Trong trường hợp ấy, tác giả không có quyền bắt nhà xuất bản phải tái bản, nhưng lại có quyền cho một nhà khác xuất bản nếu sách in lần trước đã bán hết khá lâu.

3. Trong những lần tái bản, số in để nhà xuất bản quyết định.

Lẽ ấy dễ hiểu vì chỉ có nhà xuất bản mới biết sách phải tái bản bao nhiêu để có lời.

4. Giá bán định theo thể thức nào ?

Giá bán có thể định do sự thỏa thuận của hai bên. Trong trường hợp ấy, mỗi khi muốn thay đổi giá bán, nhà xuất bản phải hỏi ý tác giả.

Nếu tác giả không định giá bán thì nhà xuất bản có toàn quyền quyết định.

5. Ngày phát hành sẽ do nhà xuất bản định sao cho lợi cả hai bên, nhưng dù sao cũng không được để quá hai năm sau khi nhà xuất bản đã nhận bản thảo.

MỤC IV.— QUYỀN TÁC GIẢ.

1. Quyền tác giả định như sau . . . .

Điều nầy quan trọng nhất. Muốn tránh sự xích mích, kiện tụng về sau, tác giả phải định rõ :

- Quyền tác giả là bao nhiêu, số đó nhất định hay tùy theo số sách in và giá sách bán.

Chẳng hạn tác giả có thể nhường bản quyền lấy một số tiền nhất định là 12.000$, sau nầy nhà xuất bản có in thêm bao nhiêu cũng không phải trả thêm. Cách đó thường thiệt cho tác giả, nên các nhà văn thường dùng cách sau nầy : định quyền là mấy phần trăm tổng số giá sách bán. Như in lần đầu 3.000 cuốn, mỗi cuốn bán 40$ mà quyền tác giả là 10% giá bán thì tác giả được lãnh :

$$\frac{40\$ \times 3000 \times 10}{100} = 12.000\$$$

Lần thứ nhì in thêm 2.000 thì tác giả sẽ lãnh thêm :

$$\frac{40\$ \times 2000 \times 10}{100} = 8.000\$$$

Những lần sau cũng vậy.

Trong trường hợp đó, tác giả có thể bắt nhà xuất bản cho xem sổ sách để biết in là bao nhiêu. Cách kiểm soát ấy bất tiện vì làm mất lòng nhà xuất bản mà không có kết quả, nhà xuất bản có thể sửa đổi sổ sách, tác giả không sao biết sự thực được.

Theo tôi, có một cách chắc chắn hơn là trong giao kèo buộc họ trước khi đóng thành sách phải đem bìa sách lại cho bạn ký tên hoặc đóng dấu lên, đủ số đã định thì thôi, như vậy họ ít dám in dư.

Trong những lần in thêm (1), vì lẽ phí tổn ấn loát rút đi được khoảng 20 o/o mà sự quảng cáo cũng không cần mạnh như lần đầu, nhà xuất bản sẽ lời nhiều, cho nên bạn có thể đòi chia lời thêm,

(1) Ta nên phân biệt in thêm (nouveau tirage) và in lại (nouvelle édition) In lại thì phải sắp chữ lại, có khi phải sửa đổi, thêm bớt ; in thêm thì dùng những khuôn đúc cũ, đỡ hẳn công sắp chữ.

chẳng hạn in lần đầu quyền tác giả là 10 o/o, thì khi in thêm, quyền đó là 12 o/o.

¤ Đôi khi quyền tác giả tính theo số sách bán được, nhưng cách nầy ít người theo vì nó bất tiện lắm, thường chỉ làm thiệt cho nhà văn.

2· *Cách thức trả ra sao ? Làm một lần hay nhiều lần ? Vào lúc nào ?*

Nếu giao kèo không định rõ về khoản nầy thì theo thông lệ, nhà xuất bản phải :

— Trả ngay sau khi nhận bản thảo trong trường hợp nhà văn bán đứt bản quyền.

— Trả sau khi in xong, trong trường hợp quyền tác giả tính theo số sách in.

— Trả vào mỗi kỳ nhà xuất bản làm sổ sách hàng năm, trong trường hợp quyền tác giả tính theo số sách bán được.

3. *Quyền tác giả không được tính vào :*

a. — những cuốn trừ hao để bù vào những cuốn in hỏng, đóng hỏng, những cuốn mất mát và những cuốn tặng thêm trong khi bán (1). Số cuốn trừ hao (2) các nhà xuất bản Pháp thường tính là 10 o/o số sách in. Ở nước ta, vì không có lệ tặng thêm nên số đó chỉ vào khoảng 2 o/o số sách in.

(1) Bên Pháp có lệ mua 12 cuốn thì thêm 1 cuốn.
(2) Người Pháp gọi là livres de passe.

b — những bản dành cho tác giả (1), những nạp bản, (2) những cuốn biếu để quảng cáo, trung bình khoảng 40 cuốn nữa.

MỤC V. — IN VÀ IN LẠI

Mỗi khi in, nhà xuất bản gởi thư bảo đảm cho

tác giả hay :

— in lần thứ mấy,

— in bao nhiêu cuốn,

MỤC VI. — TÍNH SỔ HÀNG NĂM.

Trong trường hợp quyền tác giả trả theo số sách bán được, nhà xuất bản cho biết kỳ hạn làm thanh đan (inventaire) hàng năm vào lúc nào. Quyền tác giả phải trả nội trong 4 tháng sau khi làm thanh đan. Tác giả có thể yêu cầu nhà xuất bản đưa sổ sách cho mình coi.

MỤC VII.— KHÔNG IN LẠI.— BÁN Ế

1. Sách đã bán hết trên một năm mà nhà xuất bản không in lại hoặc in thêm thì bản quyền trở về tác giả trừ những trường hợp đặc biệt.

Hình vẽ, bản khắc, hình chụp, nếu nhà xuất bản bỏ

(1) Ở nước ta, nhà văn thường được 20 hoặc 30 bản giấy tốt để tặng bạn bè. Muốn có trên số đó thì phải mua lại của nhà xuất bản với giá rẻ là 50% hoặc 60% giá bán.

(2) Tức những bảo nạp cho nha Thông tin, Thư khố.

tiền ra làm thì thuộc về nhà xuất bản, nếu do tác giả giao cho nhà xuất bản thì là vật sở hữu của tác giả.

2. Một cuốn sách được coi là hết khi tác giả đã viết thư bảo đảm yêu cầu nhà xuất bản thu về những sách còn lại mà sáu tháng sau, nhà xuất bản không trình cho tác giả được 25 cuốn.

3. Khi bán ế, nghĩa là khi mỗi năm bán không được 5% số sách in lần cuối cùng (1), nhà xuất bản có quyền đem bán son nếu tác giả không chịu mua lại. Giá mua lại sẽ không được cao hơn giá vốn cộng với tiền đã trả tác giả. Tác giả mua lại rồi, muốn đem bán thì phải bôi tên nhà xuất bản ở bìa và trang đầu sách.

Tuy nhiên, nếu trong giao kèo, hai bên đã định giá sách với nhau thì nhà xuất bản muốn bán son, phải xin phép tác giả và chỉ được bán son khi nào thực cần thiết, không được cố ý làm hại danh tiếng tác giả.

MỤC VIII.— QUYỀN DỊCH VÀ BẢN QUYỀN

Tác giả có thể giữ quyền hoặc giao quyền cho nhà xuất bản giao thiệp với những người muốn dịch tác phẩm của mình. Nên định rõ cách chia số tiền mà dịch giả phải chịu, tác giả được bao nhiêu, nhà xuất bản được bao nhiêu.

(1) Ví dụ lần cuối cùng in thêm 2000 cuốn, 5% là 100 cuốn

Tác giả có thể buộc rằng bản dịch phải đưa mình coi trước.

MỤC IX.— ĐĂNG LỤC.— TRỌNG TÀI

Tại Pháp, những tờ giao kèo nhượng bản quyền thường được đăng bộ (1) theo luật hiện hành.

Mỗi khi có sự xung đột giữa nhà văn và nhà xuất bản thì hai bên đồng lòng cho Nghiệp đoàn các nhà xuất bản và Hội văn nhân làm trọng tài. Ở nước ta chưa có Nghiệp đoàn và Hội ấy.

ĐIỀU KIỆN ĐẶC BIỆT.

Trong mục nầy, tác giả và nhà xuất bản có thể thêm những điều kiện đặc biệt, chẳng hạn :

☼ Nhà xuất bản có thể cấm tác giả sửa chữa trong sách, khi tái bản, nếu thấy sự sửa chữa đó có thể bất lợi về phương diện thương mại, hoặc làm thay đổi hẳn tính cách của cuốn sách.

☼ Có những loại sách như sách về y học, khoa học . . . . . ., phải sửa chữa, thêm bớt cho hợp thời, nếu tác giả không chịu làm việc đó thì sẽ tính sao ?

☼ Hai bên có quyền cho in sách theo hình thức khác và bán với giá khác không ?

☼ Nếu do tình thế bắt buộc, sách không in được thì sao ?

(1) Nghĩa là ghi vào sổ của sở Trước bạ.

☼ Nếu bản quyền chỉ nhường trong một thời gian nhất định, nên định trước với nhau vấn đề in lần cuối cùng và cách thức thanh toán số sách còn lại khi mãn giao kèo.

☼ Nếu hết kỳ hạn, tác giả giao cho một nhà thứ nhì xuất bản mà nhà này với nhà thứ nhất không điều đình với nhau được về sự nhường lại bản in, bản đúc để in sách thì tác giả có quyền bắt buộc nhà thứ nhất hủy bỏ những bản in, bản đúc đó để không thể in thêm bán mà làm hại quyền lợi nhà thứ nhì.



Mẫu giao kèo đó rất đầy đủ và trừ trường hợp những tác phẩm quan trọng thì ngay ở Âu, Mỹ cũng ít khi người ta theo đúng như vậy.

Trong hoàn cảnh hiện tại, trên thị trường văn chương cũng như trên mọi thị trường khác, luật cung cầu vẫn chi phối một phần lớn, nếu ta bó buộc nhà xuất bản quá thì họ không chịu mua tác phẩm của ta. Vậy ta chỉ cần hiểu kỹ những mục trong bản giao kèo đó để rõ quyền lợi của ta rồi châm chước sao cho công việc nhà xuất bản được dễ dàng mà đôi bên đều có lợi.



MÃN GIAO KÈO

● Nếu một bên không giữ đúng những điều trong giao kèo thì bên kia có thể xin hủy bỏ giao kèo được, chẳng hạn trong trường hợp tác giả không chịu giao bản thảo hoặc nhà xuất bản không chịu in thêm khi sách đã bán hết.

● Ở trên, tôi đã nói nhà xuất bản không có phép được nhường lại bản quyền cho một người khác. Nhưng nếu nhà xuất bản nhượng trọn công việc làm ăn lại cho một nhà khác thì cái việc có phải hủy bỏ giao kèo hay không sẽ do tòa án định đoạt.

● Nếu mất bản thảo mà không sao viết lại được nữa thì người đánh mất phải bồi thường cho người kia.

● Nếu tác giả còn giữ bản thứ nhì hoặc có thể viết một cách dễ dàng thì nhà xuất bản có quyền bắt buộc tác giả giao một bản khác. Tất nhiên bên nào bị thiệt hại thì phải được bồi thường.



HIỆP ƯỚC BERNE.

Non năm chục nước đã họp nhau ở Berne (Thụy Sĩ) năm 1.886 và đồng ý che chở quyền tác giả trên khắp thế giới.

Năm 1,928 lại có hội nghị ở Rome (Ý) và năm 1948 hội nghị ở Bruxelles, (Bỉ) để sửa đổi những điều đã cam kết trong hiệp ước Berne.

Phần đông các nước đều công nhận mấy nguyên tắc sau nầy :

— Một tác phẩm của bất kỳ nước nào cũng được che chở tại các nước khác.

— Giữa hai nước mà thời hạn quyền tác giả khác nhau thì cứ theo thời hạn ngắn nhất. Chẳng hạn một tác phẩm ở Y Pha Nho được che chở 80 năm sau khi tác giả chết, thì qua Pháp chỉ được che chở 50 năm, vì theo luật của Pháp, thời hạn đó là 50 năm, ngắn hơn thời hạn Y—. Ngược lại, một tác phẩm Pháp qua Y cũng chỉ được che chở 50 năm thôi.

Ta có thể nói rằng hiện nay quyền tác giả được tôn trọng trên khắp thế giới, trừ vài nước không chịu ký tên vào hiệp ước Berne như Nga, Thổ . . . Các nước nầy muốn được quyền dịch hết thảy tác phẩm của các nước khác, khỏi phải xin phép, và đã ký những hiệp ước riêng với các cường quốc trên thế giới.

Trước kia, ta theo luật của Pháp ; nay ta đã độc lập nhưng chưa được gia nhập Liên hiệp quốc nên vấn đề che chở bản quyền sách ngoại quốc ở nước ta chưa được quyết định.

Tuy nhiên, nhà văn đứng đắn bao giờ cũng tôn trọng quyền lợi của nhà văn khác — bất luận ở nước mình hay nước ngoài — cũng như quyền lợi của chính mình, cho nên muốn dịch một tác phẩm ngoại quốc thì bạn nên xin phép tác giả ; nhiều khi họ vui lòng cho liền với những điều kiện dễ dàng vì biết nước ta nhỏ và mới bắt đầu được góp mặt với vạn quốc về phương diện văn hóa. Nhưng cũng có nhà xuất bản ngoại quốc đưa những điều kiện gắt gao quá, chúng ta không sao nhận được (1).



Nhan đề một cuốn sách là vật sở hữu của tác giả cũng như tên một thứ thuốc là vật sở hữu của người chế tạo ra. Cố ý dùng trùng nhan đề cũng có lỗi như cố ý dùng trùng nhãn hiệu vì có thể làm cho độc giả lầm cuốn nọ với cuốn kia và như vậy thiệt hại cho tác giả cuốn trước.

Song nhan đề phải có gì đặc biệt thì dùng trùng mới là có lỗi. Còn hai cuốn sách đều khảo cứu về

(1) Như một nhà xuất bản nọ ở Mỹ đòi tôi phải trả sáu trăm Mỹ kim để dịch và in một cuốn ba ngàn bản. Tôi phải từ chối. Họ quen giao thiệp với các nhà xuất bản Anh, Pháp. Không hiểu tình cảnh nước mình.

Khi nào nước mình được vô Liên Hiệp Quốc thì bộ văn hóa nên nghiên cứu vấn đề xin dịch tác phẩm ngoại quốc để cho công việc tiếp thu và phổ biến văn hóa ngoại quốc được dễ dàng (Chú thích khi tái bản)

Nguyễn Huệ và đều đề là «Vua Quang Trung», hoặc hai tiểu thuyết đều tả cảnh chiến tranh mà đều mang tên là «Khói lửa» thì không có thể bảo được là tác giả sau đã mượn nhan đề của tác giả trước, vì những nhan đề đó rất tự nhiên, ai cũng nghĩ tới ngay,

Khi tác giả đạo văn hoặc cố ý dùng trùng nhan đề nhà xuất bản có thể liên đới chịu trách nhiệm và bị đưa ra tòa cùng với tác giả.

CHƯƠNG III

TÁC-GIẢ TỰ XUẤT-BẢN

Khoảng mười năm trước, trong một số Thanh Nghị, Vũ đình Hoè phàn nàn cho đời sống nghèo nàn của «bọn thợ xây nền học thuật của cả một dân tộc», tức bọn nhà văn. Ông đưa ra những con số cho ta thấy một nhà văn có tài và được công chúng ưa mến, viết đều đều chỉ kiếm được trung bình mỗi tháng một số tiền bằng lương của một công chức thấp nhất. Rồi sau khi so sánh tình trạng đó với cảnh giàu sang của một số chủ báo, nhà xuất bản, nhà phát hành, ông tỏ vẻ bất bình và đề nghị hai phương sách cho nhà văn đỡ nghèo :

Phương sách thứ nhất là lập nghiệp đoàn ký giả để đòi cho được một số tiền nhuận bút xứng đáng và được quyền chia lời hàng năm của tờ báo.

Phương sách thứ nhì là các nhà văn lập văn đoàn ở khắp nơi, liên lạc với nhau, hùn vốn tự xuất bản rồi tổ chức công việc phát hành, gởi sách lẫn cho nhau bán, như vậy sẽ lợi cho nhà văn gấp ba gấp bốn lần bán bản quyền.

Hiện nay, Nghiệp đoàn ký giả đã thành lập, số tiền nhuận bút đã tăng, tuy chưa được xứng đáng, nhưng không còn quá tệ như hồi tiền chiến ; còn đòi quyền chia lời hàng năm với chủ báo thì Nghiệp đoàn có lẽ chưa dám nghĩ tới : báo bán chạy hai ba chục ngàn số, lời mỗi ngày hàng chục ngàn đồng, chủ báo cuối năm cũng chẳng chia cho ký giả một đồng nào ; mà báo bán ế thì chủ báo chậm trả lương, khất tuần này qua tuần khác, và tới lúc đóng cửa, thiếu lương luôn của ký giả.

Về phương diện đó, nghiệp đoàn ký giả còn phải tranh đấu nhiều. Ở đây chúng tôi chưa muốn bàn tới, chỉ xét vấn đề nhà văn tự xuất bản lấy, tức là đề nghị thứ nhì của Vũ đình Hoè.

Các nhà văn lập văn đoàn ở khắp nơi, hùn vốn xuất bản rồi tự phát hành lẫn cho nhau, giải pháp ấy đẹp quá ! Nhưng tôi nghĩ nó khó thực hành, vì muốn vậy mỗi văn đoàn phải là một nhóm người cùng chí hướng, đều có tư cách, biết đoàn kết, phục thiện, bỏ lòng tự ái vô lý, rồi phải hùn vốn, phải phân công mà nhà văn thường nghèo, thường ghét công việc sổ sách,

buôn bán. Lại thêm việc lựa tác phẩm để in và cách trình bày cũng dễ sinh ra mối bất hòa vì ai cũng có ý kiến riêng và cũng cho tác phẩm mình đáng in trước hết : tôi đã được biết một văn đoàn nọ độ năm sáu thi sĩ, muốn xuất bản một tập thơ có bài của mỗi người mà bàn tới bàn lui, năm lần bảy lượt vẫn chưa giải quyết xong vấn đề lựa bài cùng trình bày tác phẩm.

Thành lập một văn đoàn đứng đắn, đã là việc khó lắm, nói chi tới tổ chức nhiều văn đoàn ở khắp nơi để xuất bản rồi phát hành ! Tôi nghĩ việc sau là việc cơ hồ như không thể thành được, mà nếu có được chăng nữa thì các văn đoàn sẽ biến ra một cơ quan thương mại bao trùm khắp nước và nhà văn sẽ trở nên những con buôn mất !

Không. Theo tôi, nhà văn không nên đảm đương việc phát hành — một việc rất phiền phức — mà chỉ nên tự xuất bản lấy : hoặc bỏ vốn xuất bản tác phẩm của mình, hoặc hùn vốn với vài ba anh em mà xuất bản chung cho nhau.

Xuất bản lấy là một công việc hơi mệt đấy, nhưng lợi sẽ bõ công, nếu tác phẩm bán chạy, mà nếu sách bán hết thì lợi bằng hai viết, (chứ ít khi bằng ba và không khi nào bằng bốn như Vũ Đình Hòe nói) vì bán bản quyền bạn chỉ được 10%, bỏ vốn nhờ một nhà

xuất bản in hộ, bạn lời thêm 10%, nếu tự xuất bản, có thể lời trung bình được 10% nữa.



Dưới đây là mấy điều bạn nên biết khi muốn tự xuất bản tác phẩm của mình.

* Bạn phải kiếm một nhà in đứng đắn ở gần nhà bạn và tính giá vừa phải. Ba điều kiện đó khó có đủ, nên nếu cần bỏ một thì bạn tạm bỏ điều kiện thứ ba.

Một nhà in đứng đắn là một nhà in có thợ lành nghề, hiểu được và theo được gần đúng — tôi nói gần đúng — những lời giảng dặn của bạn về cách trình bày. Điều kiện ấy quan trọng nhất. Nếu gặp phải một nhà in làm ăn cẩu thả thì tôi xin thưa bạn hay trước, bạn phải vác ghế bố và đem cơm lại nhà in mỗi ngày để theo dõi công việc ấn loát, và chỉ bảo, kiểm điểm từ khi họ bắt đầu mua giấy, sắp chữ cho tới khi họ in xong trang cuối rồi vô bìa, rồi cắt giấy. Bực mình lắm, muốn phát điên lên được !

Một nhà in đứng đắn lại còn là một nhà in giữ ... gần đúng kỳ hạn trong giao kèo. Họ in có trễ, cũng chỉ trễ độ một vài . . . tháng. Xin bạn đừng ngạc nhiên ! In một cuốn hai trăm trang, mà trễ hai tháng là thông lệ của các nhà in ở Sàigòn, có khi họ còn trễ bảy, tám

tháng kia. Trong giao kèo mặc dầu có thể ghi điều lệ: trễ mỗi tuần phải bồi thường bao nhiêu, nhưng in xong, họ năn nỉ, van lơn thì bạn nỡ lòng nào mà trừ của họ cả chục ngàn? Họ hiểu vậy nên họ ỳ ra mà họ ỳ ra thì sách của bạn cũng ỳ ra nốt. Vậy muốn cho ra một cuốn sách vào tháng chín, mà bạn dự tính in mất ba tháng, thì nên phòng trước hai tháng trễ, (1) cộng là năm tháng, bạn hãy giao bản thảo từ tháng tư cho vừa.

Nhưng dù nhà in đứng đắn tới mực nào thì mỗi tuần bạn cũng phải lại ít nhất là hai, ba lần để thúc họ và kiểm soát công việc, cho nên tôi đã khuyên bạn kiếm một nhà in ở gần nhà, để đỡ tốn tiền xe và thì giờ đi lại.

Về giá cả, muốn khỏi bị lỗ, bạn nên hỏi giá nhiều nhà và bảo họ tính riêng:

— công sắp chữ và in mỗi trang, (mấy ngàn bản).

— tiền đóng, dán, vô bìa và cắt mỗi cuốn.

Đừng để cho họ tính gồm, bạn sẽ không biết được khoản nào cao giá quá.. Tiền giấy thì bạn trả theo hóa đơn của nhà bán giấy.

(1) Năm 1968 này, có thể trễ sáu tháng một năm là thường, mà bộ Thông tin có lệ cứ ba tháng phải xin triển hạn giấy phép kiểm duyệt, thật mất công.

* Bạn phải nghĩ lấy cách trình bày bìa sách rồi bàn với họa sĩ, họ sẽ giúp thêm ý kiến cho bạn. Nếu bạn để mặc họ trình bày thì mười lần có đến bảy lần bạn không vừa ý.

* Nếu không tin nhà in thì bìa và « ruột » sách có thể in ở hai nhà in khác nhau để đỡ có những sự in dư mà bạn không hay. Tôi nói *đỡ* thôi vì tôi nghe nói có nhà xuất bản hùn với tác giả in ruột rồi lại đề nghị với nhà in bìa cùng in dư rồi chia với nhau!

* Định số sách in là việc quan trọng, ảnh hưởng lớn đến sự thành hay bại của nhà xuất bản.

Tôi nhớ một trường hàm thụ ở Pháp dạy môn bán hàng, trong một bài về « Quy tắc bán», có khuyên học sinh đứng về quan điểm toán học mà giải mọi vấn đề làm ăn ở thời nầy, nghĩa là trước khi quyết định một việc gì, phải tính xem phần thành công của mình được trên 50% hay không; dưới số đó thì đừng nên làm. Phần thành công trên 50% mà nếu lại có thêm ít nhiều phương tiện tăng nó lên nữa thì làm chi công việc chẳng thịnh vượng?

Vậy, khi định số sách bán, bạn cũng nên theo phương pháp ấy. Bạn điều tra xem loại sách bạn xuất bản trung bình bán được bao nhiêu và cho in theo số trung bình đó, thì phần thành công của bạn được 50% rồi. Nếu bạn lại được nhiều người hứa bán giúp, mua giúp, thì chắc chắn bạn sẽ thành công.

Trong khi tính toán, bạn nên tránh tật quá lạc quan, chung cho các nhà xuất bản. Hai ông Laborderie và Boiseau trong cuốn *Toute l'imprimerie* khuyên ta nên rất dè dặt : thà in ít mà bán hết còn hơn in nhiều cho giá rẻ mà rồi sách ứ lại, đề chật nhà, lại còn làm ta lo lắng, bực mình. Theo hai ông ấy thì tiểu thuyết của một tác giả chưa có danh, không nên in quá hai ngàn. Ở nước ta, tuy mực xuất bản sách báo còn thấp nghĩa là sự cạnh tranh không gay go, nhưng vì lẽ độc giả quá ít, tôi tưởng con số 2000 ấy còn là nhiều đấy. Nói riêng về loại khảo cứu, dù sách có nhiều hy vọng được hoan nghênh, bạn cũng chỉ nên tính bán được khoảng 1500 cuốn. Số đó đã rộng rãi rồi đấy, thưa bạn.

¤ In xong, bạn phải lo việc quảng cáo. Khi giao cho người khác xuất bản thì bạn nên quên tác phẩm của bạn đi, mặc cho độc giả phê bình và mặc cho nhà xuất bản quảng cáo, sau khi đã dặn qua họ đừng quảng cáo quá lố, khiến độc giả cười mình. Nhưng khi bạn tự xuất bản lấy thì bạn nên quên bạn là tác giả mà đứng về phương diện thương mãi, nghĩa là tự giới thiệu tác phẩm của mình với công chúng. Bạn nên nhớ quảng cáo chỉ làm sách bán mau hơn, chứ không thể làm cho một cuốn bán ế hóa chạy được : sách hay mà hợp với nhu cầu quần chúng thì sớm muộn gì độc giả cũng biết mà mua.

Tuy nhiên, khoảng hai chục năm trước, một cuốn sách giá trị tầm thường mà nhờ một cách quảng cáo rất đặc biệt, đã bán chạy vo vo. Cuốn ấy là cuốn « Thanh đạm » của Nguyễn công Hoan, giao nhà Đời mới, mà giám đốc là Nguyễn Gia Vỹ, xuất bản. Khi in đã gần xong, tác giả thấy nhà xuất bản đã tự tiện bỏ một bài chiếu và một bài biểu của ông đã tốn công sưu tầm, tức thì nổi giận, viết thư mắng ông Vỹ là dốt, không hiểu được hai bài đó nên mới bỏ đi, làm tác phẩm của ông mất vẻ cổ kính. Cuối thư, văn sĩ còn hăm bạt tai nhà xuất bản :

> *« Thế là bây giờ tôi thêm được bài học khôn nữa là không những người dốt làm tai hại cho mình, mà có khi làm tai hại cho người khác. Ông đã làm hại tôi, thôi thì tôi chịu, nhưng ông đã làm tai hại cả đến văn chương của tổ quốc, thật đáng đánh cho cái bạt tai ! »*

Ông Vỹ chẳng lấy làm buồn, đem đăng ngay bức thư của Nguyễn Công Hoan lên mặt báo, ngay dưới chỗ quảng cáo về quyển Thanh đạm. Độc giả hiếu kỳ, ùn ùn kiếm mua và chưa có tiểu thuyết nào của Nguyễn Công Hoan mới ra mà bán chạy như vậy. Tất nhiên là chỉ được một lần thôi. Có người ngờ rằng hai ông ấy xếp đặt đóng trò với nhau.

Một cách quảng cáo không tốn tiền là gởi tặng tòa soạn các báo một cuốn với một bức thư yêu cầu giới thiệu trên báo, trong thư nên thêm độ năm, sáu hàng chỉ đại ý trong sách, đặc điểm của sách, số trang, giá tiền để tòa soạn dễ bề giới thiệu. Nếu có tờ báo chịu đăng vài trang trích trong sách thì kết quả sẽ nhiều hơn.

Cũng nên gởi tặng riêng các nhà giữ mục phê bình trên các báo, và các ông hiệu trưởng, giáo sư, giáo viên nếu là sách giáo khoa.

Sách tặng như vậy cũng có khi mất, nên các nhà xuất bản Âu Mỹ thường gởi theo sách một tấm thiếp dán cò sẵn, ghi tên người nhận cùng địa chỉ của mình và yêu cầu người nầy hễ nhận được sách thì gởi tấm thiếp đó trở lại.

Còn như quảng cáo mất tiền thì có hàng chục cách, như in bố cáo dán ở đường hoặc phát cho khách đi đường, in mục lục sách, quảng cáo trên màn ảnh, quảng cáo ở bìa cuốn sách trước, in một tấm băng để bao sách... Cách thường nhất là đăng trên báo. Tiểu thuyết thì nên đăng trên nhật báo, sách khảo cứu có một số độc giả riêng thì nên đăng trên tuần báo hoặc nguyệt san. Phải đăng ba, bốn kỳ liên tiếp mới có công hiệu.

Giá quảng cáo rất thay đổi, tùy số độc giả của tờ báo. Người ta lấy một khoảng dài bằng chiều ngang cột báo (khoảng 5 phân) và cao một phân, làm đơn vị, gọi là

một phân cột. Hiện nay giá một phân cột quảng cáo trên trang tư báo hàng ngày ở Sàigòn từ 50đ đến 100đ một kỳ.

* Bạn có thể giao công việc nạp bản (cũng như xin kiểm duyệt) cho nhà in để đỡ mất thì giờ, nhưng việc bán thì bạn phải đích thân lo lấy, tuy tôi vẫn biết phần đông nhà văn không ưa nó chút nào.

Tất nhiên, ta không thể bán trực tiếp cho độc giả hoặc các tiệm sách ở khắp nơi trong nước. Ta phải nhờ các nhà phát hành làm trung gian, nhưng theo tôi, không nên để cho một nhà nào làm «tổng phát hành» mà nên giao cho nhiều nhà, vì giao cho một nhà độc quyền mà nhà đó làm việc bất lực thì thiệt hại lớn.

Có nhiều cách bán :

— Bán tiền mặt.— Sách của bạn để hoa hồng cao và phải được nhà phát hành tin là sẽ chạy thì họa may họ mới chịu mua tiền mặt. Mà có mua, cũng chỉ mua một số rất ít.

— Bán chịu, nhưng bán đứt.— Nhà phát hành mua sách rồi không có quyền trả lại, nhưng được trả tiền làm nhiều kỳ hạn, khi nhận sách trả một số là bao nhiêu đấy, còn lại sẽ trả dần trong mỗi tháng sau.

— Gởi bán.— Theo cách nầy, sánh ế thì nhà phát hành có quyền trả lại. Khi nhận sách, nhà phát hành có

thể — chứ không bó buộc — trả trước một số tiền, những tháng sau họ tính sổ, bán được bao nhiêu sẽ trả bấy nhiêu. Như vậy hoa hồng để cho họ có thể thấp.

— Bán cho người nhận mua trước. — Sách mới bắt đầu in, bạn gởi thư hoặc quảng cáo đi khắp nơi, độc giả nào chịu mua thì đóng trước một số tiền, in xong, bạn sẽ gởi sách. Nhà xuất bản chỉ dùng cách đó khi phải in những bộ sách dày, tốn nhiều tiền, như các loại tự điển.

Ở Pháp, độc giả đông, sách nhiều, huê hồng để cho các nhà phát hành thường là 40% giá bán. Loại sách khoa học hoa hồng hạ nhất, loại tiểu thuyết hoa hồng cao nhất. Ở nước ta, loại khảo cứu hoa hồng thường là 35% (1), còn loại tiểu thuyết nhất là loại kiếm hiệp một đồng, thì hoa hồng có khi tới 50% không chừng.

Người ta đã nghiệm rằng sách bán có mùa, như nhiều món hàng khác. Chẳng hạn, ở Pháp, tiểu thuyết bán chạy nhất vào mùa Xuân và mùa Thu; ở bên ta, trong các vụ bãi trường và tựu trường sách bán mạnh hơn cả, ế nhất vào hồi Tết.

Sau một cuộc chiến tranh khá dài, số độc giả bao giờ cũng tăng và nhiều nhà xuất bản khéo đầu cơ, chỉ trong

(1) Hiện nay (1968) không dưới 40% và có khi tới 60%.

một năm đã thành triệu phú. Năm 1947, ở Hà Nội, một nhà nọ chỉ in truyện Kiều một cách cẩu thả mà lời được hàng trăm ngàn đồng. Mới tản cư về, sách vở mất hết, ai chẳng muốn có một cuốn Kiều để ngâm nga cho đỡ buồn, dù đắt mấy mà không mua?

Bởi vậy, nhà đó in năm ngàn cuốn Kiều, mới một tháng đã bán hết, lần sau đánh bạo in gấp đôi, không ngờ vẫn không đủ bán, lại phải in thêm.

Xuất bản lấy, bạn phải đảm đương hết những công việc kể trên, song khéo tổ chức thì không tốn thì giờ cho lắm, mỗi ngày chỉ bỏ vài ba giờ là một năm có thể xuất bản được sáu cuốn.

Nhưng tôi xin dặn kỹ bạn điều này: nếu bạn chưa được nhiều độc giả biết đến mà lại chỉ viết được một cuốn thì đừng nên xuất bản lấy; các nhà phát hành không chịu mua sách của bạn đâu, bạn phải gởi bán và thu tiền sẽ rất chậm. Tôi đã biết ba trường hợp như vậy: một tập thơ, một tiểu thuyết, một cuốn khảo cứu đều có giá trị mà hai năm mới thu đủ vốn chỉ vì xuất bản lẻ loi.

Muốn thành công, ta phải gom ít nhất năm sáu tác phẩm có giá trị, dễ bán (vừa của ta, vừa của những bạn thân) kiếm được một số vốn khoảng sáu chục ngàn đồng, (1) đặt một tên cho nhà xuất bản rồi xuất bản đều đều

(1) Hiện nay (1968) phải có độ 200.000đ

hai tháng một cuốn, như vậy các nhà phát hành mới lưu ý tới và chịu mua sách của ta. Đã xuất bản được sáu cuốn mà bán đều đều không ế thì ta khỏi phải thêm vốn nữa, số tiền bán sách đủ làm vốn luân chuyền để cho ta xuất bản thêm và có món chi tiêu hàng tháng.



Tôi biết ít nhà văn có đủ những điều kiện ấy để xuất bản lấy tác phẩm của mình. Khó lắm. Nhưng càng khó càng phải rán. Ta đã nhất định lựa nghề cầm bút thì phải dự bị từ trước mà tổ chức đời sống của ta. Làm một nghề thứ nhì để sống, dành dụm mỗi năm một số tiền, viết trước vài ba tác phẩm, tìm bạn cùng chí hướng cùng hăng hái theo đuổi một mục đích, thì trong năm năm, có khi sớm hơn, là ta đã làm chủ một nhà xuất bản nho nhỏ được rồi.

Xã hội có rất nhiều cái bất công. Kẻ rút ruột ra viết một cuốn sách hàng năm, sáu tháng chỉ được lãnh 10% giá bán ; còn kẻ có vài chục ngàn bỏ ra làm vốn, mỗi ngày trông nom công việc in, bán độ một, hai giờ thì lời được 20%. Bảo nhà xuất bản phải được lời nhiều vì còn chịu sự rủi ro khi bán sách ế ; điều đó có phần hữu lý ; nhưng ta thử hỏi trung bình mười cuốn sách in ra có mấy cuốn bán ế, còn mười cuốn viết ra, có bao nhiêu cuốn không bán được cho nhà xuất bản ? Vậy thì nhà văn cũng có sự rủi ro đấy chứ ?

Huống hồ ở nước ta, mười nhà văn chỉ được vài ba người đủ sống ; còn mười nhà xuất bản thì người nào cũng sống dư (1) và có người làm giàu rất mau. Các tiệm sách cũng vậy. Nội một điều đó đủ cho ta thấy hạng người nào bị thiệt thòi rồi.

Xã hội đã chưa chịu thay đổi thì ta chỉ còn một cách là tổ chức đời sống của ta trong khi chờ đợi. Vậy hỡi các bạn cầm bút, chúng ta hãy nên rán họp nhau lại, mỗi nhóm bốn năm người, gây một số vốn, tự xuất bản lấy. Được vậy, chẳng những lợi về vật chất cho gia đình chúng ta, chẳng những lợi về tinh thần cho chúng ta vì chúng ta sẽ khỏi phải chiều ý một nhà xuất bản nào hết, mà nhất là lại còn lợi cho văn hóa Việt Nam, vì chỉ khi nào có nhiều nhà xuất bản của những nhà văn đứng đắn thì các cây bút có tài mới được nâng đỡ, khuyến khích, quần chúng mới được hướng dẫn, khỏi bị đầu độc và các tác phẩm có giá trị mà khó bán mới xuất hiện được.

Tôi thiết tha mong điều đó lắm, nên đã dài dòng viết chương trước và chương này, nếu có bạn nào cho là rườm rà, thì xin lượng thứ.

---

(1) Tôi không kể những nhà xuất bản tài tử, mỗi năm chỉ cho ra vài cuốn thì tất không khá được.

CHƯƠNG IV

TÂM LÝ ĐỘC GIẢ.

Nhà văn có thể không cần tiền, cũng có thể không cần danh, nhưng nhất định là phải cần độc giả. Tất nhiên có tác phẩm kén độc giả, có tác phẩm không; có người viết cho đương thời, có kẻ viết cho hậu thế (1), nhưng đã viết thì ai cũng mong có người đọc mình, nếu không thì viết làm gì ?

Vậy chỉ những kẻ điên như Huy Cận trong bài tựa cuốn *Kinh Cầu Tự* mới cả gan dám khinh miệt độc giả, còn nhà văn nào cũng cần tìm hiểu bạn đọc của mình.

Độc giả có thể trách tác giả ba điều : viết dở, viết khó quá, bán đắt quá.

(1) Như Tư Mã Thiên. Ông soạn bộ Sử ký và định chôn sâu nó trong núi cho người đời sau đào lên đọc.

Về hai điều trên, nhà văn phải nhận lỗi. Mỗi tác phẩm khi đã bày ở tiệm sách là tìm những độc giả thích hợp với nó : chẳng hạn loại tiểu thuyết lá cải tìm những độc giả bình dân, khảo cứu tìm hạng trung lưu có học. Nếu chính những độc giả đó phải chê là viết thiếu nghệ thuật hoặc khó hiểu quá thì nhà văn không còn tự bào chữa gì được nữa.

Có những kẻ mỉa mai :

— Độc giả bây giờ ấy mà, chỉ thích Tống Chân, Cúc Hoa, Chinh Đông, Chinh Tây .... thì làm sao tiểu thuyết của tôi bán chạy được ?

hoặc bĩu môi nói :

— Chưa có sức học phổ thông mà dám chê sách là khó hiểu.

Những kẻ đó đều vô lý. Tôi nghĩ ta phải tùy theo trình độ của độc giả mà viết, độc giả có hiểu ta, thích ta rồi ta mới dần dần hướng dẫn họ được. Hãy luyện một lối văn bình dị rồi kể những chuyện ly kỳ trong xã hội chúng ta đương sống đi, thử xem quần chúng có bỏ Chinh Đông, Chinh Tây mà đọc tiểu thuyết của ta không ? Mà nếu độc giả chưa có sức học phổ thông thì ta càng phải viết rất rõ ràng cho độc giả biết được những điều phổ thông rồi dần dần tiến sâu vào con đường học vấn. Như vậy mới là làm tròn trách nhiệm

của ta chứ. Tôi tin rằng điều gì hiểu rõ thì tất giảng được mà nếu giảng không được thì là vì hiểu không rõ.

Ngoài ra ta lại nên biết tâm lý chung của độc giả là không có thì giờ mà cũng không chịu mệt óc để đọc cẩn thận và tìm hiểu, cho nên ta lại càng phải viết minh bạch.

Đến điều chê thứ ba : « sách bán đắt quá » thì tôi phải nhận rằng, trong ít nhiều trường hợp, độc giả không hiểu rõ tình hình sách ở nước nhà.

Tôi nhớ đã đọc một bài ký tên «Một độc giả» đăng trên báo Việt Thanh mấy năm trước. Tác giả bài đó kể chuyện một hôm vào tiệm sách nọ, gặp một người bạn muốn mua cuốn *Nho giáo* của Trần Trọng Kim mà còn đắn đo, so sánh giá tiền với số trang xem sách đắt hơn tiểu thuyết nhiều không, rồi tác giả kết luận :

« *Sách thời này đã thành một món hàng thì ta phải xét nó như xét một món hàng. Một thước vải với một thước lụa khổ bằng nhau mà giá đâu có như nhau? Một cây viết Parker với một cây viết Pilot giá cách nhau một trời một vực thì sách đáng lý cũng phải vậy chứ ? Mua bất kỳ món hàng gì, ta xem phẩm lẫn lượng mà sao mua sách ta chỉ chú ý tới lượng ?* ».

Xã hội quả có bất công như vậy. Sách là một món hàng cần phẩm nhứt chứ không cần lượng thế mà một

khi in xong bày ở tiệm thì người mua phần đông chỉ xét tới lượng. Một tấm khăn bàn thêu tay có khi đắt gấp năm một tấm thêu máy thì không ai chê là cao giá, còn một tác phẩm viết công phu gấp mười một tác phẩm khác thì phần đông độc giả lại không chịu phân biệt vàng thau.

Tuy nhiên, xét cho kỹ, lỗi cũng không phải ở độc giả. Đại đa số độc giả làm sao rõ được công phu trứ tác, rồi công phu in và số sách in ra ? Có mấy người tưởng tượng được rằng phải đọc hàng chục, hàng trăm cuốn sách mới viết được một cuốn sách khảo cứu, phải thức trọn đêm để sửa chữa được một trang, phải chép lại bản thảo ba bốn lần, phải chầu chực ở nhà in hàng tháng để kiểm soát việc ấn loát, có khi phải đích thân chạy đi mua chữ về sắp lấy ?

Tốn công đã lắm, tốn của cũng nhiều, mà vì là loại khảo cứu không dám in ra trên ngàn rưởi cuốn, thì giá sách dù có đắt gấp đôi những tiểu thuyết viết trong bảy ngày và in một lần năm mười ngàn bản, cũng vẫn là rẻ, rẻ lắm. Độc giả hiểu sao được những tình cảnh đó ?

Nhưng nhà văn không nên buồn vì vậy, và khi lựa nghề viết văn, như tôi đã nói, bạn đã mặc nhiên ký giao kèo với xã hội, chịu nhận trước mọi sự bất công rồi, không được ân hận gì cả. Bạn luôn luôn phải rán gom lần lần được một số độc giả trung thành để bảo đảm tương lai của bạn.

Emile Henriot nói :

« Ba nghìn độc giả trung thành, biết cách đọc, thích cách suy nghĩ và phô diễn của bạn, đoán rõ những «ý tại ngôn ngoại» của bạn, đợi sách mới của bạn rồi mua, về giới thiệu với người chung quanh làm cho họ thích nó : đó, tham vọng của một nhà văn có tư tưởng nên hạn chế ở chỗ ấy là gom được một nhóm bạn hữu tận tâm, hữu ích một cách thông minh. Việc đó không phải một ngày làm nên được đâu ; nhưng cái nhóm người có thiện cảm ấy, một khi đã có rồi thì mỗi ngày nảy nở thêm lên, nếu nhà văn đáng cho họ mến ; và không có gì ngăn cản nhóm trí thức ưu tú đó một ngày kia thành đa số độc giả. Tất cả những đại văn hào thế kỷ nầy đều trông cậy vào nhóm ấy, từ Stendhal tới A.France.»

Được một nhóm độc giả trung thành và thông minh, có lẽ là phần thưởng quí nhất của nhà văn. Và theo tôi, nếu nhóm đó là thanh niên thì trách niệm nhà văn khá nặng, phải hướng dẫn cả một thế hệ, nhưng cái vui cũng cao hơn mà công việc cũng dễ có kết quả hơn vì bạn trẻ vốn nhiều nhiệt huyết.

Thi hào Alfred de Vigny suốt đời chỉ mong được như vậy.

Trong bài thơ *L' esprit pur* (Tinh thần trong sạch) ông viết :

Jeune postérité d'un vivant qui vous aime !...
Flots d'amis renaissants ! Puissent mes destinées
Vous amener à moi, de dix en dix années.
Attentifs à mon oeuvre, et pour moi c'est assez !

Tăng lên mãi, cứ mỗi năm, lớp lớp,
Bạn đến tôi, chăm chú đọc thơ tôi.
Hậu sinh hỡi, thanh niên tôi yêu mến,
Được vậy chăng, mãn nguyện với tôi rồi !

Theo Băng Tâm, một nữ sĩ chuyên giữ mục nhi đồng trên nhiều tờ báo Trung Hoa, thì hạng độc giả trung thành nhất và dễ thương nhất là hạng độc giả tí hon. Bà nói không gì cảm động bằng nhận được thư của các em giục viết tiếp truyện những nàng Tiên áo đỏ, áo xanh, hoặc yêu cầu cho em bé trong truyện tìm được cha mẹ, cho tên bạo chúa chết phắt đi, «sống chi cho uổng cơm»... Nhìn những hàng chữ nguệch ngoạc, đọc những lời ngây thơ, bà tưởng tượng hàng ngàn cặp mắt long lanh, hàng ngàn nụ cười hồn nhiên bao vây bà, hàng ngàn cái miệng xinh xinh, hé ra như để uống lời bà hàng ngàn cặp môi đỏ chót nũng nịu với bà. Nhà văn ta đã ai được cái vui đó chưa nhỉ ?



Bốn năm trước, tại quận Chợ-Mới (Long-Xuyên) không có tiệm sách. Đồng bào miền đó có gởi mua sách

chỗ khác không ? Không. Đã mất công mà lỡ mua phải một cuốn không vừa ý thì thêm uổng tiền. Từ khi có người mở tiệm sách ở nơi đó, số sách bán được gần bằng một phần tư số sách bán tại châu thành Long Xuyên.

Vậy sách phải đi tìm độc giả chứ độc giả ít khi tìm sách và hiện nay mức tiêu thụ sách ở nước ta còn có thể tăng lên được nhiều. Sự giao thông đã dễ dàng, các nhà phát hành nên đặt thêm đại lý ở mỗi quận, mỗi chợ.

Các nhà xuất bản nên nghiên cứu vấn đề gây sự ham đọc sách trong đại chúng và tôi ước ao Chính phủ xúc tiến công việc truyền bá văn hóa như là lập một kế hoạch, định :

— bước thứ nhứt : nội trong một hay hai năm, bất kỳ người Việt nào từ 15 đến 60 tuổi cũng phải biết đọc, biết viết.

— bước thứ nhì : mở những lớp tối, lập thư viện để phổ thông những tri thức cần thiết trong quần chúng; đồng thời hướng dẫn khuyến khích sự tự học trong mọi từng lớp, trong giới công chức trước hết, lại khuyến khích sự trứ tác, nhất là công việc soạn một bộ tự điển Việt Nam, một bộ Bách khoa tự điển, và một cuốn Ngữ pháp.

Nhà xuất bản lại nên hợp tác với nhà sách và nhà văn để điều tra xem độc giả mua một cuốn sách vì lẽ gì, hầu quảng cáo có nhiều kết quả, mà bán sách được mạnh.

Ông R. Basch, trong cuốn *L'auteur et son éditeur*, kể chuyện rằng một nhà xuất bản Đức, tên là Eugène Diederich bỏ vào mỗi cuốn sách một tấm bưu thiếp yêu cầu độc giả gởi tấm ấy về nhà xuất bản và cho biết lý do đã mua cuốn ấy. Rồi Diederich thu thập những câu đáp, lập thành bản thống kê dưới đây :

Số thứ tự	LÝ DO MUA SÁCH	Đàn ông	Đàn bà
1	Vì đọc những bản báo cáo, phúc trình.	18,1 %	17,6 %
2	Có người biết lựa sách giới thiệu.	14,2	17
3	Đã đọc những tác phẩm khác của tác giả	13,8	12
4	Nhận được những tờ quảng cáo, chương trình đặc biệt	9,8	5
5	Thấy sách bầy ở tiệm.	8,6	5
6	Nhận được mục lục sách.	6,7	5,4
7	Nhà bán sách giới thiệu.	5,2	7
8	Đầu đề khảo cứu.	4,7	3,3
9	Quảng cáo bằng yết thị.	4	1,2
10	Bài trên báo.	3	3,3
11	Diễn thuyết.	2,8	5
12	Có người đã trích dẫn trong sách khác.	2,6	3,3
13	Bài trích đăng hoặc in để quảng cáo.	2,1	2,5
14	Nhân cách của tác giả.	1,3	1,7
15	Sách mượn về nhà coi qua.	0,8	1,2
16	Linh tinh thuộc về cách trình bày.	1	1

Chúng ta chưa thể tin kết quả của cuộc thí nghiệm ấy — độc giả Đức không phải là độc giả Việt Nam, độc giả thời trước khác độc giả bây giờ, vả lại còn tùy loại sách nữa — song ít nhất Diederich cũng biết rằng độc giả mua sách vì rất nhiều lý do và hiểu được tâm lý đại chúng thì quảng cáo tất có kết quả hơn, sách bán chắc dễ hơn.

Văn học của ta sắp bước vào một kỷ nguyên mới, chúng ta sắp có một lớp độc giả mới. Chiến tranh đã ngưng được một năm, vấn đề xây dựng và giáo hóa thành khẩn thiết nhất. Chẳng bao lâu nữa, toàn dân sẽ biết đọc, biết viết. (1) Từ trước tới nay độc giả phần đông ở trong giai cấp tiểu tư sản ; rồi đây những độc giả thợ thuyền và nông dân sẽ đông hơn hết nên văn nhân không thể quên họ.

Một số văn nhân như Triều Sơn, trong cuốn « Con đường văn nghệ mới» đã trông thấy viễn ảnh đó và khuyên các văn nghệ sĩ, nhất là các thi nhân, kịch gia, tiểu thuyết gia, phải đi sát đại chúng « Con đường mới» đó rất khó theo, phải lăn lóc với đại chúng rồi văn mới đi sát đại chúng được, nên lý thuyết đã nhiều người nói mà thực hành thì chưa ai làm. Tùy nhiên ai cũng phải nhận rằng lịch sử nghệ thuật sẽ là lịch sử của đại chúng và « số phận văn chương ràng buộc với số phận giai cấp đại chúng.»

(1) Vì chiến tranh hiện nay (1969) công việc xây dựng văn hóa lại phải trễ cả chục năm rồi và không biết còn trễ trong bao nhiêu năm nữa.

CHƯƠNG V

LỜI PHÊ BÌNH CỦA ĐỘC GIẢ

Tôi tưởng nhà văn cũng phải cần can đảm gần như chiến sĩ.

STENDHAL

Bởi vì bạn khác tôi cho nên tôi yêu bạn, yêu bạn vì những chỗ bạn khác tôi.

A. GIDE.

Lời khen của nhà phê bình có thể ví như ngọn gió căng cánh buồm của văn nhân, đưa tới thành công và danh vọng chẳng hạn như Marcel Proust được Léon Daudet nhiệt liệt ca-tụng mà nổi danh khắp thế giới (Trong trường hợp ấy, ai sướng hơn ai nhỉ, người đã tìm được một thiên tài hay kẻ được đưa lên hàng thiên tài ?)

Mà lời chê của nhà phê bình cũng có thể ví như ngọn sóng đánh úp luôn chiếc thuyền của văn nhân. Tôi không nhớ đã đọc ở đâu rằng một tác giả ở Pháp đã tự-tử vì bị chỉ-trích thậm-tệ và tôi chắc một kịch-gia nọ ở nước ta không còn ham soạn kịch nữa sau khi tác phẩm bị chê «về nội dung là số không, về hình thức cũng là số không, cộng hai số không vẫn thành số không».

Tôi tưởng nếu tác phẩm hoàn toàn là một con số «không» như vậy thì nên quên đi, chứ phê bình mà làm chi ? Đã chắc gì mà dám quả quyết là con số không vì cả những nhà phê bình đại danh khắp thế-giới mười lần xét đoán cũng có ba, bốn lần sai. Mà dù ta xét không lầm đi nữa thì mạt sát người tàn nhẫn không phải là cách làm cho người chịu nhận lỗi mà sửa mình. Có khi ta còn đi ngược mục đích của ta nữa, muốn cho một tác phẩm bị chôn vùi mà ta chê quá, độc giả có thể vì hiếu kỳ, lại tìm mua về coi cho kỳ được.

Vậy chỉ nên phê bình những tác phẩm có ít nhiều giá trị, để có thể vừa chê vừa khen. Như thế phê-bình mới có tính cách kiến thiết và ích lợi cho văn học.

Nhà phê bình, muốn làm trọn nhiệm vụ một viên ngự sử trên văn đàn, phải là một nghệ sĩ học rộng, có công tâm và không có thành kiến. Hạng người có đủ những điều-kiện ấy thời nào cũng rất hiếm và thường

ta chỉ thấy những người ít học, thiếu tài lại phê bình vì nể tình, vì ghen ghét hoặc vì tiền.

Độc giả dễ nhận được hạng phê bình vì cảm tình hoặc vì thù oán, không nỡ nặng lời về những chỗ thiên lệch của bọn trên và khinh bỉ thái độ ti tiểu của bọn dưới; nhưng khó phân biệt được hạng phê bình vì tiền. Hạng nầy khôn-khéo lắm, có vẻ như công tâm nên dễ lừa gạt nhiều người.

Tại Âu, Mỹ tạp chí văn chương nào cũng có một nhà chuyên giữ mục phê bình. Họ đều là nhà văn, có ít nhiều kinh nghiệm và tiếng tăm, được độc giả tin và lời giới thiệu cũng có giá trị. Tác phẩm nào được họ khen thưởng dễ bán, nên các nhà xuất bản, nhất là các nhà văn chưa có tên tuổi, tranh nhau cầu thân với họ, hối lộ họ; và họ có một số bị cái lợi ám nhãn, đã bán rẻ cây bút của mình, chỉ đổi lấy một ký cà phê hoặc đường trong thời khan thực phẩm.

Ở nước nhà, hồi tiền chiến, cũng đã có những văn sĩ mua nhà phê bình bằng một tiệc rượu, một chầu hát. Lại có kẻ trắng trợn tới nỗi yêu cầu bạn thân bôi nhọ mình, chỉ trích tác phẩm mình kịch liệt trên báo, rồi tự viết bài đáp, hoặc nhờ một bạn thân khác đáp để độc giả chú ý tới tên mình. Đọc những bài bút chiến đó ai mà không tưởng rằng hai bên là những kẻ thù không đội trời chung ? Họ dùng đủ những danh từ hàng tôm hàng cá để tặng nhau — có vậy đại đa số độc giả mới

thích chứ — họ như muốn ăn sống nuốt tươi nhau, tấn công nhau tới tấp, ai ngờ đâu đó là một màn kịch để đánh lừa độc giả.

Người ta bảo văn nghệ khi nào phát triển mạnh thì trên văn đàn xuất hiện nhiều nhà phê bình. Lời đó cũng có lý. Tám chín năm trước chiến tranh, tiểu thuyết và thơ mới tiến rất mau, và trên tuần báo nào ta cũng thấy những bài phê bình của các văn sĩ trong nhóm này hay nhóm khác; từ 1947 tới nay, văn nghệ suy, các nhà phê bình cũng im tiếng. Thà im tiếng còn hơn, chứ gây những cuộc bút chiến bi hài kịch như trên thì chỉ hại cho văn nghệ và làm cho độc giả mất thì giờ.



Hầu hết nhà văn nào cũng có lòng tự ái rất mạnh, coi tác phẩm của mình là danh dự của mình, nên mười nhà thì có chín nhà, khi bị chỉ trích nổi dóa lên, đỏ mặt tía tai, mất ăn, mất ngủ, và thốt ra những lời chẳng văn chương chút nào cả.

Một đại văn hào như Montesquieu mà cũng uất ức, thốt lên câu này để mắng những kẻ đã mạt sát ông: «Tôi là một cây lớn, bọn chúng là những con cóc; cóc khạc nọc ở gốc cây, cây có sao đâu?» Vâng, cây thì không sao, nhưng chắc chắn là ông đã căm gan lắm nên mới nói vậy cho hả. Giữ được thái độ bình tĩnh là một việc

rất khó: phải có một bản lĩnh cao, biết phục thiện mà cũng biết khoan hồng. Rất ít người có những đức ấy nên bao giờ ta cũng kính mến một nhà văn bị chỉ trích mà biết binh vực quan niệm của mình một cách hòa nhã như Trần Trọng Kim khi trả lời những bài *Phê bình Nho giáo* của Phan Khôi.

Thái độ của Phan văn Hùm sau khi đọc xong bài Ba Xuyên phê bình cuốn Vương Dương Minh của ông cũng rất đẹp. Ba Xuyên nhã nhặn vạch nhiều lỗi dịch sai nghĩa rất nặng của tác giả, tác giả nhận hết và cảm ơn bằng mấy vần sau đây:

Pháp văn nghiền ngẫm mấy mươi năm
Văn pháp còn bao chỗ tối tăm.
Hán tự mình ên tìm đọc lấy,
Lấy đâu tránh được hiểu không nhầm.
Cám ơn dạy bảo bao lời,
Vén mây cho thấy lưng trời, công ai!

Ai đã viết lách lâu năm đều nhận thấy càng học càng thấy mình dốt, và cẩn thận tới đâu thì tác phẩm của mình cũng còn nhiều lỗi nặng.

Tuy nhiên, phục thiện mà tới cái mực quá đáng, tỏ ra mình thiếu lòng tự tín thì tôi chắc phần đông độc giả không thích. Ta có thể ngờ rằng người đó thiếu bản lãnh. Ngược lại một số nhà văn bị chỉ trích, không sao trả lời được, thuê du côn đón đánh đối phương

trong các đường hẻm ; chuyện đó thường xẩy ra, không đáng cho ta ngạc nhiên. Lạ lùng nhất là sao có những kẻ cầm bút mà dùng chiến thuật của đàn bà, cho em cháu mồm loa mép giải ra chửi kẻ địch : họ không trả lời người chỉ trích — một người đứng đắn đáng cho họ trả lời chứ — mà bảo «em út» viết bài mạt sát lại. Còn có thể nói năng gì được với hạng người như vậy ? Họ làm ra vẻ ta cao cả đây, không thèm phí lời, có ngờ đâu thái độ đó chỉ đáng khinh bỉ.

Khi bị chỉ trích, bạn đừng nên trả lời ngay, thế nào ý kiến của bạn cũng sẽ thiên lệch, giọng của bạn cũng sẽ mỉa mai, bực tức, khiếm nhã. Nên đợi độ một tuần lễ sau sẽ đáp và trước khi gởi đăng, nên nhờ một người thân lấy công tâm đọc bài của bạn, xét đâu là phải, đâu là trái và sửa chữa lại giùm.

Nếu bạn đã nổi danh mà có một văn sĩ tập sự xuyên tạc để chê bai và nói xấu bạn thì bạn nên đáp hay nên im ? Trường hợp nầy cũng hơi khó xử. Một anh bạn tôi bảo nếu im thì mắc mưu y, y sẽ tự lấy làm đắc chí là đã thắng được một danh sĩ, cho nên tốt hơn là bạn mượn người viết hoặc ký tên khác để thanh minh với độc giả. Tôi tưởng không cần như vậy : hễ trong bài của y có chỗ nào đáng trả lời thì cứ nghiêm trang trả lời rồi ký tên thật, không đáng trả lời thì thôi, và nếu y đê hèn, đả động đến đời tư của bạn, làm hại đến danh dự bạn thì đã có công luận và công lý.

Bị chê chưa hẳn đã đáng buồn mà được khen cũng chưa đáng vui, vì những lời khen với chê, dù công bình đi nữa, chỉ có một giá trị tương đối.

Charles Braibant đã thu thập hết những lời phê bình trên báo về tiểu thuyết «Soleil de Mars» của ông. Tôi xin trích lại dưới đây để bạn đọc.

Về phương diện kể chuyện tác giả đã thất bại. (Claude Vanquier — Tờ La Tribune provençale)	Một tác giả trời phú cho tài viết, một nhà kể chuyện kiểu mẫu. (Francois — Tờ Le Jour)
Một người đàn anh nhìn đời sau cặp kính biến hình. (Jean Pierre Maxence. Tờ Gringoire).	Tiểu thuyết rất tự nhiên (Marius Richard. — Tạp chí La Revue de France).
Ông lúng túng khi ông ngưng kể mà phê bình câu chuyện, để khuyến dụ ta suy nghĩ về những vấn đề do thái, tư bản ; ái quốc quá khích tới bài ngoại. (René Lalou. — Les nouvelles littéraires)	Tiểu thuyết của ông Charles Braibant có một phương diện tâm lý chánh trị, phần đó có lẽ là phần bổ ích và mới mẻ nhất. (Martin Maurice. — Tờ La lumière)

Một nhà phê bình khác, André Rousseaux, trong

tờ Figaro chê truyện đó kém truyện « Enfants aveugles» của Bruno Gay Lussac. Robert Brassillach, trong tờ Action francaise, trái lại, khen là vô cùng hay hơn truyện « Enfants aveugles ».

Như vậy có nực cười không chứ? Nực cười nhưng rất dễ hiểu. Dù công tâm thì mỗi nhà phê bình cũng có những tình cảm riêng, quan niệm riêng, sự hiểu biết riêng, nên xét đoán thường khác nhau xa.

Và nếu may mắn, bạn được phần đông độc giả thông minh đều ca tụng thì bạn lại càng không nên vui : Giữ được lòng mến của độc giả là một việc vô cùng khó. Nữ sĩ Margaret Mitchell đã hy sinh năm vạn mỹ kim — khoảng hai ba triệu bạc — (1) để khỏi làm thất vọng độc giả. Khi danh cô đã vang khắp nước Mỹ, nhiều tờ báo xin trả cô trước số tiền ấy để cô viết cho một truyện ngắn, cô từ chối vì chưa tìm được cốt truyện hay. Một cử chỉ đó cũng đáng cho cô được giải thưởng Nobel rồi. Bạn thử tưởng tượng: một truyện ngắn có thể viết trong vài ngày là xong mà trả hai, ba triệu bạc! Bạn có hùng tâm được như vậy không? Nếu có thì chắc chắn trong nghề viết văn bạn sẽ có một tương lai chói lọi.

(1) Bằng năm sáu triệu năm 1968.

MỤC LỤC

ĐÍNH CHÍNH

Những số có chữ **d** ở sau xin đếm từ dưới lên

TRANG	HÀNG	IN SAI	ĐÚNG
20	8d	qui y	qui **cy**
26	3d	3% giá sách	3% ; giá sách
98	3d	tá phong	**tác** phong
133	2 5	tôi biết giáp	tôi biết **nhiều** **dáp**
145	10d		thêm một gạch chéo lên chữ **V** và **P** ở đầu hàng.
161	5	những lời	những **nhà**
172	2	1966	1866

Nhà in HỒNG LAM 32 Nguyễn Bỉnh Khiêm Saigon.